

Số: 09 /2019/GM - ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2019

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.

Kính gửi: Quý cổ đông:.....

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng VINACONEX (VINACONEX P&C) trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty như sau:

- ❖ **Thời gian họp:** Bắt đầu từ 09 giờ 00 phút ngày 16 tháng 03 năm 2019.
- ❖ **Địa điểm:** Hội trường tầng 3, Khu nhà quản lý vận hành các công trình thủy điện, thôn Trung Chính, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- ❖ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 theo danh sách chốt cổ đông ngày 20/02/2019. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời).
- ❖ **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình Đại hội đính kèm Giấy mời. Quý vị cổ đông có thể vui lòng xem và tải về các tài liệu của Đại hội tại địa chỉ website Công ty: <http://www.vinaconexpc.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông).
- ❖ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**
 - Để Đại hội được tổ chức chu đáo, đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h 00 ngày 13/03/2019**, bằng cách gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh hoặc fax theo số 0246.2699977.

- Quý vị cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Giấy mời họp, CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp)
- Công ty sẽ bố trí xe ô tô đón Quý vị cổ đông tham dự Đại hội tại 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội vào lúc **05h00** ngày 16/03/2019. Đề Ban tổ chức phục vụ chu đáo, rất mong quý vị cổ đông đăng ký trước **16h30** ngày 13/03/2019 và có mặt đúng giờ.
- Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Bộ phận Quan hệ cổ đông, Ban Giám sát và đầu tư tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng VINACONEX, địa chỉ: Tầng 19 - Tòa nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0246.2699988 (Máy lẻ: 181, 186), gặp Mrs. Quỳnh Chi hoặc Mrs. Thu Hiền).

Trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội!

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu HĐQT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**



VƯƠNG HOÀNG MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN / ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ
2019-2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX P&C

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội - Công ty cổ phần VINACONEX P&C

- Tên cổ đông.....
- Địa chỉ:.....
- CMND/Giấy CNĐKDN số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày 20/2/2019 là:.....cổ phần.
(Bằng chữ:)

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ Đồng ý tham dự Đại hội
2. ☐ Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

- Họ và tên người được ủy quyền:.....
- Địa chỉ:.....
- Giấy CMND/Hộ chiếu số:.....cấp ngày.....tại.....

3. **Hoặc ủy quyền cho 1 trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:**

- | | |
|--|----------------------------------|
| ☐ Ông Vương Hoàng Minh | - Chủ tịch |
| ☐ Ông Lê Văn An | - Ủy viên |
| ☐ Ông Nguyễn Tuấn Cường | - Ủy viên |
| ☐ Ông Thân Thế Hà | - Ủy viên |
| ☐ Ông Vũ Đức Quang | - Ủy viên |
| ☐ Ông Phạm Bảo Long | - Ủy viên, Tổng Giám đốc Công ty |

4. **Nội dung ủy quyền:**

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng VINACONEX (VINACONEX P&C), tổ chức vào ngày 16/03/2019 tại Thanh Hóa và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và phải thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

5. **Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:**

- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần VINACONEX P&C.

....., ngày.....tháng..... năm 2019.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ 2019-2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX (VINACONEX P&C)

.....

Thời gian: 9h00, thứ 7, Ngày 16 tháng 03 năm 2019

Địa điểm: Hội trường tầng 3, Khu nhà quản lý điều hành các công trình
thủy điện, thôn Trung Chính, xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, tỉnh
Thanh Hóa

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
9h00 -9h30	Đón tiếp và đăng ký cổ đông dự họp Văn nghệ chào mừng Đại hội	Ban tổ chức Đại hội
9h30-9h35	Chào cờ, tuyên bố lý do và khai mạc Đại hội.	Ông Nguyễn Thanh Phương Giám đốc Ban TCHC
9h35-9h40	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và công bố số lượng cổ đông tham dự. (ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Biên bản thẩm tra tư cách cổ đông bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Ông Đỗ Vương Cường Phó Tổng giám đốc
9h40-9h45	Thông qua danh sách đề cử Đoàn chủ tịch, Ban thư ký. (ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Ông Nguyễn Thanh Phương Giám đốc Ban TCHC
9h45-10h00	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc của đại hội đồng cổ đông năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 (ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế làm việc đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Ông Phạm Bảo Long Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
10h00-10h20	- Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả SXKD năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019. - Báo cáo của Ban điều hành tổng kết hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2014 - 2019 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2019 - 2024. - Báo cáo hoạt động đầu tư năm 2018 và dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2019.	Ông Phạm Bảo Long Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
10h20-10h35	- Báo cáo của HĐQT về công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động SXKD năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 và định	Ông Vương Hoàng Minh Chủ tịch HĐQT

		hướng hoạt động cho nhiệm kỳ 2019-2024	
10h35-10h50		- Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty trình ĐHĐCĐ - Tờ trình thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Vinaconex P&C.	Bà Nguyễn Thị Kim Loan Trưởng Ban kiểm soát
10h50-11h00		- Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2018. - Báo cáo việc thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2019 và Tờ trình đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2019. - Tờ trình của HĐQT về việc thông qua quy chế Quản trị nội bộ. - Tờ trình của HĐQT về việc đề nghị thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	Ông Phạm Bảo Long Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
11h00-11h15		- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ. - Tờ trình của HĐQT về phương án nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2024 <i>(ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua phương án nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)</i> - Công bố danh sách đề cử/ứng cử tham gia HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 <i>(ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua danh sách ứng cử/đề cử HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)</i>	Ông Vương Hoàng Minh Chủ tịch HĐQT
11h15-11h20		Thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết <i>(ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)</i>	Ông Vương Hoàng Minh Chủ tịch HĐQT
11h20-11h30		Trình bày Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024. <i>(ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử HĐQT/BKS bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)</i> Ban bầu cử và Kiểm phiếu biểu quyết hướng dẫn cổ đông thực hiện quyền bầu cử và phát phiếu, thu phiếu bầu HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 cho cổ đông.	Ông Đỗ Vương Cường - Phó TGĐ Trưởng Ban bầu cử và Kiểm phiếu biểu quyết
11h30-11h40		Thảo luận của Đại hội cổ đông (Theo nội dung đăng ký thảo luận của cổ đông)	Đoàn chủ tịch điều hành

11h40-11h50	Công bố Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 (ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua Biên bản kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Trưởng Ban bầu cử và Kiểm phiếu biểu quyết
11h50-12h00	Xin ý kiến ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024. (ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Ông Vương Hoàng Minh Chủ tịch HĐQT
12h00-12h10	Tiếp tục thảo luận của Đại hội cổ đông (nếu có) (Theo nội dung đăng ký thảo luận của cổ đông)	Đoàn chủ tịch điều hành
12h10-12h15	Công bố biên bản kiểm phiếu biểu quyết của ĐHĐCĐ về các nội dung của ĐHĐCĐ năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024	Trưởng Ban bầu cử và Kiểm phiếu biểu quyết
12h15-12h20	Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội (ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết)	Thư ký Đại hội
12h20-12h25	- Mời HĐQT và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 ra mắt và phát biểu cảm ơn Đại hội. Đại diện lãnh đạo, người lao động Công ty tặng hoa chúc mừng HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới - Đại diện lãnh đạo, người lao động Công ty tặng hoa và cảm ơn HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 - Đại diện HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019 phát biểu (nếu có)	Đoàn chủ tịch
12h25-12h30	Bế mạc Đại hội	Ông Nguyễn Thanh Phương Giám đốc Ban TCHC

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2019.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019 VÀ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2019-2024
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX P&C

Căn cứ:

- ✦ Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ✦ Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- ✦ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ✦ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 51% Tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông lần thứ 2 phải được triệu tập trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện cho ít nhất 33% Tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi Mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần VINACONEX P&C

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại Hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- ✦ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- ✦ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- ✦ Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; đầu tư hoặc bán tài sản giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ

Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giờ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 của Công ty Cổ phần VINACONEX P&C.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.



TẠI ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH HĐQT

Vương Hoàng Minh

Số: 35 /2019/BC - HĐQT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2019.

BÁO CÁO**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY NHIỆM KỲ 2014-2019 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CHO NHIỆM KỲ 2019-2024.**

Nhiệm kỳ 2014-2019 là nhiệm kỳ thứ 3 của Công ty, đồng thời cũng là giai đoạn nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam có nhiều biến động, tình hình chính trị ở nhiều nước bất ổn kéo theo sự bất ổn của nền kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành và toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao cho và cũng đã đạt được một số kết quả tốt

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng VINACONEX báo cáo Đại hội đồng cổ đông về đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty năm 2018; công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động SXKD của Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 và định hướng hoạt động cho nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2018

Trong năm 2018, các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực phối hợp làm việc trên tinh thần trách nhiệm để đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời. Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng, chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

1. Thành viên HĐQT tại thời điểm báo cáo:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 đến thời điểm hiện tại gồm 06 thành viên:

1. Ông Vương Hoàng Minh, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Phạm Bảo Long, Ủy viên, Tổng Giám đốc Công ty
3. Ông Thân Thế Hà, Ủy viên
4. Ông Nguyễn Tuấn Cường, Ủy viên
5. Ông Lê Văn An, Ủy viên
6. Ông Vũ Đức Quang, Ủy viên

(Tháng 08/2018, ông Phạm Huy Hùng có đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị và đã được HĐQT Công ty chấp thuận)

2. Về hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã họp 04 phiên họp định kỳ (định kỳ 03 tháng/Phiên) và họp bất thường khi cần thiết. Hội đồng quản trị đã thông qua được 11 Nghị quyết, ban hành được 48 Quyết định, trên tất cả các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài ra,

Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để chỉ đạo chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo thực hiện tốt cả chủ trương, chiến lược đã đề ra đồng thời xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và chỉ đạo nói trên. Như sau:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018 trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại phiên họp thường niên ngày 22/03/2018
- Hợp và phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong quá trình đầu tư và SXKD của công ty như: Kiện toàn cơ cấu tổ chức và thay đổi tên một số Ban chức năng cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; Bổ sung, sửa đổi ban hành một số Quy chế hoạt động của Công ty; Chấp thuận chủ trương cho Ban điều hành bổ nhiệm, sắp xếp lại một số vị trí cán bộ chủ chốt của Công ty; Quyết định chủ trương nghiên cứu và thực hiện thủ tục đầu tư một số Dự án Thủy điện, dự án năng lượng tái tạo,...

3. Về hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty năm 2018

3.1. Về công tác vận hành, phát điện của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt:

Năm 2018 là năm thứ 9, Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt phát điện và vận hành thương mại, tính đến ngày 31/12/2018 tổng sản lượng điện năng mà Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt đã phát lên hệ thống lưới điện Quốc Gia đạt 3.589.908.376 Kwh, đảm bảo an toàn máy móc thiết bị, đáp ứng nguồn cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt phía hạ lưu

3.2. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành Công ty cổ phần VINACONEX P&C nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch SXKD. Kết thúc năm 2018, kết quả SXKD của Công ty đạt được những kết quả nhất định, vượt kế hoạch của tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

a. Kết quả SXKD năm 2018 của Công ty Vinaconex P&C:

Đơn vị: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ HTKH 2018 (%)
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	131,67
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	116,73
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	165,34
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351	172,93
5	Lợi nhuận sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	164,89

b. Kết quả SXKD năm 2018 Công ty Vinaconex P&C và toàn Công ty:

T T	Các chỉ tiêu	Công ty mẹ		Công ty Bái Thượng		Công ty Xuân Minh	
		KH 2018	TH 2018	KH 2018	TH 2018	KH 2018	TH 2018
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	30.672.692.268	31.349.543.498	16.359.975.524	16.537.502.420
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	26.098.670.504	26.285.012.807	16.359.975.524	16.614.685.170
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	4.574.021.764	5.064.630.691	0	-77.182.750
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351				
5	Lợi nhuận sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	4.584.973.077	5.064.630.691	0	-77.182.750
6	Cổ tức	22%	35%	8%	8%	0%	0%

c. Về công tác đầu tư:

- Dự án Thủy điện Xuân Minh: Dự án do Công ty CP Thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư (VINACONEX P&C chiếm 51% vốn điều lệ) có công suất lắp máy của Dự án là 15MW với 02 tổ máy, sản lượng bình quân hàng năm khoảng 66 triệu KWh. Công trình Thủy điện Xuân minh khởi công ngày 08/09/2016 và khánh thành, phát điện nhà máy vào ngày 22/09/2018 nhanh so với tiến độ xây dựng là 06 tháng. Đây là một trong những dự án được đánh giá có tiến độ thi công xây dựng nhanh nhất ở Việt Nam.
- Các dự án khác: Trong năm 2018, Công ty đã tập trung nghiên cứu, hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án mới như Dự án Thủy điện Xuân Khao (7,5MW), Dự án Thủy điện Cửa Đạt mở rộng (18MW), Nhà máy cấp nước sinh hoạt với công suất thiết kế là 3000m3/ngđ và một số Dự án năng lượng tái tạo khác. Đến nay, các dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục đầu tư, phù hợp với kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới

4. Về công tác quản lý và giám sát hoạt động tài chính

- Căn cứ tình hình thực tế trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nhiều giải pháp, biện pháp đồng bộ để khắc phục và xử lý những khó khăn nêu trên. Tính toán và cơ cấu lại kế hoạch trả nợ, kế hoạch dòng tiền một cách hợp lý. Do đó, tình hình tài chính của Công ty trong năm 2018 vẫn giữ được ổn định so với các năm trước và trong khả năng kiểm soát.
- Trong năm 2018, trên cơ sở đề xuất của Ban điều hành Công ty, Hội đồng quản trị cũng đã họp, xem xét, thảo luận và chỉ đạo hoàn thành việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từ 455.999.950.000 đồng lên 569.999.930.000 đồng để thực hiện các kế hoạch và chiến lược của Công ty trong thời gian tới.

5. Đánh giá về tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành Công ty:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá:

- Ban điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã phấn đấu và nỗ lực hết mình trong việc thực hiện hoạt động SXKD, công tác đầu tư; nhiệm vụ quản lý, vận hành và khai thác hiệu quả của dự án. Ban Điều hành cũng thường xuyên có những đề xuất, kiến nghị

kip thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết giảm các chi phí.

- Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, năng động, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành. Luôn bám sát thực tế, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị. Do đó, năm 2018 với tình hình thủy văn thuận lợi nên sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả tốt, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều vượt kế hoạch đề ra.
- Trong năm 2018, Ban điều hành Công ty đã đề xuất và thực hiện được nhiều biện pháp, giải pháp tài chính đồng bộ làm tăng doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty như: Điều hành hoạt động tham gia thị trường điện một cách hài hòa, hợp lý, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí quản lý, cần đổi nguồn vốn và điều chỉnh kế hoạch trả nợ hợp lý.

PHẦN II: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2014-2019

I. Về nhân sự HĐQT:

Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Công ty cổ phần VINACONEX P&C đã có một số sự thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã bầu chọn thành viên Hội đồng quản trị gồm có 07 thành viên:

1. Ông Nguyễn Thành Phương, Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Thân Thế Hà, Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông Nguyễn Tuấn Cường, Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông Lê Văn An, Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Vũ Đức Quang, Thành viên Hội đồng quản trị
6. Ông Lã Minh Văn, Thành viên Hội đồng quản trị
7. Ông Vương Hoàng Minh, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty

Tháng 06/2015, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Nguyễn Thành Phương đề nghị hưu theo chế độ và đề cử bổ sung ông Phạm Bảo Long làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 theo Điều lệ và Giấy đề cử của cổ đông lớn là Tổng công ty cổ phần VINACONEX, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015 ngày 21/07/2015. Đồng thời Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Vương Hoàng Minh đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2014-2019.

Tháng 03/2017, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Lã Minh Văn, Ủy viên Hội đồng quản trị theo chương trình thoái vốn của Tổng công ty xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP tại Công ty cổ phần VINACONEX P&C và đề cử bổ sung ông Phạm Huy Hùng làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2014-2019 theo Điều lệ và Giấy đề cử của cổ đông lớn là cá nhân ông Nguyễn Anh Tuấn, được Đại hội đồng cổ

đồng thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 30/03/2017.

Tháng 08/2018, Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận đơn xin từ nhiệm thôi làm thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Huy Hùng. Do vậy danh sách thành viên Hội đồng quản trị đến ngày báo cáo bao gồm 06 thành viên:

1. Ông Vương Hoàng Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
2. Ông Thân Thế Hà, Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông Nguyễn Tuấn Cường, Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông Lê Văn An, Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Vũ Đức Quang, Thành viên Hội đồng quản trị
6. Ông Phạm Bảo Long, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty

II. Thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014-2019:

1. Đánh giá chung:

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018, tình hình thời tiết có nhiều diễn biến bất thường không lường hết được. Hiện tượng El Niño ở khu vực Miền trung và Tây nguyên kéo dài có tác động lớn tới mực nước về hồ Cửa Đạt bị thấp kỷ lục trong vòng 40 năm qua, do vậy tác động khó khăn tới kết quả phát điện của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt.

Nhiệm vụ phát điện của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt là nhiệm vụ thứ 4 sau các nhiệm vụ cấp bách của công trình Hồ chứa nước Cửa Đạt, do vậy để phát được điện, Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt cần phải tuân thủ nhiều quy trình, quy định của nhiều cơ quan quản lý ở địa phương và đây cũng là một khó khăn của doanh nghiệp.

Dự án Thủy điện Cửa Đạt cũng đã vận hành được gần 10 năm, bên cạnh đó một số thiết bị vận hành ngoài trời với điều kiện khí hậu và thời tiết khắc nghiệt của khu vực miền núi, vì vậy để đảm bảo thiết bị được vận hành thông suốt và hạn chế sự xuống cấp của thiết bị chi phí bảo dưỡng, sửa chữa và mua sắm thiết bị thay thế thường xuyên sẽ phải đầu tư nhiều chi phí.

Bên cạnh đó, việc Nhà nước đang hạn chế cấp phép đầu tư cho các dự án thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng tái tạo cũng gây cho Công ty một số khó khăn nhất định

Từ những đánh giá đó, Hội đồng quản trị Công ty đã định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phù hợp với từng năm, từng thời điểm và đã mang lại kết quả sản xuất kinh doanh đáng kể cho Công ty, tạo được thương hiệu tốt cho VINACONEX P&C đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác trong và ngoài nước.

2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2014-2019:

Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và các cuộc họp bất thường dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ quy định của pháp luật

và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. HĐQT đã quản lý, điều hành hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã tổ chức 24 phiên họp định kỳ và bất thường theo yêu cầu công việc, ban hành các Nghị quyết và Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nội dung nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được Công ty thể hiện đầy đủ tại Báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định.

3. Kết quả đạt được trong nhiệm kỳ 2014-2019:

Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VINACONEX P&C đã hoàn các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Hiệu quả hoạt động của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận và cổ tức hàng năm luôn hoàn thành và trong những năm cuối của nhiệm kỳ (2017, 2018) đều có mức tăng vượt bậc so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và không ngừng phát triển.

3.1. Về công tác nhân sự:

Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã có sự điều chỉnh, bổ sung thành viên phù hợp với cơ cấu sở hữu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng đã bổ nhiệm một số chức danh quản lý cấp cao của Công ty trong đó bổ nhiệm Kế toán trưởng thay ông Phạm Bảo Long (năm 2015), bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác sản xuất (năm 2016) và bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác đầu tư (năm 2018).

3.2. Về tình hình sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã triển khai kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh hàng năm và xác định chiến lược mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Ban Tổng giám đốc triển khai thực hiện.

Qua nhiệm kỳ 05 năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng chỉ đạo, giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Ban điều hành theo đúng mục tiêu, kế hoạch đã đề ra

Kết quả SXKD của Công ty cổ phần VINACONEX P&C từ năm 2014-2018.

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Doanh thu và thu nhập	360,6	334,6	291,3	475,1	658,5
2	Tổng chi phí	225,1	217,4	214,1	331,3	404,3
3	Lợi nhuận trước thuế	135,5	117,3	77,2	143,8	254,2
4	Thuế TNDN	6,8	6,2	4,9	7,9	14,7
5	Lợi nhuận sau thuế	128,7	111,1	72,3	135,9	239,5
6	Cổ tức	23%	23%	15%	22%	35%
7	Nộp ngân sách nhà nước	70,1	74,8	54,6	69,3	141,5

Nhìn vào bảng tổng hợp kết quả trên cho thấy, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từ năm 2014-2019 đều có sự tăng trưởng các chỉ tiêu, chỉ có năm 2015, 2016 do ảnh hưởng

của hiện tượng Elnino, nước về Hồ Cửa Đạt về thấp nhất trong lịch sử từ trước đến nay nên đã ảnh hưởng đến sản lượng phát điện của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt, đó là 02 năm khó khăn nhất không những trong nhiệm kỳ mà còn trong cả quá trình phát triển của VINACONEX P&C.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên, cùng với tình hình thời tiết thuận lợi, công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty đã đi vào ổn định trong 2 năm cuối của nhiệm kỳ, hoàn thành vượt mức kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên đặt ra cả về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và cổ tức, tạo đà để phát triển bứt phá trong các năm tiếp theo.

3.3. Về công tác tài chính:

Trong giai đoạn 2014-2019, Công ty đã quyết liệt thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả nhằm xây dựng hệ thống tài chính doanh nghiệp ngày càng lành mạnh, làm tốt khai thác các kênh tín dụng hiệu quả để tạo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị thành viên. Thu xếp đủ vốn cho các dự án đầu tư của Công ty; các khoản nợ vay ngân hàng, nợ vay cá nhân được thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, phê duyệt chủ trương phát hành thành công cổ phần tăng vốn điều lệ Công ty từ 380 tỷ đồng lên 455,995 tỷ đồng năm 2016 và từ 455,995 tỷ đồng lên 569,999 tỷ đồng năm 2018 có ý nghĩa quan trọng, góp phần giúp Công ty vượt qua khó khăn tài chính và chủ động vốn cho hoạt động đầu tư phát triển của Công ty; Tái cơ cấu nợ từ 04 ngân hàng thương mại vay đầu tư dự án Thủy điện Cửa Đạt sang Ngân hàng Vietinbank đã giúp cho Công ty giảm được chi phí lãi vay, gánh nặng trả nợ và chủ động được thời gian trả nợ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty; Phê duyệt chủ trương huy động và vay của các tổ chức, cá nhân trong các thời điểm mà Công ty khó khăn về tài chính để nhằm duy trì các hoạt động của Công ty.

3.4. Về công tác đầu tư:

Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành đầu tư thành công 02 Dự án Nhà máy Thủy điện và 01 Dự án bất động sản đã mang lại hiệu quả, lợi nhuận cho Công ty. Cụ thể:

Công ty thành lập Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng (Công ty CP VINACONEX P&C chiếm 51% vốn điều lệ) để thực hiện đầu tư Nhà máy Thủy điện Bái Thượng. Nhà máy có công suất lắp máy là 6MW với 02 tổ máy, sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 25 triệu Kwh được khởi công xây dựng vào tháng 5/2015 và hoàn thành phát điện 2 tổ máy vào tháng 12/2016. Đến nay, Nhà máy vận hành và đem lại kết quả tốt cho Công ty.

Công ty thành lập Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh (Công ty CP VINACONEX P&C chiếm 51% vốn điều lệ) để thực hiện đầu tư Nhà máy Thủy điện Xuân Minh. Nhà máy có công suất lắp máy là 15MW với 02 tổ máy, sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 66 triệu Kwh được khởi công xây dựng vào tháng 9/2016 và hoàn thành phát điện 2 tổ máy vào tháng 09/2018, vượt tiến độ 6 tháng so với dự kiến. Đến nay, Nhà máy vận hành ổn định và đã đảm bảo được kế hoạch phát điện đề ra.

Công ty đã hoàn thành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào tháng 02/2016 và hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất của dự án cho CBCNV Công ty và người

dân có nhu cầu để xây dựng nhà ở thuộc Dự án MBQH số 05, Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 6/2016.

Ngoài các dự án đã hoàn thành, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục nghiên cứu triển khai và chuẩn bị thủ tục đầu tư các dự án mới như Dự án Thủy điện Xuân Khao (7.5MW), Dự án Thủy điện Cửa Đạt mở rộng (18MW), Nhà máy nước sinh hoạt, Nhà máy điện gió và một số dự án năng lượng tái tạo, dự án bất động sản khác.

III. Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành:

1. Về công tác kiện toàn nhân sự Ban Tổng giám đốc Công ty:

- Trong nhiệm kỳ 2014-2019, Hội đồng quản trị đã triển khai việc kiện toàn nhân sự Ban Tổng giám đốc VINACONEX P&C để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn:
 - + Bổ nhiệm ông Phạm Bảo Long, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/07/2015.
 - + Bổ nhiệm ông Ngô Mạnh Cường, Giám đốc Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2016.
 - + Bổ nhiệm ông Đỗ Vương Cường, Giám đốc Ban Kinh tế - Đầu tư giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 01/08/2018.
- Sau khi được HĐQT bổ nhiệm, Tổng giám đốc đã tổ chức phân giao nhiệm vụ công tác cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: chỉ đạo các bộ phận rà soát, hoàn chỉnh quy chế và kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự của Ban chuyên môn nghiệp vụ; Khẩn trương nắm bắt và điều hành toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên Ban điều hành có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực đáp ứng tốt các lĩnh vực được phân công phụ trách.

2. Công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành:

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành Công ty; hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban Điều hành chủ động và đẩy mạnh các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

Nhìn chung Ban Điều hành luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ đề ra hàng năm, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cũng như các Quy chế nội bộ. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát Công ty đã được thực hiện tốt, mang lại hiệu quả cho Công ty.

PHẦN III: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2019-2024

1. Mục tiêu:

- Thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ công việc trong Định hướng chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2019-2024 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Tiếp tục chiến lược phát triển trên cơ sở lĩnh vực kinh doanh nông cốt: Đầu tư các dự án Thủy điện, năng lượng tái tạo và dự án bất động sản.

- Duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận bình quân hàng năm ở mức 10-15%/năm, cổ tức đạt từ 30 – 35%/năm
- Hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1000 tỷ để phát triển Công ty trong giai đoạn tới.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2019-2024:

2.1. Các chỉ tiêu kinh doanh chính:

Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất đề ra một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư chính như sau để Ban điều hành xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện cho từng năm:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
A	Tổng doanh thu và thu nhập	Đồng	610.203.580.820	654.438.370.650	828.124.420.750	1.036.226.829.440	1.318.881.534.390
B	Tổng chi phí	Đồng	347.775.818.994	372.819.347.675	506.099.928.746	682.549.583.346	893.198.462.636
C	Lợi nhuận (A-B)	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754
2	Thuế TNDN	Đồng	14.676.180.436	16.132.651.149	20.522.528.600	24.984.788.305	31.983.053.588
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	247.751.581.389	265.486.371.827	301.501.963.404	328.692.457.789	393.700.018.166
D	Tỷ suất LNST/VĐL	%	35,38%	39,62%	45,00%	33,89%	36,79%
E	Vốn điều lệ		669.999.993.000	669.999.993.000	669.999.993.000	969.999.993.000	1.069.999.993.000
F	Tỷ lệ cổ tức	%	Trung bình cả nhiệm kỳ tỷ lệ cổ tức từ 30-35%/năm				

2.2. Công tác đầu tư và nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư:

TT	Dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư (Tỷ Đ)	Vốn điều lệ /Vốn tự có		Vốn góp của Vinaconex P&C		Nhu cầu vốn (Tỷ Đ)					Tổng cộng
				Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Nhà máy Thủy điện Xuân Khao	7,5 MW	260	30%	78	51%	39,78	19,89	19,89				39,78
2	Nhà máy nước sạch	3.000 m ³ /ngđ	50	30%	15	51%	7,65	7,65					7,65
3	Nhà máy Cửa Đạt mở rộng	18 MW	450	30%	135	51%	68,85				68,85		68,85
4	Nhà máy điện gió (GD1)	30 MW	1.350	30%	405	51%	206,55			103,28	103,28		206,55
5	Nhà máy điện gió (GD2)	30 MW	1.350	30%	405	100%	405,00					202,50	405,00
6	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, nhà ở		597	20%	119	100%	119,31	70,00		49,31			119,31
	Cộng		3.460		1.038		847,14	97,54	19,89	152,59	172,13	202,50	847,14

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT:

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng thành viên Hội đồng quản trị trong công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chỉ đạo phối hợp giữa HĐQT, Ban Điều hành cũng như cơ chế phối hợp với Ban Kiểm soát, các tổ chức Đảng, Đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết nội bộ của Công ty.
- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát các nội dung trong định hướng chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2019-2024 để triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị nguồn vốn, nguồn nhân lực có chất lượng để đầu tư vào các dự án mang lại hiệu quả cho Công ty.
- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá năng lực cán bộ để bố trí công việc cho phù hợp, hiệu quả. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và đánh giá tổng kết hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng giám đốc giai đoạn 2014-2019. Bên cạnh những công việc đã đạt được, với tinh thần trách nhiệm và cầu thị, HĐQT nhận thấy trong công tác quản lý, điều hành vẫn còn có những vấn đề tồn tại cần phải giải quyết dứt điểm trong thời gian tới, để VINACONEX P&C ngày càng phát triển, đáp ứng sự kỳ vọng của quý vị cổ đông. Trước khi kết thúc nhiệm vụ, HĐQT xin được trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông đã đồng hành cùng Công ty, ủng hộ HĐQT và Ban điều hành trong suốt thời gian qua. Đồng thời, HĐQT cũng xin trân trọng cảm ơn Ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty đã đoàn kết, tận tâm, phấn đấu, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT mong muốn Quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành, hợp tác cùng Công ty cổ phần VINACONEX P&C trong chặng đường phát triển tiếp theo.

HĐQT cũng xin tuyên bố từ nhiệm kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông bầu được Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kinh gửi.
- Lưu HĐQT, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



VƯƠNG HOÀNG MINH

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

Thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VINACONEX P&C phê duyệt và giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần VINACONEX P&C xin báo cáo Quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. Tổng quan chung tình hình kinh tế xã hội, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố mới đây, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây, cho thấy nền kinh tế giữ được đà tăng trưởng và có kết quả tốt. Mặt khác, nguồn cung điện năng từ nhiệt điện, điện khí lại đang hạn chế do nguyên liệu đầu vào thiếu hụt do vậy việc huy động từ nguồn thủy điện là tất yếu. Mặt bằng lãi suất tương đối ổn định, duy trì ở mức thấp, tỷ giá thị trường ngoại tệ có biến động nhẹ, biến động chủ yếu ở những tháng cuối năm 2018, ảnh hưởng không đáng kể đến công tác trả nợ vay nước ngoài.

Công tác sản xuất điện năng thuận lợi do điều kiện thủy văn năm 2018 rất tốt. Mức nước tại hồ Cửa Đạt tại ngày 31/12/2017 đạt cao trình +110,21m, đây là mức nước tại ngày cuối năm cao nhất kể từ khi vận hành nhà máy tới nay (31/12/2016 mức nước hồ chỉ đạt: 93,12m). Với mức nước cao như trên khiến việc tiêu hao nước rất thấp và đến ngày 31/03/2018 vẫn giữ được mức nước hồ tại cao trình +96,68m (so với thời điểm 31/03/2017 mức nước hồ ở cao trình +84,21m). Lưu lượng nước về hồ Hòa Na, Cửa Đạt quý 3/2018 tăng đột biến và gấp 3 lần so với trung bình quý 3 nhiều năm trước do có cơn lũ ngày 17/7 và cơn bão ngày 18/8/2018.

Tổng lượng nước về hồ: 5134,83 triệu m³ tương ứng với bình quân 162,94 m³/s, bằng 142,8% trung bình chung nhiều năm (114 m³/s); Tổng lưu lượng nước trung bình thông qua phát điện tại NM Thủy điện Cửa Đạt: 102 m³/s, cao nhất từ năm vận hành 2010 (bằng 121,6% so với năm 2017: 83,87 m³/s; và bằng 162,9% so với năm thấp nhất 2016 là 62,61 m³/s).

Điều kiện thủy văn thuận lợi nêu trên đã đưa sản lượng cả năm 2018 tăng đột biến. Sản lượng điện cả năm tăng 23% so với công suất thiết kế. Doanh thu bán điện cả năm vượt kế hoạch doanh thu bán điện năm 2018 được ĐHĐCĐ giao là 40% (*Kế hoạch doanh thu bán điện ĐHĐCĐ giao năm 2018 là 383,777 tỷ đồng*). Ban Tổng Giám đốc và Tổ thị trường điện đã linh hoạt vận dụng mọi điều kiện để không bị lỗ khi tham gia thị trường điện và đạt được kết quả ấn tượng: Quý 1 đạt chênh lệch 35,58 tỷ đồng, Quý 2 đạt chênh lệch 20,90 tỷ đồng, Quý 3 đạt chênh lệch 18,90 tỷ đồng, Quý 4 đạt chênh lệch 31,21 tỷ đồng. Tổng kết trong năm 2018 Công ty đã thu được 106,60 tỷ đồng chênh lệch trên thị trường điện từ việc chào giá khi tham gia thị trường điện cạnh tranh, giá bán điện bình quân năm 2018 cao nhất kể từ khi phát điện, đạt 968đ/Kwh (năm 2017: 789đ/Kwh, năm 2016: 786 đ/Kwh) góp phần đưa chỉ tiêu doanh thu bán điện năm 2018 sớm cán đích đạt kế hoạch ĐHĐCĐ giao trước 03 tháng.

Nhà máy Thủy điện Bái Thượng do đã khắc phục được các sự cố của máy móc và phát điện ổn định, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra trong năm 2018.

Công tác đầu tư dự án thủy điện Xuân Minh hoàn thành vượt tiến độ phát điện đề ra. Ngày 19 tháng 9 tổ máy số 1 chính thức hòa lưới điện quốc gia sau 24 tháng thi công, ngày 22 tháng 9 Công ty đã tổ chức khánh thành dự án thủy điện Xuân Minh vượt 6 tháng so với tiến độ đề ra. Cả hai tổ máy vận hành thương mại trong tháng 10/2018.

- **Công tác nhân sự:** Tiếp tục kiện toàn công tác cán bộ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của đơn vị, nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ công việc trong giai đoạn hiện nay. Ngày 01/8/2018 Công ty bổ nhiệm ông Đỗ Vương Cường làm Phó Tổng giám đốc phụ trách công tác Đầu tư, kiêm Giám đốc Ban Kinh tế đầu tư của Công ty. Ngày 10/8/2018 Công ty đã bổ nhiệm ông Đỗ Văn Thịnh phụ trách Ban Công nghệ - Thiết bị - Kỹ thuật nhận nhiệm vụ Giám đốc Ban Công nghệ - Thiết bị - Kỹ thuật của Công ty. Ngày 20/12 Công ty bổ nhiệm ông Phạm Tiến Luật làm quyền Giám đốc nhà máy thủy điện Cửa Đạt, và chính thức nhận nhiệm vụ Giám đốc nhà máy thủy điện Cửa Đạt, kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty tại Thanh Hóa từ ngày 01/01/2019.

- **Công tác vận hành Nhà máy thủy điện Cửa Đạt:** Nhà máy thủy điện Cửa Đạt thực hiện phát điện cả năm vượt 23% so với công suất thiết kế, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho máy móc thiết bị khi vận hành. Nhà máy thực hiện thay thế thiết bị, đã hoàn thành tiêu tu tổ máy số 1 vào cuối năm 2018. Nhà máy tiếp tục thực hiện rà soát vật tư, thiết bị dự kiến đại tu tổ máy số 2 vào đầu năm 2019. Công ty cùng các đơn vị thành viên đã thực hiện nghiêm túc việc đảm bảo an toàn lao động, trực phòng chống lụt bão và có kế hoạch phản ứng, giải quyết công việc kịp thời khi các sự cố xảy ra nên đã hạn chế được thấp nhất thiệt hại xảy ra.

- **Công tác vận hành nhà máy thủy điện Xuân Minh, vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng:** Phối hợp với trung tâm hệ thống điện Miền Bắc (A1) hoàn thành việc tổ chức đào tạo sát hạch, cấp chứng chỉ vận hành cho các chức danh vận hành nhà máy thủy điện Xuân

Minh, hoàn thành bộ quy trình vận hành thiết bị nhà máy thủy điện Xuân Minh. Tiếp nhận chuyển giao công nghệ và vận hành 2 tổ máy, hòa lưới điện Quốc gia tổ máy số 1 từ ngày 19/9/2018, và tổ máy số 2 từ ngày 07/10/2018. Hoàn thành khôi phục, sửa chữa nhà máy thủy điện Bái Thượng do sự cố ngập nhà máy, xử lý các tồn tại thiết bị. Thực hiện các nội dung công việc theo Hợp đồng vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng. Từ 01/01/2019 thực hiện chuyển toàn bộ đội ngũ vận hành nhà máy thủy điện Bái Thượng sang Công ty CP thủy điện Bái Thượng và đội ngũ vận hành nhà máy thủy điện Xuân Minh sang Công ty CP thủy điện Xuân Minh trực tiếp quản lý, sử dụng.

- **Công tác tài chính:** Ban điều hành đã linh hoạt vận dụng, huy động mọi nguồn thu thực hiện trả nợ gốc, lãi vay, cân đối đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn vốn phục vụ công tác đầu tư. Trong kỳ đã thực hiện huy động được 229,45 tỷ đồng vốn ngắn hạn, trả nợ được 326,9 tỷ đồng. Dư nợ ngắn hạn tại ngày 31/12 còn 78,928 tỷ đồng giảm 97,457 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó riêng vay tổ chức, cá nhân giảm được 116,2 tỷ đồng so với dư nợ đầu năm. Khoản nợ dài hạn năm 2018 đã thực hiện trả 111,308 tỷ đồng, không để xảy ra tình trạng chậm trả, quá hạn. Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017 cho cổ đông với tỷ lệ 22% tương đương số tiền 100.319.989.000 đồng vào ngày 30/6/2018, đồng thời thanh toán tạm ứng cổ tức 2018 với tỷ lệ 15% (Trên vốn điều lệ mới 570 tỷ đồng) tương đương số tiền 85.049.989.50 đồng vào ngày 28/12/2018 cho cổ đông. Đến ngày 31/12/2018 Công ty đã thực hiện trả tạm ứng cổ tức năm 2018 được hơn 69 tỷ đồng/85,050 tỷ đồng cho các cổ đông.

- **Công tác tăng vốn; Công tác quản lý cổ đông**

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 ngày 26/12/2017 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22/03/2018, Công ty Cổ phần Vinaconex P&C đã phát hành thành công cổ phiếu trong đợt tăng vốn, kết quả cụ thể như sau:

1. Thời gian thực hiện công tác chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho CBCNV theo chương trình ưu đãi cho CBCNV (ESOP): Từ ngày 23/07/2018 đến ngày 24/08/2018.
2. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 11.399.998 cổ phiếu, đạt 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Trong đó:
 - Phần phát hành cho cổ đông hiện hữu: 9.114.999 cổ phiếu
 - Phần phát hành cho CBCNV (ESOP): 2.284.999 cổ phiếu
3. Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 120.157.755.148 đồng
4. Tổng chi phí công tác phát hành tăng vốn : 217.600.000 đồng
5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 119.940.155.148 đồng
6. Hoàn thành công tác lưu ký cổ phiếu phát hành thêm và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 10/2018.

+ Thực hiện tốt, đầy đủ, chức năng công bố thông tin để việc công bố thông tin của doanh nghiệp với tư cách là công ty đại chúng lớn, doanh nghiệp niêm yết kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư. Theo dõi và hoàn thiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đối với công tác quản lý cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

- Công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, phát triển nguồn nhân lực

Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục có nhiều chính sách khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ cho mọi CBCNV có nhu cầu, có năng lực tham gia các Khóa đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty, cụ thể: Công ty đã tổ chức khóa đào tạo Mini MBA cho 19 cán bộ lãnh đạo, cán bộ nguồn; Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nâng bậc và chuyển ngạch đối với công nhân và kỹ sư; Lớp tư vấn quản lý dự án; Khóa đào tạo về Luật đấu thầu; Các khóa đào tạo về an toàn lao động; Công nhân vận hành Nhà máy đi học lớp kỹ sư điện để nâng cao chuyên môn... Tổ chức thi sát hạch nâng bậc lương cơ bản. Kết quả đào tạo thực tế trên đã giúp Công ty có nguồn nhân lực chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, thích ứng kịp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty và các dự án sắp tới.

- Công tác chăm lo đời sống người lao động; Công tác xã hội

Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV, đặc biệt là CBCNV làm việc tại nhà máy. Khu quản lý điều hành đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, hoạt động thể thao phục vụ đời sống của CBCNV ở mức chất lượng cao. Công ty duy trì chế độ trả lương cho CBCNV đảm bảo đúng hạn, 100% CBCNV được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động như: Tặng quà cho CBCNV vào các ngày lễ lớn, thành lập Công ty, sinh nhật CBCNV và tổ chức cho toàn thể CBCNV đi nghỉ cùng gia đình trong nước và nước ngoài để tái tạo sức lao động; tạo cơ hội học tập cho cán bộ. Năm 2018 Công ty thực hiện mua gói bảo hiểm nhân thọ + bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ công nhân viên công ty, đảm bảo điều kiện bảo vệ tốt nhất cho CBCNV.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018

1. Công ty Cổ phần Vinaconex P&C: Được sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, năm 2018 Công ty CP Vinaconex P&C đã hoàn thành vượt mức các mục tiêu SXKD quan trọng đề ra cụ thể như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỉ lệ HT KH 2018 (%)
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	131,67
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	116,73
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	165,34
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351	172,93
5	Lợi nhuận sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	164,89
6	Tỷ lệ cổ tức	22%	35%	159,09
7	Nộp NSNN	73.184.003.829	141.466.583.220	193,30

Tổng doanh thu, thu nhập đạt 658,577 tỷ đồng vượt 31,67% kế hoạch năm trong đó riêng doanh thu bán điện vượt gần 40% kế hoạch doanh thu bán điện năm 2018. Chỉ tiêu doanh thu bán điện sớm vượt kế hoạch năm do Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt khi tham gia thị trường điện đạt 106,6 tỷ đồng chênh lệch trên thị trường điện, giá bán điện bình quân đạt 968 đồng/Kwh, tăng 32% so với giá bán điện mùa mưa và tăng 21,7% so với giá bán điện mùa khô. Lợi nhuận sau thuế đạt 239,494 tỷ đồng vượt kế hoạch lợi nhuận 2018 tỷ lệ 64,89%. Lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch 64,89%, tuy nhiên tổng chi phí chỉ vượt 16,73%, tăng chủ yếu do khoản thuế tài nguyên, phí Môi trường rừng tăng theo sản lượng phát điện. Các khoản nộp ngân sách nhà nước trong năm đạt 141,466 tỷ đồng, riêng thuế TNDN nộp 14,754 tỷ đồng tăng 72,93% so với kế hoạch năm. So với kế hoạch năm 2018, tỷ lệ thuế TNDN tăng 72,93% trong khi đó tỷ lệ tăng lợi nhuận trước thuế là 65,34% do công ty đang được hưởng thuế suất TNDN ưu đãi là 5% từ hoạt động sản xuất điện năng và thuế suất từ hoạt động khác áp dụng là 20%.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty CP thủy điện Bái Thượng:

Sản lượng phát điện năm 2018 đạt 27,570 triệu Kwh bằng 100,5% so với kế hoạch năm, tổng doanh thu và thu nhập đạt 31,350 tỷ đồng bằng 102,2% so với kế hoạch năm, Lợi nhuận sau thuế đạt 5,064 tỷ đồng bằng 110,72% kế hoạch năm.

3. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư dự án thủy điện Xuân Minh:

Công trình thủy điện Xuân Minh đã tổ chức lễ khánh thành vào ngày 22/09/2018 và vận hành toàn bộ 2 tổ máy hòa lưới điện quốc gia từ tháng 10/2018 sau 24 tháng thi công, vượt tiến độ 6 tháng so với kế hoạch đề ra. Hai tổ máy vận hành tương đối ổn định. Sản lượng phát điện năm 2018 (từ 29/09/2018 đến 31/12/2018) đạt 12.768 triệu Kwh. doanh thu đạt 16,533 tỷ đồng.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Trong năm 2018 được sự quan tâm chỉ đạo, động viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Vinaconex P&C đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đề ra. Qua rà soát, tính toán các điều kiện thực tế, Ban điều hành đề xuất Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch thực hiện SXKD năm 2019 như sau:

I. Mục tiêu và nhiệm vụ

1. Đối với công tác đào tạo, kiện toàn nhân sự

- Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển, bố trí nhân sự vào các vị trí phù hợp với năng lực chuyên môn, đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu công việc.
- Thực hiện đào tạo toàn diện các nhân sự cấp cao về kỹ năng quản lý và nâng cao chuyên môn; Tổ chức các khóa đào tạo vận hành đối với công nhân vận hành Nhà máy; Đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho việc quản lý và vận hành các dự án của Công ty trong thời gian tới.

2. Đối với Công tác sản xuất điện

- Quản lý, vận hành tốt Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt; Hệ thống Cửa nhận nước; Trạm phân phối và Đường dây 110KV Cửa Đạt - Thọ Xuân - Ba Chẽ đảm bảo điều kiện chạy máy và bán điện được thông suốt với mục đích chính giảm số giờ chạy/tổ máy nhưng tăng công suất chạy của tổ máy để giữ tuổi thọ máy được bền hơn và giảm hao tổn nước khi sản xuất điện.
- Căn cứ dự báo về tình hình thủy văn và yêu cầu của Bộ NN&PTNT, UBND Tỉnh Thanh Hóa về các giải pháp điều tiết nước phục vụ tưới tiêu, đẩy mặn và phục vụ nước sinh hoạt, công nghiệp cho hạ du mùa khô và khả năng được sử dụng nguồn nước của Hồ chứa nước Cửa Đạt cho phát điện của Nhà máy thủy điện Cửa Đạt năm 2019 để có kế hoạch phát điện đạt sản lượng cao nhất, đồng thời đảm bảo duy trì nguồn nước dự trữ tại hồ theo quy trình vận hành đơn hồ và liên hồ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu về nước cho mùa khô 2019.
- Bám sát tình hình thủy văn, tình hình giá điện trên thị trường điện và căn cứ vào sản lượng điện kế hoạch từng tháng (Qc) do Cục điều tiết điện lực giao nhằm tham gia thị trường điện trong từng thời điểm hợp lý, đảm bảo việc tham gia thị trường điện đạt kết quả tốt nhất. Công ty phấn đấu trong năm 2019 tham gia thị trường điện với khoản doanh thu chênh lệch tăng giữa doanh thu trên thị trường và doanh thu đạt giá trị cao nhất.

3. Đối với công tác tài chính, công tác quản lý cổ đông

- Công ty tiếp tục cân đối nguồn tài chính, điều hành hoạt động một cách linh hoạt, hiệu quả để có nguồn tài chính trả nợ đúng tiến độ và kế hoạch đối với các khoản vay. Đáp ứng nguồn tài chính để hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt; Làm việc với các Ngân hàng và tổ chức tín dụng để các khoản vay có mức lãi suất hợp lý nhất nhằm tiết kiệm chi phí tài chính tối đa cho doanh nghiệp. Vận dụng linh hoạt các giải pháp tài chính để đảm bảo Công ty có dòng tiền đảm bảo để có đủ nguồn vốn đầu tư các dự án.
- Thực hiện tốt, đầy đủ, chức năng công bố thông tin để việc công bố thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư, đặc biệt là cổ đông pháp nhân, cổ đông lớn.

Theo dõi và hoàn thiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định đối với công tác quản lý cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Trung tâm Lưu ký chứng khoán VN.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019

DVT: Đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018 (%)
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	610.203.580.820	92,65
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	347.775.818.994	86,01
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	262.427.761.826	103,22
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351	14.676.180.436	99,47
5	LN sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	247.751.581.389	103,45
6	Tỷ lệ cổ tức	22%	35%	30 - 35%	
7	Nộp NSNN	73.184.003.829	141.466.583.220	143.340.801.024	101,3%

Ghi chú: Công ty xây dựng kế hoạch trên cơ sở:

- Tình hình thủy văn dự báo tốt nhất (trung tự năm 2018).
- Công tác đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao dự kiến được triển khai trong 6 tháng cuối năm 2019 do Công ty mẹ là tổng thầu EPC.
- Tình hình lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ không biến động nhiều và kế hoạch tăng vốn điều lệ được thực hiện

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban điều hành công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018 và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX P&C



PHẠM BẢO LONG

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO**HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY VINACONEX P&C NĂM 2018 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2019**

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Công ty cổ phần Vinaconex P&C đã tích cực triển khai công tác đầu tư và thực hiện chuẩn bị các thủ tục đầu tư của các dự án đầu tư nhằm không ngừng mở rộng quy mô và tăng lợi nhuận cho Công ty. Đến nay, công tác triển khai thực hiện đầu tư trong năm 2018 đã đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng, tiến độ đề ra và kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông cụ thể như sau:

1. Dự án Thủy điện Xuân Minh:

Dự án do Công ty CP Thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư (*Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ*) và Công ty CP Vinaconex P&C làm Tổng thầu phần xây lắp. Tổng mức đầu tư dự kiến 509 tỷ đồng trong đó vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

a. Thực hiện trong năm 2018

Được sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV Công ty, trong năm 2018, Dự án Thủy điện Xuân Minh đã được hoàn thành và tổ chức lễ khánh thành công trình vào ngày 22/9/2018 đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Công ty với vai trò là tổng thầu xây lắp với các thông tin cụ thể như sau:

- Thời gian khởi công - hoàn thành: 9/2016 - 9/2018.
- Thời gian thi công: 24 tháng.
- Nhà thầu cung cấp thiết bị cơ điện: Công ty Chế tạo thiết bị thủy điện Thiên Phát – Thiên Tân, Trung Quốc.
- Nhà thầu cung cấp thiết bị cơ khí thủy công: Tổng Công ty Agrimeco – CTCP.
- Tổng thầu xây lắp: Công ty Vinaconex P&C.
- Đơn vị tài trợ vốn: Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng Sài Gòn – Hà nội (SHB)
- Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt được (tính từ khi vận hành đến 31/12/2018):
 - + Sản lượng điện cung cấp lưới điện quốc gia (trong Quý IV/2018): 12.767.720Kw.
 - + Giá trị sản lượng điện thương phẩm (trong Quý IV/2018): 14.975.400.000 đồng.

b. Kế hoạch năm 2019:

- Hoàn thành điều chỉnh Kênh xả hạ lưu và Tường T4 trong tháng 02/2019;
- Phối hợp chặt chẽ với Tư vấn giám sát, các nhà thầu và các đơn vị có liên quan để tập trung công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra,

tuân thủ đúng các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước và Ngân hàng tài trợ vốn cho dự án: dự kiến hoàn thành trong quý I/2019.

2. Dự án Thủy điện Xuân Khao:

Ngày 02/08/2016, Công ty đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận, cho phép nghiên cứu khảo sát tuyến sông Khao, huyện Thường Xuân để đầu tư nhà máy thủy điện tại văn bản số 8439/UBND-CN và ngày 06/06/2017, Bộ Công Thương đã có quyết định số 2021/QĐ-BCT phê duyệt bổ sung Dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 31/06/2017, Công ty đã có văn bản số 140/2017/CV-ĐTXD đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa cho phép Công ty được triển khai thực hiện quy hoạch Thủy điện Xuân Khao và UBND Tỉnh đã giao Sở Công Thương chủ trì cùng các Sở Ngành có liên quan tham mưu cho UBND Tỉnh. Sau khi có chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty đã tích cực phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để triển khai các thủ tục đầu tư của dự án.

3.1. Thực hiện trong năm 2018:

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn rà soát lại ảnh hưởng của Dự án tới đất rừng và diện tích đất rừng cần chuyển đổi mục đích sử dụng theo Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ thực hiện “Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng”. Đến ngày 20/4/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có văn bản số 3012/BNN-TCLN chấp thuận chuyển đổi đất rừng theo quy định.
- Làm việc với Bộ Tài nguyên và Môi trường xin phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (ĐTM). Ngày 12/9/2018, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Quyết định số 2815/QĐ-BTNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án.
- Phối hợp cùng các Sở Ngành của tỉnh Thanh Hóa để rà soát ảnh hưởng của Dự án tới các công trình trong khu vực Dự án như QL 47, Hồ chứa nước Cửa Đạt, khu vực dân cư sinh sống và xây dựng phương án sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng. Đến thời điểm hiện tại, UBND huyện Thường Xuân, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Giao thông Vận tải đã có các văn bản báo cáo UBND tỉnh xem xét, chấp thuận.

3.2. Kế hoạch năm 2019:

- Trên cơ sở ý kiến các ngành, Công ty sẽ phối hợp cùng Sở Công thương báo cáo Ban cán sự Đảng UBND Tỉnh để trình Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa chấp thuận chủ trương đầu tư và thành lập công ty thực hiện Dự án trong Quý III/2019.
- Phối hợp cùng Đơn vị Tư vấn thẩm tra (PECC 1) hoàn chỉnh hồ sơ thẩm tra BCNCKT và TKCS để trình duyệt và làm cơ sở để triển khai thực hiện trong Quý III/2019.

- Hoàn chỉnh báo cáo Khảo sát địa chất giai đoạn 2, lập TKKT, TKBVTC- TDT công trình và lựa chọn nhà thầu thi công thực hiện Dự án: trong Quý IV/2019.
- Làm việc với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng về nguồn vốn để thực hiện dự án: trong Quý IV/2019.
- Lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị: trong Quý IV/2019.
- Khởi công xây dựng công trình: trong Quý IV/2019.

3. Các dự án khác:

a. Dự án Nhà máy nước sạch sinh hoạt huyện Thường Xuân:

- Ngày 26/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đồng ý chủ trương thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý theo hình thức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp quản lý, vận hành khai thác và sử dụng công trình Nhà máy nước sạch thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân tại văn bản số 13447/UBND-NN.
- Nhà máy nước sạch sinh hoạt huyện Thường Xuân sau khi được đầu tư nâng cấp, mở rộng giai đoạn 1 sẽ đạt công suất 3.000 m³/ngđ đang được Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa thẩm định báo cáo định giá trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Công ty đã triển khai các thủ tục đồng thời bám sát để tham gia đấu thầu quản lý vận hành nhà máy khi có hồ sơ mời thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Dự án Thủy điện Cửa Đạt mở rộng:

Thực hiện Nghị quyết ngày 06/9/2017 của HĐQT Công ty tại Phiên họp thứ 17 (nhiệm kỳ 2014 – 2019), Công ty CP Vinaconex P&C đã làm việc với các cơ quan có liên quan như Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, UBND tỉnh và các Sở ngành tỉnh Thanh Hóa để nghiên cứu lập Hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án với công suất khoảng 18MW.

Ngay sau khi Dự án thủy điện Xuân Khao được phê duyệt chủ trương đầu tư, Công ty sẽ làm việc với các Bộ Ban ngành và UBND tỉnh Thanh Hóa để trình bổ sung quy hoạch Dự án.

c. Các dự án năng lượng tái tạo:

Qua nghiên cứu đánh giá các cơ hội đầu tư, Công ty thấy rằng các dự án thủy điện quy mô trung bình và lớn không còn, suất đầu tư lớn và nhiều địa phương không khuyến khích đầu tư nên hiệu quả kinh tế không cao. Nhiều dự án thủy điện có suất đầu tư từ 35 - 40 tỷ đồng/MW, gần tương đương với suất đầu tư của các dự án điện gió trong khi giá mua điện gió đã được Chính phủ điều chỉnh tăng cao hơn trước khoảng 10% và được các tỉnh khuyến khích đầu tư. Do vậy, Công ty đã nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án điện gió tại các tỉnh có tiềm năng như Quảng trị, Phú Yên, Ninh Thuận,...

d. Các dự án bất động sản:

Hiện Công ty đang nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án khu dân cư trên địa bàn Thanh Hóa và một số khu vực khác nhằm tận dụng dòng tiền trong thời điểm nhàn rỗi.

Ngoài ra, hợp đồng thuê văn phòng với Tổng công ty Vinaconex tại tầng 19 Vinaconex Tower sẽ hết hạn vào 31/12/2023. Theo Nghị quyết phiên họp HĐQT số 22 ngày 02/10/2018, HĐQT đã cho phép chủ trương nghiên cứu một khu đất để xây dựng văn phòng làm việc của Công ty tại Hà Nội và có thể kết hợp xây nhà để bán cho CBCNV và khách hàng có nhu cầu.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban điều hành Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2018 và đề xuất kế hoạch năm 2019.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX P&C

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM BẢO LONG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NHIỆM KỲ III
(2014-2019) VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ IV (2019-2024)**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex - Vinaconex P&C (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt) được thành lập năm 2004 với nhiệm vụ chính là quản lý đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt. Sau 15 năm thành lập, đến nay, ngoài NM thủy điện Cửa Đạt, Công ty đã thực hiện đầu tư và đưa vào vận hành 02 nhà máy thủy điện gồm NM thủy điện Bái Thượng và NM thủy điện Xuân Minh cũng như chuẩn bị thủ tục đầu tư một số dự án khác như Dự án thủy điện Xuân Khao, Điện gió và mở rộng một số hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

Trong quá trình hoạt động của mình, Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và đặc biệt là các cổ đông của Công ty đã đạt được một số thành tựu nhất định trong quản lý điều hành; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; gia tăng thương hiệu và giá trị doanh nghiệp; gia tăng cổ tức cho các cổ đông; gia tăng nộp ngân sách Nhà nước và thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, Công ty cũng phải đối mặt với những khó khăn thách thức cũng như những thay đổi trong chính sách quản lý của Nhà nước, nhu cầu của thị trường và những cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Để chủ động ứng phó với các biến động của thị trường, của ngành và nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng kế hoạch phát triển cho giai đoạn 2019-2024 và kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty với các nội dung chính như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch, định hướng phát triển của Công ty giai đoạn 2014-2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt:**1. Công tác sản xuất kinh doanh:****1.1. Mục tiêu kiện toàn công tác nhân sự, sắp xếp hệ thống doanh nghiệp****- Kiện toàn công tác nhân sự:**

Nhiệm kỳ 2014-2019 đánh dấu sự thành công lớn của công ty trong công tác kiện toàn nhân sự cấp cao: Ông Nguyễn Thành Phương - Nguyên Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty VINACONEX, nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty nghi chế độ từ 01/7/2015; Ông Vương Hoàng Minh - Bí thư đảng ủy, Giám đốc Công ty được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT; Ông Phạm Bảo Long - Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được HĐQT bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty và được ĐHCĐ bất thường ngày 21/7/2015 bầu bổ sung vào HĐQT. Trong nhiệm kỳ, HĐQT cũng bổ nhiệm một số chức danh quản lý cấp cao của Công ty cụ thể: năm 2015 bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty, năm 2016 bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác sản xuất và năm 2018 bổ nhiệm 01 Phó TGĐ phụ

trách công tác đầu tư. Ngoài ra, cả giai đoạn 2014-2019 Công ty đã thực hiện bổ nhiệm một số chức danh Giám đốc Ban, Phó giám đốc Ban chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc.

- Sắp xếp hệ thống quản lý doanh nghiệp:

Công ty đã thực hiện việc sáp nhập một số phòng ban và điều chuyển nhân sự phù hợp với năng lực chuyên môn. Chuyển đổi mô hình từ cấp Phòng chức năng thành các Ban chức năng, bổ sung chức năng nhiệm vụ cho phù hợp.

Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm phục vụ tốt nhất cho nhu cầu quản trị điều hành doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu thực hiện công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất

Giai đoạn 2014 - 2018, Nhà máy thủy điện Cửa Đạt đã phát tổng sản lượng đạt 2,67 tỷ Kwh, đạt doanh thu bán điện 1.763,19 tỷ đồng. Sản lượng điện có những năm vượt khoảng 33% so với công suất thiết kế (năm 2018).

- Ban điều hành Công ty đã cùng với Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt, Tổ thị trường điện bám sát tình hình thủy văn; nhu cầu nước cho hạ du để phát điện với mục đích "Tận dụng cột nước để mức tiêu hao nước/Kwh điện thấp nhất, đạt sản lượng cao nhất và giá bán điện hiệu quả nhất trên thị trường điện trong mùa khô"; Tận dụng điều kiện thủy văn những năm tốt và vận dụng mọi biện pháp để nâng cao sản lượng phát điện những năm có điều kiện thủy văn khó khăn; Thực hiện các điều kiện quy định đối với việc tham gia thị trường điện để kiên trì thuyết phục và giải trình các cơ quan liên quan như: Công ty Thủy nông Sông Chu, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, các đơn vị thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam, các đơn vị thuộc sở NN& PTNT Thanh Hóa, đặc biệt là Cục điều tiết điện lực - Bộ Công thương để Công ty được tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ nhằm tranh thủ bán điện ở thời điểm giá trên thị trường cao để mang lại hiệu quả cao nhất, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của toàn Công ty.
- Nâng cao năng lực quản lý vận hành, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị: Nhà máy thủy điện Cửa Đạt đã bố trí cán bộ hợp lý, tăng cường công tác đào tạo cán bộ từ đó tạo được đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, kỷ luật và chất lượng. Thực hiện tinh giản cán bộ vận hành, giảm cán bộ vận hành của Nhà máy TĐ Cửa Đạt từ 45 người xuống còn 31 người (Đã đào tạo và chuyển sang Nhà máy TĐ Bái Thượng và Nhà máy TĐ Xuân Minh 14 người) mà vẫn đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả thiết bị. Nhà máy thủy điện Cửa Đạt cũng đã phối hợp với các Ban chức năng của Công ty để lập kế hoạch và thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị một cách khoa học, hợp lý. Từ đó, vừa đảm bảo tuổi thọ của thiết bị lại vừa khai thác được số giờ vận hành máy cao (Năm 2018 số giờ vận hành máy quy đổi lên đến 5.723h/năm so với số giờ vận hành tính toán là 4.500h/năm).
- Quan tâm đúng mức đến công tác an toàn lao động: Hàng năm Công ty đều có chương trình bồi dưỡng và tập huấn an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công nhân viên. Liên tục cập nhật các quy định, chính sách, quy chuẩn về an toàn của ngành điện cho cán bộ công nhân viên. Công ty cũng có hội đồng an toàn và bảo hộ lao động tham mưu cho

Lãnh đạo công ty trong công tác mua sắm, trang bị trang thiết bị an toàn lao động, bảo hộ lao động cho sản xuất và thực hiện các chính sách, quy định về bảo hộ lao động theo quy định của Nhà nước.

- Để thiết bị hoạt động được liên tục, an toàn, Công ty luôn quan tâm đến công tác trang bị các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm và trang bị có hiệu quả các vật tư dự phòng và vật tư dự phòng chiến lược. Không để tình trạng bị bất ngờ khi thiết bị già cỗi, hư hỏng phải chờ vật tư. Quan tâm đến công tác cải tạo, thay thế thiết bị cũ bằng các thiết bị có chất lượng tốt hơn, hoạt động hiệu quả hơn.
- Công ty đã thành lập Hội đồng khoa học để đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến và sáng tạo khoa học trong sản xuất, động viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên nâng cao năng lực công tác, chủ động sáng tạo trong công việc. Nhiều đề tài khoa học và sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được thực hiện giúp tiết kiệm chi phí sản xuất và làm lợi cho Công ty nhiều tỷ đồng.
- Đẩy mạnh công tác tiết kiệm trong sản xuất và quản lý như: Sử dụng tối đa các thiết bị đang có để bảo dưỡng, hiệu chỉnh, lắp đặt cho tổ máy; Tổ chức đấu thầu công khai đối với việc mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng và phục vụ tiêu tu, bảo dưỡng đã tiết kiệm được so với dự toán và mặt bằng chung của các nhà máy tương tự; Cán bộ và công nhân nhà máy tự thực hiện công tác tiêu tu, bảo dưỡng không phải thuê ngoài; Tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện và tăng việc sử dụng điện tự dùng cho công tác vận hành nhà máy; Tiết giảm các chi phí xăng dầu, văn phòng ...

1.3. Mục tiêu tái cấu trúc tài chính để có bức tranh tài chính cân đối, lành mạnh

Những năm đầu của nhiệm kỳ, tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Việt Nam và khó khăn nội tại của doanh nghiệp như: tình hình thủy văn những năm 2015, 2016 rất kém; chênh lệch thanh khoản lớn do việc trả nợ vay dài hạn đầu tư hàng năm thường cao gấp 2 lần nguồn khấu hao tài sản cố định,... nhưng hoạt động tài chính của Công ty vẫn đảm bảo được tính thanh khoản, thu xếp đủ vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh, vay và trả nợ vay đúng hạn các khoản nợ vay dài, ngắn hạn, thu xếp dòng tiền trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ cổ tức cao. Định hướng, rà soát và tính toán được kế hoạch SXKD của Công ty đáp ứng trong từng thời kỳ của năm kế hoạch đảm bảo tính chủ động, hợp lý và chính xác đối với tiềm lực của Công ty.

- Trong năm 2015 Công ty đã trình ĐHĐCĐ phê chuẩn và đã thực hiện hoàn thành vào ngày 5/12/2015 việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 380 tỷ đồng lên 455,995 tỷ đồng
- Khẳng định đúng vị thế và giá trị của doanh nghiệp, tạo cơ hội tốt cho Công ty trong giao dịch, quan hệ với đối tác và các định chế tài chính.
- Trong năm 2016 Công ty đã kiên trì làm việc với các ngân hàng liên quan để tái cấu trúc tài chính đối với khoản vay vốn đầu tư dài hạn nhằm giãn kế hoạch trả nợ, giảm áp lực dòng tiền và tiết kiệm chi phí tài chính, bên cạnh đó Công ty tiếp tục làm việc với các đối tác để ổn định nguồn tiền nhằm duy trì hoạt động thông suốt về tài chính cho doanh nghiệp. Kết quả năm 2016 mặc dù áp lực dòng tiền rất lớn song Công ty vẫn duy trì được sự ổn định, các khoản nợ gốc và lãi được trả đúng hạn không để xảy

ra quá hạn đồng thời Công ty đã tái cấu trúc thành công khoản nợ dài hạn giảm được lãi suất cho khoản nợ dài hạn ước tính khoảng trên 5 tỷ đồng cho năm đầu tiên.

- Ban Tổng Giám đốc và các ban chuyên môn đã nỗ lực vận dụng linh hoạt để làm việc với các đối tác, đặc biệt là các đối tác cá nhân để vừa đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động Tổng thầu xây lắp...vừa phải đảm bảo đủ nguồn tiền trả nợ gốc, lãi vay trong kỳ, đặc biệt đã thực hiện hoàn thành việc trả cổ tức các năm từ 2014 đến 2018 cho cổ đông đạt tỷ lệ cao, trung bình 25%/năm.
- Tình hình tài chính từ những năm 2015 đến 2017 của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do tình trạng thiếu hụt dòng tiền kéo dài từ năm này sang năm khác, ảnh hưởng lớn đến công tác thanh khoản. Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết cho phép Công ty tăng vốn bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cho cán bộ công nhân viên theo chương trình ưu đãi cho CBCNV để có giải pháp tái cơ cấu tài chính toàn diện, có nguồn tài chính giúp doanh nghiệp hoạt động ổn định. Năm 2018 Công ty đã phát hành thành công với tổng số cổ phiếu đã phân phối: 11.399.998 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ Công ty từ 455,995 tỷ đồng lên 569,999 tỷ đồng.

Công ty đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp phù hợp nhằm xây dựng hệ thống tài chính lành mạnh như: Kiểm soát chặt chẽ nhưng linh hoạt việc sử dụng dòng tiền để mang lại hiệu quả cao nhất trong điều kiện thực tế; tích cực khai thác các kênh tín dụng hiệu quả để tạo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; tích cực thu hồi tiền bán hàng sớm hơn so với quy định; khai thác nguồn vốn giá rẻ, góp phần đưa doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn về tài chính.

Nhiệm kỳ này ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt bậc của Công ty, thể hiện qua quy mô Vốn điều lệ từ mức 380 tỷ đồng lên mức Vốn điều lệ gần 570 tỷ đồng tăng 1,5 lần tại thời điểm 31/12/2018, đến nay Công ty đã thực hiện niêm yết tại sàn UPCOM và đang giao dịch quanh mức 3,7 lần mệnh giá (~ 37.000 đồng /CP) vốn hóa thị trường đạt trên 2.100 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2014 là 554,717 tỷ đồng đến 31/12/2018 đạt 796.224 tỷ đồng, tăng 1.43 lần. Tỷ lệ chi trả cổ tức giai đoạn này đạt 118% cụ thể năm 2014: 23%; năm 2015 23%; năm 2016 15%; năm 2017 22% và năm 2018 dự kiến 35%. Các giải pháp tài chính hợp lý là một trong những nhân tố cơ bản giúp Công ty vượt qua khó khăn và dần đạt được những thành công đáng kể trong giai đoạn 2014-2018.

1.4. Mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, công tác xã hội

Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV, đặc biệt là CBCNV làm việc tại các công trường, nhà máy. Khu quản lý điều hành đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, hoạt động thể thao phục vụ đời sống của CBCNV ở mức chất lượng cao. Công ty duy trì chế độ trả lương cho CBCNV đảm bảo đúng hạn; Thu nhập bình quân người lao động toàn công ty giai đoạn 2014-2018 tăng trung bình 10-15% mỗi năm. Tất cả CBCNV được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động như: Tặng quà cho CBCNV vào các ngày lễ lớn, thành lập Công ty, sinh nhật CBCNV và tổ chức cho toàn thể CBCNV đi nghỉ cùng gia đình trong nước và nước ngoài để tái tạo sức lao động; tạo cơ hội học tập cho cán bộ. Công ty thực hiện mua

gói bảo hiểm nhân thọ + bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ công nhân viên công ty, đảm bảo điều kiện bảo vệ tốt nhất cho CBCNV.

Công ty duy trì công tác thăm hỏi và tặng quà các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, cựu quân nhân... Thường xuyên thực hiện các chương trình ủng hộ người nghèo, các gia đình khó khăn theo các chương trình kêu gọi của các tổ chức; Trực tiếp trao quà cho người nghèo, các gia đình khó khăn tại các vùng sâu vùng xa tại Thường Xuân, Thanh Hóa vào các dịp lễ tết.

Các số liệu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014 - 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng
1	Tổng doanh thu và thu nhập	360.598.965.540	334.653.078.407	291.246.436.814	474.952.084.306	658.577.768.207	2.120.028.333.274
2	Tổng chi phí	225.095.103.963	217.395.100.597	214.012.741.491	331.102.579.908	404.328.967.903	1.391.934.493.862
3	Lợi nhuận sau thuế	128.720.132.459	111.077.854.732	72.369.143.584	135.897.640.593	239.494.589.953	687.559.361.321
4	Nộp NSNN	70.127.725.429	74.836.517.000	54.568.356.426	69.356.997.651	141.466.583.220	410.356.179.726
5	Vốn điều lệ	380.000.000.000	455.999.950.000	455.999.950.000	455.999.950.000	569.999.930.000	
6	Trả cổ tức bằng tiền	87.400.000.000	97.279.993.500	68.399.992.500	100.319.989.000	199.499.975.500	552.899.950.500
7	Tỷ lệ cổ tức	23%	23%	15%	22%	35%	118%

2. Công tác đầu tư phát triển:

2.1. Dự án thủy điện Bái Thượng:

- Nhà máy thủy điện Bái Thượng được xây dựng phía bờ trái Sông Chu, ngay dưới chân đập tràn Bái Thượng thuộc hệ thống thủy lợi Bái Thượng, là loại nhà máy thủy điện cột nước thấp sử dụng turbin Capsul (bóng đèn). Nhà máy thủy điện Bái Thượng được xây dựng nhằm tận dụng toàn bộ lượng nước xả thừa qua đập Bái Thượng để phát điện. Dự án Thủy điện Bái Thượng do Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng làm chủ đầu tư (Công ty cổ phần Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ) với các thông số chính như sau:

- + Công suất : 6,0 MW.
- + Cột nước : 6,0 m.
- + Lưu lượng : 120m³/h.
- + Số tổ máy : 02 tổ
- + Điện lượng : 24.956x10⁶ kWh.
- + Tổng vốn đầu tư : 171,7 tỷ đồng.

- Tháng 05/2015, Nhà máy chính thức được triển khai thi công đồng bộ các hạng mục công trình chính (Kênh dẫn thượng lưu; Cửa nhận nước; Nhà máy thủy điện; Kênh xả hạ lưu). Mặc dù khối lượng thi công Nhà máy thủy điện Bái Thượng không lớn, nhưng do Nhà máy được xây dựng ngay sát cạnh thân đập thủy lợi Bái Thượng đã có lịch sử hàng trăm năm nay, với nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là cung cấp nước tưới cho hơn 58.000ha và nước sinh hoạt, công nghiệp cho gần 3 triệu người vùng hạ lưu. Vì vậy

việc đảm bảo an toàn tuyệt đối cho đập Bái Thượng trong suốt quá trình thi công xây dựng là điều kiện bắt buộc, đặc biệt là công tác nổ mìn phá đá đào móng và tháo dỡ bê tông thân đập phụ.

- Với sự cố gắng, nỗ lực, của Ban điều hành, Tư vấn giám sát và các nhà thầu thi công, đặc biệt là sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát, kịp thời và sự tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, trong suốt quá trình đầu tư và triển khai thi công xây dựng dự án, sự giúp đỡ và tạo điều kiện của địa phương, các tổ chức tín dụng và các đối tác, Nhà máy thủy điện Bái Thượng đã được hoàn thành sau 18 tháng triển khai thi công xây dựng và lắp đặt. Ngày 09/11/2016, tổ máy số 1 được đưa vào phát điện thương mại. Ngày 24/12/2016, tổ máy số 2 cũng được đưa vào phát điện thương mại. Dự án đã đảm bảo và vượt các mục tiêu, tiến độ là 12 tháng, thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho đập thủy lợi Bái Thượng.
- Kết quả vận hành của Nhà máy trong năm 2017 và 2018:
 - + Kết quả hoạt động năm 2017: đạt 17,688 triệu Kwh, doanh thu đạt 18,087 tỷ đồng bằng, Lợi nhuận sau thuế đạt 1,982 tỷ đồng.
 - + Kết quả hoạt động năm 2018 đạt 27,570 triệu Kwh, vượt thế kế 110,72%, doanh thu đạt 31,350 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 5,064 tỷ đồng.

2.2. Dự án Thủy điện Xuân Minh:

- Dự án thủy điện Xuân Minh được xây dựng trên sông Chu thuộc địa phận thôn Xuân Minh, xã Xuân Cẩm - Xuân Cao, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, cách nhà máy thủy điện Cửa Đạt về phía hạ lưu khoảng 9 km, cách đập Bái Thượng về phía thượng lưu khoảng 7 km. Thủy điện Xuân Minh có cột nước thấp ($H_{tt} = 8,5m$) và tận dụng năng lượng qua hai hồ chứa lớn là Hòa Na và Cửa Đạt nên cho sản lượng điện cao. Dự án do Công ty CP Thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư (*Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ*) và Công ty CP Vinaconex P&C làm Tổng thầu phần xây lắp với các thông số chính như sau:
 - + Công suất : 15 MW.
 - + Cột nước : 8,5 m.
 - + Lưu lượng : 199.2 m³/s.
 - + Số tổ máy : 02 tổ.
 - + Điện lượng : 66.1x10⁶ kWh.
 - + Tổng vốn đầu tư : 517.647 tỷ đồng.
 - + Vốn điều lệ : 150 tỷ đồng.
- Dự án Thủy điện Xuân Minh được khởi công xây dựng ngày 08/9/2016, công trình gồm các hạng mục chính: Nhà máy và cửa vào Nhà máy, Tràn Piano, Tràn cửa van, Trạm phân phối và Đường dây 110kV, Kênh xả hạ lưu, Đập phụ bờ phải. Với sự ủng hộ, tạo điều kiện tốt nhất của địa phương, các ngân hàng tài trợ vốn đồng thời với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự quyết liệt của Tổng thầu xây lắp và sự nỗ lực cố gắng hết mình của tập thể, cán bộ công nhân viên Công ty cũng như các Nhà thầu tham gia thi công trên công trường, sau 02 năm từ ngày khởi công, ngày 21/9/2018 tất

cả các hạng mục xây lắp đã được hoàn thành đưa vào sử dụng, công tác khánh thành được tổ chức vào ngày 22/9/2018. Ngày 20/9/2018 phát điện thương mại tổ máy 1 và ngày 07/10/2018 phát điện thương mại tổ máy 2, vượt 6 tháng so với kế hoạch đề ra. Công trình Thủy điện Xuân Minh được các Cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra, đánh giá cao về chất lượng và tiến độ xây lắp. Công trình được thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đảm bảo an ninh trật tự và vệ sinh môi trường.

- Kết quả vận hành của Nhà máy 3 tháng cuối năm 2018:

+ Kết quả hoạt động 2018: Hai tổ máy vận hành ổn định. Sản lượng phát điện năm 2018 (từ 29/09/2018 đến 31/12/2018) đạt 12,768 triệu Kwh, doanh thu đạt 16,533 tỷ đồng.

2.3. Công tác đầu tư và chuẩn bị đầu tư các dự án khác:

2.3.1. Dự án Khu dân cư tại MBQH số 05, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trong năm 2015-2016, Công ty đã triển khai thực hiện dự án gồm 2 hạng mục chính là xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư (Thuộc gói thầu số 02) do Công ty làm nhà thầu chính và chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Khu dân cư do Công ty là đơn vị trúng đấu giá thực hiện.

- Mục tiêu: Xây dựng khu nhà ở để bán cho CBCNV Công ty và người dân có nhu cầu trên địa bàn huyện Thường Xuân.

- Tiến độ:

+ Công tác thi công hạ tầng Gói thầu 02: Bắt đầu triển khai từ tháng 8/2015 đến tháng 02/2016, nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng và bàn giao cho Chủ đầu tư để đưa vào sử dụng.

+ Chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại MBQH số 05: Sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính (nộp tiền trúng đấu giá) và được Sở TNMT tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổng số 60 lô đất, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng với 49 lô đất cho khách hàng và ngày 17/03/2016 đã tổ chức chào giá cạnh tranh cho 11 lô đất còn lại có giá trị thương mại cao. Đến ngày 30/06/2016 Công ty đã hoàn thành toàn bộ công tác chuyển nhượng QSD đất, bàn giao mặt bằng cho khách hàng và hỗ trợ toàn bộ khách hàng đến khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu được kết quả tốt.

2.3.2. Dự án Thủy điện Xuân Khao:

Sông Khao là nhánh sông cấp II của sông Mã, cấp I của sông Chu có diện tích lưu vực là 347 km², chiều dài toàn dòng chính 44km, bắt nguồn từ vùng núi biên giới Việt Lào, khu vực xã Bát Mọt đổ vào hồ thủy lợi thủy điện Cửa Đạt. Dự án thủy điện Xuân Khao dự kiến xây dựng trên sông Khao (nằm tại xã Yên Nhân, Thường Xuân, Thanh Hóa) tận dụng khai thác trữ năng thủy điện của nhánh sông Khao trước khi đổ vào hồ Cửa Đạt. Dự án có công suất 7,5MW, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 260 tỷ đồng. Các thủ tục đầu tư đến thời điểm báo cáo như sau:

- Công ty đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận, cho phép nghiên cứu khảo sát tuyến sông Khao, huyện Thường Xuân để đầu tư nhà máy thủy điện Xuân Khao tại

văn bản số 8439/UBND-CN ngày 02/08/2016 và được Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung Dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 2021/QĐ-BCT ngày 06/06/2017.

- Công ty đã tích cực phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để triển khai các thủ tục đầu tư của dự án như: rà soát lại ảnh hưởng của Dự án tới đất rừng theo Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ và đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT chấp thuận; hoàn chỉnh Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và đã được Bộ Tài nguyên & Môi trường phê duyệt; Phối hợp cùng các Sở Ngành của tỉnh Thanh Hóa để rà soát ảnh hưởng của Dự án tới các công trình trong khu vực Dự án như QL 47, Hồ chứa nước Cửa Đạt, khu vực dân cư sinh sống và xây dựng phương án sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng.
- Ban cán sự Đảng UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 15/BCS-UBND Ngày 02/02/2018 và số 68/BCS – UBND ngày 31/5/2018 báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về việc xin ý kiến chủ trương đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao của Công ty. Hiện Công ty đang hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa để sớm được chấp thuận chủ trương, đưa Dự án vào triển khai đầu tư, xây dựng.

2.3.3. Dự án Thủy điện Cửa Đạt mở rộng:

- Thực hiện Nghị quyết ngày 06/9/2017 của HĐQT Công ty tại Phiên họp thứ 17 (nhiệm kỳ 2014 - 2019), Công ty CP Vinaconex P&C đã làm việc với các cơ quan có liên quan như Bộ Công thương, Bộ NN&PTNT, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, UBND tỉnh và các Sở ngành tỉnh Thanh Hóa để nghiên cứu lập Hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Cửa Đạt mở rộng với công suất khoảng 18MW.
- Ngay sau khi Dự án thủy điện Xuân Khao được phê duyệt chủ trương đầu tư, Công ty sẽ báo cáo các Bộ ban ngành và UBND tỉnh Thanh Hóa để trình bổ sung quy hoạch và triển khai các bước tiếp theo của Dự án.

2.3.4. Dự án Nhà máy nước sạch sinh hoạt huyện Thường Xuân:

- Nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa có công suất thiết kế là 1.500m³/ngày đêm, được xây dựng và vận hành từ năm 2009 nhằm cung cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Thường Xuân và khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhà máy nước này chỉ đáp ứng được 30% nhu cầu nước sạch của Thị trấn và khu vực xung quanh. Ngày 26/10/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đồng ý chủ trương thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý theo hình thức đấu thầu lựa chọn doanh nghiệp quản lý, vận hành khai thác và sử dụng công trình Nhà máy nước sạch thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân tại văn bản số 13447/UBND-NN.
- Nhà máy nước sạch sinh hoạt huyện Thường Xuân sau khi được đầu tư nâng cấp, mở rộng giai đoạn 1 sẽ đạt công suất 3.000 m³/ngđ đang được Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa thẩm định báo cáo định giá trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.
- Công ty đã triển khai các thủ tục đồng thời bám sát để tham gia đấu thầu quản lý vận hành nhà máy khi có hồ sơ mời thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3.5. Các dự án năng lượng tái tạo:

Qua nghiên cứu đánh giá các cơ hội đầu tư, Công ty thấy rằng các dự án thủy điện quy mô trung bình và lớn không còn, suất đầu tư lớn và nhiều địa phương không khuyến khích đầu tư nên hiệu quả kinh tế không cao. Nhiều dự án thủy điện có suất đầu tư từ 35 - 40 tỷ đồng/MW, gần tương đương với suất đầu tư của các dự án điện gió trong khi giá mua điện gió đã được Chính phủ điều chỉnh tăng cao hơn trước khoảng 10% và được các tỉnh khuyến khích đầu tư. Do vậy, Công ty đã nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án điện gió tại các tỉnh có tiềm năng như Quảng trị, Phú Yên, Ninh Thuận,...

2.3.6. Các dự án khác:

Hiện Công ty đang nghiên cứu cơ hội đầu tư một số dự án khu dân cư trên địa bàn Thanh Hóa và một số khu vực khác nhằm tận dụng dòng tiền trong thời điểm nhàn rỗi. Ngoài ra, hợp đồng thuê văn phòng với Tổng công ty Vinaconex tại tầng 19 Vinaconex Tower sẽ hết hạn vào 31/12/2023. Theo Nghị quyết phiên họp HĐQT số 22 ngày 02/10/2018, HĐQT đã cho phép chủ trương nghiên cứu một khu đất để xây dựng văn phòng làm việc của Công ty tại Hà Nội và có thể kết hợp xây nhà để bán cho CBCNV và khách hàng có nhu cầu.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty cho nhiệm kỳ 2019-2024

1. Đánh giá thực trạng và những thuận lợi, khó khăn và triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới:

1.1. Phân tích ưu nhược điểm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty:

Tính đến thời điểm hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Vinaconex P&C đã đạt được một số thành công nhất định và có một số đặc thù sau:

- Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh điện tăng cao trong hai năm gần đây, đặc biệt là 2018 một phần do điều kiện thời tiết, thủy văn và bộ phận bảo dưỡng, quản lý vận hành nhà máy thủy điện thực hiện tốt, một phần do Công ty đã tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thành lập được bộ phận chào giá điện hoạt động có hiệu quả so với các đơn vị khác cùng ngành nên đã gia tăng đáng kể cho doanh thu.
- Mặc dù doanh thu của Công ty còn dựa nhiều vào lĩnh vực sản xuất điện (hàng năm chiếm bình quân khoảng 83,16%) nhưng những năm gần đây doanh thu từ các lĩnh vực khác đã được tăng lên, đặc biệt là xây lắp do Công ty đã mạnh dạn áp dụng mô hình tổng thầu xây lắp thủy điện Xuân Minh. Việc áp dụng mô hình này giúp Vinaconex P&C đảm bảo được chất lượng, đẩy nhanh tiến độ và xây dựng được một đội ngũ CBCNV có nhiều kinh nghiệm để thực hiện các chiến lược, kế hoạch tiếp theo của Công ty.
- Hoạt động tìm kiếm và mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở rộng thị trường còn gặp khó khăn và chưa có dự án lớn đang xây dựng hoặc chuyển tiếp. Ngoài ra, ở một số thời điểm nhất định, Công ty có nguồn tiền nhàn rỗi nhưng việc sử dụng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế do chưa tìm được lĩnh vực kinh doanh ngắn hạn, thu hồi vốn nhanh. Nguyên nhân là do một số tỉnh hạn chế đầu tư thủy điện (lĩnh vực cốt lõi của Công ty) và mô hình tổ chức, quản lý và cơ chế quản lý còn có

những điểm khó khăn nhất định so với các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế tư nhân.

- Công ty đã luôn chăm lo đời sống cho người lao động như tổ chức thăm quan, nghỉ mát đảm bảo thu nhập và phúc lợi cho người lao động. Đặc biệt Công ty đã xây dựng được Khu dân cư với mục đích chính là tạo điều kiện cho CBCNV ổn định chỗ ở tại huyện Thường Xuân và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Được sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị Công ty cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã hoàn thành tốt việc đầu tư, xây dựng và hòa lưới điện Quốc gia hai dự án thủy điện Bái Thượng, Xuân Minh đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư. Song song với việc thực hiện đầu tư một số dự án thủy điện, được sự chấp thuận, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi của Hội đồng quản trị, Công ty đã chủ động nghiên cứu, triển khai các bước ban đầu của một số dự án như thủy điện Xuân Khao, thủy điện Cửa Đạt mở rộng, nước sạch Thường Xuân, dự án điện gió, bất động sản... Các dự án này sẽ được Công ty nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng để triển khai thực hiện đầu tư trong giai đoạn nhiệm kỳ IV (2019-2024), đảm bảo việc đầu tư có hiệu quả, gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty trong thời gian tới.

1.2. Phân tích SWOT:

- Điểm mạnh:
 - + Công ty là một trong số ít các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng có tỷ suất lợi nhuận và cổ tức cao nên đã tạo được uy tín, thương hiệu tốt đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các đối tác trong và ngoài nước và các cổ đông của Công ty.
 - + Bộ máy quản trị, điều hành của Công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các dự án thuộc lĩnh vực cốt lõi. Nguồn lực doanh nghiệp (nhân sự, văn hóa doanh nghiệp..) có chất lượng cao và CBCNV luôn gắn bó, đoàn kết vì mục tiêu chung của Công ty.
 - + Đời sống của CBCNV Công ty được cải thiện và không ngừng tăng lên tạo sự ổn định và yên tâm công hiến của người lao động.
 - + Công ty đã xây dựng được năng lực trong lĩnh vực tổng thầu xây lắp và tiến tới là tổng thầu EPC các công trình điện, thủy điện.
 - + Công ty đã xây dựng được đội ngũ kỹ sư và công nhân có tay nghề cao trong việc sửa chữa, bảo trì, đào tạo, vận hành các nhà máy điện và có thể tự thực hiện các công việc trong hệ thống thủy điện của Công ty cũng như cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp bên ngoài cùng ngành nghề.
- Điểm yếu:
 - + Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chưa đa dạng mà còn phụ thuộc nhiều vào lĩnh vực thủy điện.
 - + Chính sách thu hút nhân tài còn chưa thực sự hấp dẫn.

- Cơ hội:

- + Mở cửa hội nhập kinh tế toàn cầu sẽ tạo cơ hội phát triển cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực năng lượng là lĩnh vực cốt lõi của Công ty.
- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn đạt mức cao trong khi tốc độ tăng trưởng nguồn điện hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế do vậy khả năng thiếu điện trong thời gian tới là hiện hữu. Ngoài ra, lạm phát và lãi suất ngân hàng trong những năm qua ổn định ở mức thấp là cơ hội tốt cho Công ty có thể gia tăng sản lượng, mở rộng đầu tư và mở rộng quy mô.
- + Thị trường phát điện cạnh tranh ngày càng phát triển và sắp tới là thị trường bán buôn cạnh tranh sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động hơn về giá bán điện mà không hoàn toàn phụ thuộc vào giá thỏa thuận với EVN đặc biệt với các Nhà máy điện có giá thành thấp.
- + Việc vận hành ổn định của các hồ chứa phía trên hồ Cửa Đạt sẽ là nguồn dự trữ quan trọng giúp tăng sản lượng điện của Công ty, đặc biệt là vào mùa khô.
- + Giá thành đầu tư các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng giảm, hiệu suất phát điện ngày càng cao cùng với giá bán điện có xu hướng tăng lên sẽ mang lại hiệu quả và cơ hội tốt hơn khi đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo.

- Thách thức:

- + Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là thủy điện phụ thuộc nhiều vào thời tiết trong khi ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch và điều hành sản xuất của Công ty.
- + Chính sách pháp luật của Nhà nước chưa ổn định và không theo kịp với yêu cầu phát triển của nhu cầu sử dụng điện năng. Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động của Công ty.
- + Nhiều tỉnh thành trên cả nước hạn chế phát triển thủy điện làm hạn chế cơ hội mở rộng đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Máy móc thiết bị đã vận hành nhiều năm với hiệu suất cao trong thời gian dài do vậy nếu công tác bảo trì, bảo dưỡng không được thực hiện khoa học, kịp thời sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thiết bị và công suất phát điện.
- + Cạnh tranh ngày càng gay gắt với các công ty cùng lĩnh vực, ngành nghề trong việc tìm kiếm các dự án mới do các doanh nghiệp tư nhân trong nước cũng như nước ngoài với lợi thế về cơ chế điều hành, nguồn vốn, nguồn cung cấp thiết bị....

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty cho nhiệm kỳ 2019-2024:

Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, Công ty Vinaconex P&C đã khẳng định được thương hiệu của mình trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, đào tạo, quản lý vận hành các nhà máy thủy điện. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua cho thấy lợi nhuận chính thu được của Công ty là lĩnh vực thủy điện.

Trong nhiệm kỳ qua, Công ty đã chủ động mở rộng và phát triển thêm một số lĩnh vực kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, khẳng định thêm thế mạnh và thương hiệu Vinaconex P&C qua việc đầu tư kinh doanh bất động sản nhà ở (với quy mô nhỏ) tại huyện Thường Xuân, xây lắp và đặc biệt là tổng thầu xây lắp dự án thủy điện Xuân Minh.

Qua phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức cũng như bài học kinh nghiệm của nhiều doanh nghiệp trên thị trường, Ban Điều hành thấy rằng việc đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các dự án, nhà máy sản xuất điện năng vẫn là lĩnh vực cốt lõi và tập trung phát triển của Công ty. Trên cơ sở đó, Ban điều hành Công ty định hướng phát triển và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư nhiệm kỳ 2019 – 2024 với các nội dung chính như:

2.1. Định hướng phát triển:

2.1.1. Đẩy mạnh hoạt động đầu tư trong lĩnh vực thủy điện, năng lượng tái tạo và một số lĩnh vực có hiệu quả và thu hồi vốn nhanh.

Việc tổ chức tốt công tác đầu tư, thi công xây dựng và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện của Công ty trong thời gian qua đã giúp xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư có kinh nghiệm, chuyên môn cao và đã tạo được uy tín, thương hiệu tốt với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng, các đối tác trong và ngoài nước giúp cho việc mở rộng đầu tư trong lĩnh vực thủy điện và là cơ sở để triển khai các dự án năng lượng tái tạo và các dự án khác trong tương lai.

2.1.2. Thành lập Công ty dịch vụ sửa chữa, cơ khí P&C do Vinaconex P&C sở hữu 100% vốn hoạt động chính trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các nhà máy thủy điện, năng lượng tái tạo.

Công ty dịch vụ sửa chữa, cơ khí P&C sẽ dần tiếp nhận toàn bộ nhân sự và năng lực kinh nghiệm về sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành, đào tạo của Nhà máy thủy điện Cửa Đạt để thực hiện cho các nhà máy trong hệ thống Vinaconex P&C. Việc chuyển đổi toàn bộ năng lực kinh nghiệm của Nhà máy thủy điện sang Công ty dịch vụ sửa chữa, cơ khí P&C sẽ được thực hiện theo lộ trình và là tiền đề để Công ty dịch vụ sửa chữa, cơ khí P&C có thể tìm kiếm các công việc và mở rộng thị trường ra bên ngoài.

2.1.3. Đẩy mạnh công tác tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC các dự án thủy điện, năng lượng tái tạo để mở rộng quy mô, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Qua việc đảm nhận tổng thầu xây lắp thi công Nhà máy thủy điện Xuân Minh, Vinaconex P&C đã chủ động để đảm bảo được chất lượng công trình, rút ngắn được tiến độ thi công 6 tháng (24 tháng thi công so với tiến độ 30 tháng) mang lại hiệu quả to lớn cho chủ đầu tư. Việc đảm nhận tổng thầu thi công thủy điện Xuân Minh đã giúp Công ty xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, các nhà thầu phụ có năng lực, kinh nghiệm để có thể thực hiện các dự án tiếp theo. Ngoài ra, trong thời gian tới Vinaconex P&C sẽ thành lập các công ty dự án để thực hiện đầu

tư các dự án trong lĩnh vực thủy điện và năng lượng tái tạo sẽ là cơ sở thực hiện các công việc tổng thầu xây lắp, EPC cho Công ty.

2.1.4. Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của công tác chào giá điện trên thị trường phát điện cạnh tranh:

Trong thời gian qua, việc hoạt động hiệu quả của Tổ thị trường điện của Công ty đã mang lại những kết quả nhất định cho Công ty. Tuy nhiên, thời gian tới thị trường còn có những thay đổi và biến động, đặc biệt là khi EVN sẽ áp dụng mô hình bán buôn cạnh tranh. Do vậy Công ty tiếp tục đào tạo cán bộ để có chuyên môn sâu về thị trường điện cạnh tranh từ đó có chiến lược chào giá bán điện hợp lý nhằm đạt được sản lượng, giá bán điện hợp lý với doanh thu tốt nhất. Tiếp tục tìm hiểu để nâng cấp phần mềm trong công tác chào giá điện.

2.1.5. Tìm kiếm và mở rộng các nguồn tài chính để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển của Công ty

Công ty đã có quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước với các nguồn vốn vay dài hạn với chi phí hợp lý từ World Bank, PNB PariBas, Vietinbank, Vietcombank, SHB, ...do vậy, thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục tiếp cận đa dạng với các nguồn tài chính, điều hành hoạt động tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả để có nguồn tài chính đầu tư, trả nợ đúng tiến độ với mức lãi suất hợp lý nhất.

2.1.6. Tiếp tục hoàn thiện phương thức quản lý, điều hành, sử dụng nhân sự và mô hình quản trị cho phù hợp với thực tế phát triển của Công ty:

Trong thời gian tới, khi quy mô của Công ty tăng lên với nhiều đơn vị thành viên thì cần thiết phải nghiên cứu việc sử dụng nhân sự cho phù hợp đồng thời hoàn thiện mô hình quản lý, quản trị của Công ty để giảm thiểu các sai sót, tránh rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra Công ty cần xem xét phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước, thậm chí nước ngoài để xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý, ngoại ngữ... đáp ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế đối với lực lượng cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý các cấp

2.2. Kế hoạch phát triển:

2.2.1. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty:

Căn cứ định hướng, mục tiêu tổng quát phát triển Công ty cho giai đoạn 2019-2024, Công ty xây dựng các mục tiêu chính như sau:

- Vốn điều lệ: phát hành tăng Vốn điều lệ từ 569,999 tỷ đồng lên 1.000 -1.200 tỷ đồng.
- Doanh thu: tăng trưởng 10% - 12%/năm.
- Lợi nhuận: tăng trưởng 10% - 15%/năm.
- Cổ tức: đạt trung bình 30-35%/năm

Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn từ 2019 đến 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
A	Tổng doanh thu và thu nhập	Đồng	610.203.580.820	654.438.370.650	828.124.420.750	1.036.226.829.440	1.318.881.534.390
B	Tổng chi phí	Đồng	347.775.818.994	372.819.347.675	506.099.928.746	682.549.583.346	893.198.462.636
C	Lợi nhuận (A-B)	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754
2	Thuế TNDN	Đồng	14.676.180.436	16.132.651.149	20.522.528.600	24.984.788.305	31.983.053.588
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	247.751.581.389	265.486.371.827	301.501.963.404	328.692.457.789	393.700.018.166
D	Tỷ suất LNST/VBL	%	35,38%	39,62%	45,00%	33,89%	36,79%
E	Vốn điều lệ		669.999.993.000	669.999.993.000	669.999.993.000	969.999.993.000	1.069.999.993.000
F	Tỷ lệ cổ tức	%	Trung bình cả nhiệm kỳ tỷ lệ cổ tức từ 30-35%/năm				

Ghi chú: Công ty xây dựng kế hoạch trên cơ sở:

- Tình hình thủy văn dự báo tốt nhất (trung tự năm 2018).
- Công tác đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao dự kiến được triển khai trong 6 tháng cuối năm 2019 do Công ty mẹ là tổng thầu EPC.
- Tình hình lãi suất ngân hàng và tỷ giá ngoại tệ không biến động nhiều và kế hoạch tăng vốn điều lệ được thực hiện

2.2.2. Công tác đầu tư và kế hoạch vốn giai đoạn 2019-2024:

- Dự án thủy điện Xuân Khao: Trong năm 2019, Công ty sẽ phối hợp cùng UBND tỉnh và các Sở ngành để trình Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa chấp thuận chủ trương đầu tư và thành lập công ty thực hiện Dự án và dự kiến khởi công công trình vào quý IV/2019, hoàn thành công trình sau 02 năm thi công.
- Dự án thủy điện Cửa Đạt mở rộng: Ngay sau khi Dự án thủy điện Xuân Khao được phê duyệt chủ trương đầu tư, Công ty sẽ làm việc với các Bộ Ban ngành và UBND tỉnh Thanh Hóa để trình bổ sung quy hoạch Dự án. Dự kiến, trong năm 2021 sẽ hoàn thành các thủ tục đầu tư và triển khai thi công vào quý IV/2021 khi đủ điều kiện và tình hình tài chính cho phép.
- Dự án nước sạch sinh hoạt huyện Thường Xuân: Tham gia đầu thầu và dự kiến, cuối năm 2019 Công ty sẽ hoàn tất thủ tục đầu thầu quản lý Nhà máy nước sạch huyện Thường Xuân. Trong năm 2020 sẽ tiến hành nâng cấp, mở rộng nhà máy để đạt công suất 3000m³/ngày đêm.
- Dự án điện gió: Trong năm 2019 và 2020 sẽ hoàn tất các thủ tục đầu tư, thành lập công ty dự án điện gió giai đoạn 1 với công suất 30MW. (Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ) và triển khai thi công vào cuối năm 2020. Sau giai đoạn 1, khi tình hình tài chính thuận lợi, Công ty cổ phần Vinaconex P&C sẽ triển khai nghiên cứu đầu tư nhà máy điện gió giai đoạn 2 với công suất dự kiến 30MW và Vinaconex P&C chiếm 100% vốn điều lệ.

- Dự án bất động sản: Trong năm 2019-2020, Công ty sẽ thu xếp tài chính, hoàn tất các thủ tục nhận chuyển nhượng các dự án bất động sản. Dự kiến, trong năm 2021-2023 sẽ đầu tư xây dựng hoàn thành dự án này để Công ty chuyển về trụ sở mới khi hợp đồng thuê văn phòng tại tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ hết hạn.

Bảng kế hoạch đầu tư và kế hoạch vốn giai đoạn từ 2019 đến 2023:

TT	Dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư (Tỷ Đ)	Vốn điều lệ /Vốn tự có		Vốn góp của Vinaconex P&C		Nhu cầu vốn (Tỷ Đ)					Tổng cộng
				Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	2019	2020	2021	2022	2023	
1	Nhà máy Thủy điện Xuân Khao	7,5 MW	260	30%	78	51%	39,78	19,89	19,89				39,78
2	Nhà máy nước sạch	3.000 m3 /ngđ	50	30%	15	51%	7,65	7,65					7,65
3	Nhà máy Cửa Đạt mở rộng	18 MW	450	30%	135	51%	68,85				68,85		68,85
4	Nhà máy điện gió (GĐ1)	30 MW	1.350	30%	405	51%	206,55			103,28	103,28		206,55
5	Nhà máy điện gió (GĐ2)	30 MW	1.350	30%	405	100%	405,00					202,50	405,00
6	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, nhà ở		597	20%	119	100%	119,31	70,00		49,31			119,31
	Cộng		3.460		1.038		847,14	97,54	19,89	152,59	172,13	202,50	847,14

Đề xuất phương án tăng vốn điều lệ:

- Phương án 1:

+ Phát hành 10 triệu cổ phần và bán đấu giá cho cổ đông chiến lược trong năm 2019

Với mức giá hiện tại và kỳ vọng vào sự phát triển của Công ty, dự kiến số tiền thu được từ việc đấu giá 10 triệu cổ phần của Công ty sẽ từ 370-420 tỷ đồng. Số tiền thặng dư từ việc phát hành này (270 – 320 tỷ đồng) sẽ được sử dụng cho mục đích đầu tư phát triển của Công ty và sẽ được chuyển thành vốn điều lệ khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông (dự kiến 2022). Như vậy, số vốn điều lệ đến năm 2022 dự kiến là 940-990 tỷ đồng.

+ Năm 2023: cổ tức sẽ được trả 50% trả bằng tiền mặt và 50% giữ lại để tăng vốn cho Công ty. Như vậy, số vốn điều lệ tăng thêm 100 tỷ đồng.

Như vậy, vốn điều lệ đến năm 2023 dự kiến từ 1.040 – 1.090 tỷ đồng.

- Phương án 2: Cổ tức hàng năm từ 2019 – 2023 sẽ được trả 50% trả bằng tiền mặt và 50% giữ lại để tăng vốn cho Công ty. Như vậy, số vốn điều lệ đến 2023 dự kiến sẽ đạt 1020 tỷ đồng.

Ban điều hành đề xuất Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt Phương án 1 vì các lý do sau:

- Huy động vốn nhanh trong thời gian ngắn kịp thời phục vụ kế hoạch đầu tư của đơn vị so với phương án 2 phải mất 5 năm để đạt được kế hoạch tăng vốn như dự kiến.
- Do trên thị trường chứng khoán hiện tại, giá cổ phiếu của Công ty đang ở mức cao và có thể tăng thêm nên sẽ thu được thặng dư lớn.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban điều hành Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư nhiệm kỳ 2014 - 2019, đề xuất kế hoạch nhiệm kỳ 2019 - 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY CP VINACONEX P&C



PHẠM BẢO LONG

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX P&C**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex (Công ty Cổ phần Vinaconex P&C);
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2018.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinaconex P&C báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 kết quả hoạt động năm 2018, tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ 2019-2024 của Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2018

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
2. Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty tại các cuộc họp.
3. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
4. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
5. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
6. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.

7. Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2018, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.

8. Ban kiểm soát đóng góp cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo chức năng nhiệm vụ được quy định, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động của Công ty năm 2018:

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

Năm 2018, tình hình thủy văn diễn biến thuận lợi, lưu lượng nước về hồ Cửa Đạt tăng, cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT Công ty, sự cố gắng nỗ lực của BDH và CBCNV, công tác sản xuất kinh doanh năm 2018 đã đạt được những kết quả khả quan.

1.1. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018:

(Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018(Theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2018)	Thực hiện năm 2018(Theo BC kiểm toán năm 2018)	TH/ KH (%)
1	Doanh thu	500.152.856.000	590.594.047.013	118,08%
2	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.066.073.519	165,22%
3	Lợi nhuận sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	164,89%
4	Cổ tức	22%	35%	159,09%
5	Nộp Ngân sách Nhà nước	73.184.003.829	140.837.460.325	192,44%

Nhận xét:

Năm 2018, Công ty Cổ Phần Vinaconex P&C đã hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua, : Doanh thu vượt 18,08% kế hoạch năm; Lợi nhuận trước thuế vượt 65,22% kế hoạch năm; Cổ tức vượt 59,09% kế hoạch năm.

1.2. Tình hình vay và trả nợ vốn vay năm 2018:

- Vay ngắn hạn:

- + Số tiền vay NH, các tổ chức, cá nhân năm 2018 : 257.456.443.279 đồng.
- + Số tiền vay đã trả năm 2018 : 437.706.024.437 đồng.
- + Dư nợ vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả lũy kế đến 31/12/2018 : 257.680.010.700 đồng

- Vay dài hạn:

- + Ngân hàng TMCP Công thương VN : 66.354.938.125 đồng.
- + Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN CN Hà Nam: 1.495.000.000 đồng
- + Số dư nợ lũy kế đến 31/12/2018 : 67.849.938.125 đồng.

Công tác trả nợ trong năm 2018 thực hiện kịp thời đúng hạn, không để khoản nợ nào quá hạn. Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt, huy động mọi nguồn thu thực hiện trả nợ gốc & lãi vay...

1.3. Công nợ phải thu: Công nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2018 là 100.519.438.275 đồng:

- Đối với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng: 82.374.474.243 đồng (gồm tổng thầu xây lắp = 48.642.442.334 đồng, tiền bán điện 33.497.465.587 đồng): Công ty đã thu được 2 khoản công nợ này ngay đầu năm 2019 cho Công ty.
- Đối với khoản phải thu ngắn hạn khác: 41.594.130.032 đồng, trong đó khoản phải thu Ngân hàng phát triển Việt Nam về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư số tiền: 36.700.511.129 đồng. Khoản nợ này đã quá hạn 02 năm, năm 2019 công ty đã trích lập dự phòng là 23,8 tỷ đồng. Khoản này Công ty tiếp tục làm việc với Ngân hàng phát triển Việt Nam để thu hồi tăng lợi nhuận.

1.4. Các khoản chi phí: Các khoản chi phí trong năm 2018 phát sinh lớn.

- Do sản lượng điện và doanh thu vượt tăng trưởng lớn so với thực hiện năm 2017 và mức kế hoạch, dẫn đến phát sinh các chi phí tăng thêm như chi phí thủy lợi, phí môi trường rừng, thuế tài nguyên, chi phí nhân công. Tổng chi phí tài nguyên và phí bảo vệ môi trường năm 2018 là 67,740 tỷ đồng.

Chi phí nhân công và các khoản trích theo lương hiện đang trích theo quyết định của HĐQT với tỷ lệ tiền lương/doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh điện. Đề nghị năm tới Công ty thực hiện trích theo tỷ lệ với lợi nhuận để gắn kết lợi ích chung của CBCNV và cổ đông.

- Chi phí trích lập dự phòng tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư: 23,8 tỷ đồng do khoản nợ này là khoản phải thu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tiền hỗ trợ lãi suất đã quá nợ 2 năm.

1.5. Quan hệ cổ đông

- Công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2017 (tỷ lệ 22%) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 cho các cổ đông với tỷ lệ 15%, với tổng số tiền 85.499.989.500 đồng bắt đầu từ ngày 28/12/2018.
- Công ty đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, theo đúng quy định của UBCKNN đối với công ty đại chúng quy mô lớn.

2. Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Điều hành trong năm 2018

- Năm 2018, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp theo quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Trong các cuộc họp HĐQT, HĐQT đã thảo luận và đưa ra các quyết định quan trọng trong năm 2018 và một loạt các Nghị quyết, quyết định kịp thời, linh hoạt điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

➤ Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2018, HĐQT và Ban Điều hành, các cán bộ quản lý trong năm 2018 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2018, HĐQT cùng Ban Điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2019:

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn
- Soát xét Báo cáo tài chính theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia quản lý vốn góp, hiệu quả vốn góp vào các công ty con của Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện các Dự án đầu tư.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về chi trả cổ tức năm 2018.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2014-2018

I. Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Nhân sự tổ chức của Ban Kiểm soát

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên nhiệm kỳ 2014-2018 của Công ty đã thông qua là 4 nhân sự trong Ban kiểm soát:

- Bà Nguyễn Thị Kim Loan - Trưởng Ban
- Ông Vũ Văn Mạnh - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Thành viên
- Bà Nghiêm Quỳnh Chi - Thành viên

Các thành viên BKS có đầy đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn làm thành viên BKS được quy định tại Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều thực hiện công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ; đảm bảo trung thực, khách quan, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, Quy chế quản trị của Công ty.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao và các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty.

II. Kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014-2019:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Các Nghị quyết được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên trong nhiệm kỳ đã được thực hiện và triển khai đầy đủ.

1.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh các năm trong nhiệm kỳ 2014-2019:

(Theo báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C)

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

T T	Các chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
		NQ ĐHĐC Đ	Năm 2014	NQ ĐHĐC Đ	Năm 2015	NQ ĐHĐC Đ	Năm 2016	NQ ĐHĐC Đ	Năm 2017	NQ ĐHĐC Đ	Năm 2018
1	Tổng Doanh thu	294,8	355,8	330,4	326	322,7	257,4	369,8	429,2	500,2	590,4
2	LNTT	84,9	135,5	116,5	117,1	110,3	77,2	98,3	143,8	153,8	254,2
3	LNST	80,6	128,7	110,6	117,3	98,9	72,3	91,9	135,9	145,2	239,4
4	Cổ tức	19%	23%	23%	23%	18%	15%	18%	22%	22%	35%
5	Vốn điều lệ		380		455,9		455,9		455,9		569,9

Theo kết quả trên cho thấy, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh từ năm 2014-2018 đều có sự tăng trưởng các chỉ tiêu, chỉ có năm 2015, 2016 do ảnh hưởng của hiện tượng El Niño, nước về Hồ Cửa Đạt về thấp nhất trong lịch sử từ trước đến nay nên đã ảnh hưởng đến sản lượng phát điện của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành

cùng tập thể cán bộ công nhân viên, cùng với tình hình thời tiết thuận lợi, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định và tăng trưởng vượt bậc trong 2 năm cuối của nhiệm kỳ, hoàn thành vượt mức kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên đặt ra cả về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và giá trị cổ phiếu, tạo đà để phát triển bứt phá trong các năm tiếp theo.

1.2. Tái cấu trúc tài chính

➤ Công tác tăng vốn điều lệ:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 380 tỷ lên 455,995 tỷ đồng.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 ngày 26/12/2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 22/3/2018 thông qua, năm 2018 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 455,999 tỷ đồng lên 569,999 tỷ đồng (thực hiện phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho CBCNV theo chương trình ưu đãi cho CBCNV (ESOP)

➤ Tái cấu trúc tài chính đối với khoản vay vốn đầu tư dài hạn:

- Năm 2015 và năm 2016, tình hình tài chính của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế Việt Nam và khó khăn nội tại của doanh nghiệp như: tình hình thủy văn rất kém; tình trạng thiếu hụt dòng tiền kéo dài từ năm này sang năm khác làm ảnh hưởng lớn đến công tác thanh toán; chênh lệch thanh khoản lớn do việc trả nợ vay dài hạn đầu tư hàng năm thường cao gấp 2 lần nguồn khấu hao tài sản cố định,... nhưng hoạt động tài chính của Công ty vẫn đảm bảo được tính thanh khoản, thu xếp đủ vốn cho hoạt động đầu tư và kinh doanh, vay và trả nợ vay đúng hạn các khoản nợ vay dài, ngắn hạn, thu xếp dòng tiền trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ cổ tức cao.

- Trong năm 2016 Công ty đã hoàn thành việc tái cấu trúc tài chính đối với khoản vay vốn đầu tư dài hạn nhằm giãn kế hoạch trả nợ, giảm áp lực dòng tiền và tiết kiệm chi phí tài chính, bên cạnh đó Công ty tiếp tục làm việc với các đối tác để ổn định nguồn tiền nhằm duy trì hoạt động thông suốt về tài chính cho doanh nghiệp. Kết quả năm 2016 mặc dù áp lực dòng tiền rất lớn song Công ty vẫn duy trì được sự ổn định, các khoản nợ gốc và lãi được trả đúng hạn không để xảy ra quá hạn đồng thời Công ty đã tái cấu trúc thành công khoản nợ dài hạn giảm được lãi suất cho khoản nợ dài hạn ước tính khoảng trên 5 tỷ đồng cho năm đầu tiên.

1.3. Về hoạt động đầu tư

➤ Dự án thủy điện Bái Thượng:

- Công ty cũng đã thành lập Công ty CP thủy điện Bái Thượng trong đó Công ty cổ phần Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ với các thông số chính như sau:

- + Công suất : 6,0 MW.
- + Số tổ máy : 02 tổ
- + Điện lượng : 24.956x10⁶ kWh.
- + Tổng vốn đầu tư : 171,7 tỷ đồng.

- Nhà máy thủy điện Bái Thượng đã được hoàn thành sau 18 tháng triển khai thi công xây dựng và lắp đặt. Đến ngày 24/12/2016, tổ máy thứ 2 cũng được đưa

vào phát điện thương mại. Dự án đã đảm bảo và vượt các mục tiêu, tiến độ là 12 tháng, thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho đập thủy lợi Bái Thượng.

- Kết quả vận hành của Nhà máy trong năm 2017 và 2018:

+ Kết quả hoạt động năm 2017: đạt 17,688 triệu Kwh, doanh thu đạt 18,087 tỷ đồng bằng, Lợi nhuận sau thuế đạt 1,982 tỷ đồng.

Kết quả hoạt động năm 2018 đạt 27,570 triệu Kwh, vượt thiết kế 110,72%, doanh thu đạt 31,350 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 5,064 tỷ đồng. Đưa về khoản thu nhập cho Công ty mẹ là 8% giá trị vốn góp.

➤ **Dự án Thủy điện Xuân Minh:**

- Công ty đã thành lập Công ty CP Thủy điện Xuân Minh làm chủ đầu tư trong đó Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ và trực tiếp làm Tổng thầu phần xây lắp với các thông số chính như sau:

- + Công suất : 15 MW.
- + Số tổ máy : 02 tổ.
- + Điện lượng : 66.1x10⁶ kWh.
- + Tổng vốn đầu tư : 517.647 tỷ đồng.
- + Vốn điều lệ : 150 tỷ đồng.

- Dự án Thủy điện Xuân Minh được khởi công xây dựng ngày 08/9/2016 và ngày 07/10/2018 phát điện thương mại tổ máy thứ 2, vượt 6 tháng so với kế hoạch đề ra. Kết quả hoạt động 2018: Hai tổ máy vận hành ổn định. Sản lượng phát điện quý 4/2018 (từ 29/09/2018 đến 31/12/2018) đạt 12,768 triệu Kwh, doanh thu đạt 16,533 tỷ đồng. Hiện tại đang tiến hành kiểm toán quyết toán Dự án hoàn thành

➤ **Dự án Thủy điện Xuân Khao:**

- Dự án có công suất 7,5MW, tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 260 tỷ đồng.
- Công ty đã tích cực phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để triển khai các thủ tục đầu tư của dự án hiện đang hoàn chỉnh công tác chuẩn bị đầu tư để sớm đưa Dự án vào triển khai đầu tư, xây dựng.

➤ **Dự án Thủy điện Cửa Đạt mở rộng:**

- Công ty CP Vinaconex P&C đã và đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để nghiên cứu lập Hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Cửa Đạt mở rộng với công suất khoảng 18MW.

➤ **Các dự án năng lượng tái tạo:**

Hiện Công ty đang nghiên cứu Dự án điện gió với công suất giai đoạn 1: 30MW với sản lượng điện dự kiến: 90.000.000 Kwh.

- Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1.350.000.000.000 đồng.

➤ **Các dự án khác:**

➤ **Dự án Nhà máy nước sạch sinh hoạt đang tiến hành nghiên cứu đầu tư.**

✚ **Dự án Khu dân cư tại MBQH số 05, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.**

- Đã hoàn thành mục tiêu: Xây dựng khu nhà ở gồm 60 lô để bán cho CBCNV Công ty và người dân có nhu cầu trên địa bàn huyện Thường Xuân với đầy đủ thủ tục pháp lý và thu được lợi nhuận cao.

✚ **Dự án văn phòng, khu dân cư:**

Công ty đang nghiên cứu một khu đất để xây dựng văn phòng làm việc của Công ty tại Hà Nội và có thể kết hợp xây nhà để bán cho CBCNV và khách hàng có nhu cầu.

Nhận xét: Công tác đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy trình, quy định của pháp luật, việc quản lý giám sát công tác đầu tư tại các công ty con được thực hiện chặt chẽ thông qua hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con. Công tác triển khai thực hiện đầu tư các dự án trong năm 2014-2018 đáp ứng chất lượng và vượt tiến độ đề ra thể hiện năng lực cốt lõi của công ty.

1.4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

Công ty đã chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và hạch toán đúng quy định hiện hành.

1.5. Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính:

Theo Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát cùng với Hội đồng quản trị đã chọn công ty kiểm toán độc lập dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí. Theo đó, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là công ty kiểm toán có uy tín đã được chọn làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty qua các năm từ năm 2014 đến năm 2018.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Nhân sự kiện toàn:

Nhiệm kỳ 2014-2019, công tác nhân sự kiện toàn: Ông Nguyễn Thành Phương - Nguyên Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty VINACONEX, nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty nghi chế độ từ 01/7/2015; Ông Vương Hoàng Minh - Bí thư đảng ủy, Giám đốc Công ty được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT; Ông Phạm Bảo Long - Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được HĐQT bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Công ty và được ĐHĐCĐ bất thường ngày 21/7/2015 bầu bổ sung vào HĐQT.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT cũng bổ nhiệm một số chức danh quản lý cấp cao của Công ty cụ thể: năm 2015 bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty, năm 2016 bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác sản xuất và năm 2018 bổ nhiệm 01 Phó TGD phụ trách công tác đầu tư. Ngoài ra, cả giai đoạn 2014-2018 Công ty đã thực hiện bổ nhiệm một số chức danh Giám đốc Ban, Phó giám đốc Ban chuyên môn đáp ứng nhu cầu công việc.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ và quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng quản trị. HĐQT cũng đã thông qua nhiều quyết định theo hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều được ghi biên bản.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT, đáp ứng công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành đã tháo gỡ, xử lý các vấn đề

giúp Công ty vượt qua khó khăn, phát triển tốt những năm cuối nhiệm kỳ, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.

Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế.

3. Kết quả Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ năm 2014-2018:

Báo cáo tài chính kiểm toán đã trình bày trung thực và hợp lý, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định hiện hành của pháp luật.

4. Công tác hạch toán:

Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với UBCK Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

5. Niêm yết giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom:

- Ngày 8/12/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 816/QĐ - SGDHN về việc chấp thuận Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ngày 16/12/2016 là ngày Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex thực hiện giao dịch đầu tiên trên thị trường Upcom, mã chứng khoán VCP, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 17.000 đồng/CP. Hiện tại, giá cổ phiếu đang giao dịch trong khoản 35.000 đồng/CP – 37.000 đồng/CP.

6. Công tác chăm lo đời sống người lao động

Tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc cho CBCNV, đặc biệt là CBCNV làm việc tại các công trường, nhà máy. Khu quản lý điều hành đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, hoạt động thể thao phục vụ đời sống của CBCNV ở mức chất lượng cao. Công ty duy trì chế độ trả lương cho CBCNV đảm bảo đúng hạn; Thu nhập bình quân người lao động toàn công ty giai đoạn 2014-2018 tăng trung bình 10-15% mỗi năm. Tất cả CBCNV được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo các chế độ phúc lợi cho người lao động. Công ty thực hiện mua gói bảo hiểm nhân thọ + bảo hiểm sức khỏe cho cán bộ công nhân viên công ty, đảm bảo điều kiện bảo vệ tốt nhất cho CBCNV.

III. Về tồn tại, hạn chế

- Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là thủy điện phụ thuộc nhiều vào thời tiết trong khi ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch và điều hành sản xuất của Công ty.
- Hoạt động tìm kiếm và mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở rộng thị trường còn gặp khó khăn và chưa có dự án lớn đang xây dựng hoặc chuyển tiếp. Ngoài ra, ở một số thời điểm nhất định, Công ty có nguồn tiền nhàn rỗi nhưng việc sử dụng để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế do chưa tìm được lĩnh vực kinh doanh ngắn hạn, thu hồi vốn nhanh.

IV. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024:

- Thực hiện đúng và đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát, kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế quản trị của Công ty.
- Duy trì chế độ họp định kỳ, làm việc và thông tin thường xuyên trong Ban kiểm soát.
- Phát huy hơn nữa việc phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra những ý kiến đề xuất cho HĐQT, Ban điều hành Công ty trong tất cả các hoạt động

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dầu tư xây dựng & Phát triển năng lượng Vinaconex năm 2018; Báo cáo nhiệm kỳ 2014-2019, phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2024, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Ban Kiểm soát trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của Quý cổ đông, HĐQT và Ban điều hành Công ty trong nhiệm kỳ vừa qua. Các thành viên Ban Kiểm soát xin được từ nhiệm khi có Ban Kiểm soát mới được bầu.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VP Cty+ BKS



TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Đầu tư XD & PTNL Vinaconex.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VINACONEX P&C ngày 13 tháng 06 năm 2007 và được sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 10 năm 2018;
- Căn cứ kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2019, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty. (Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C tại Hà Nội là đơn vị đã thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2018).

Ban Kiểm soát đã nhận được báo giá (chưa bao gồm VAT) của các công ty kiểm toán như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán VACO: 120.000.000 đồng
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: 90.000.000 đồng
3. Công ty TNHH Kiểm toán TTP: 110.000.000 đồng

Ban Kiểm soát và Ban điều hành Công ty nhận thấy Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) là Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã từng là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính trong thời kỳ xây dựng Dự án Thủy điện Cửa Đạt và thực hiện Báo cáo kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án Thủy điện Cửa Đạt.

Ban Kiểm soát đề nghị lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Đầu tư Xây dựng & Phát triển năng lượng Vinaconex.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- HĐQT, BKS ;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Kim Loan

TỜ TRÌNH

Về việc: Phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2018.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VINACONEX P&C ngày 13 tháng 06 năm 2007 và được sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 10 năm 2018;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2018; Nghị quyết và Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22/03/2018 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C;
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện kiểm toán;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần VINACONEX P&C xin báo cáo và kính trình Quý vị cổ đông xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2018 của Công ty như sau:

1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là: **239.494.589.953 đồng.**

+ Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2018 theo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 22/3/2018 là: **1.275.000.000 đồng.**

+ Đã chi thường cho các tổ chức, cá nhân Quản lý điều hành hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/03/2018 số tiền là: **16.671.095.000 đồng.**

Số vượt kế hoạch năm 2018 là: 239.494.589.953 đồng – 145.245.685.546 đồng = 94.248.904.407 đồng (vượt 64,89%)

a) Mức vượt $\leq 15\%$: $21.786.852.831 * 10\% = 2.178.685.000$ đồng

b) Mức vượt $> 15\%$: $72.462.051.576 * 20\% = 14.492.410.000$ đồng

Cộng:

16.671.095.000 đồng

- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức và phân phối các quỹ: **221.548.494.953 đồng.**
Công ty đề xuất:

+ Chia cổ tức năm 2018 là 35% tương đương với **3.500 đồng/CP** (35% vốn ĐL 569,99993 tỷ đồng), tổng số: **199.499.975.500 đồng** (Chiếm 90% lợi nhuận còn lại để chia cổ tức và phân phối các quỹ), trong đó số đã tạm ứng là 15%, tương đương số tiền **85.499.989.500 đồng**, số còn lại 20% tương đương số tiền: **113.999.986.000 đồng,**

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **7.184.838.000 đồng** bằng 3% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018.

+ Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: **14.863.681.453 đồng**

2. Đề xuất khen thưởng khi thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Để khích lệ trách nhiệm và tinh thần làm việc, đồng thời thực hiện triệt để việc tiết kiệm chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt khen thưởng khi hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các mức sau:

- Từ mức giá trị hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tới mức vượt $\leq 15\%$ thì được thưởng 10% trên số vượt đó.
- Từ mức giá trị hoàn thành vượt 15% trở lên thì được thưởng 20% trên số vượt đó.

Công ty Cổ phần Vinaconex P&C kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH



VƯƠNG HOÀNG MINH

Số: 10 /2019/TTr-HĐQTHà Nội, ngày 1 tháng 03 năm 2019.**TỜ TRÌNH****V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát Công ty năm 2019.****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VINACONEX P&C ngày 16 tháng 09 năm 2011 và được sửa đổi, bổ sung ngày 08 tháng 11 năm 2018;
- Căn cứ quyết định số 26/2018/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc sửa đổi một số điều tại quy chế tiền lương, tiền thưởng của CBCNV Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết của HĐQT phiên họp thứ 23, nhiệm kỳ 2014-2019 ngày 14/01/2019.
- Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần VINACONEX P&C Báo cáo thực hiện chi thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2018, Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2019 như sau:

1. Báo cáo thực hiện chi thù lao HĐQT, BKS năm 2018.

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Số thành viên	Đã thực hiện chi trả năm 2018		Cộng
			Chi phí hoạt động	Lợi nhuận sau thuế	
1	Hội đồng quản trị	07	420.000.000	855.000.000	1.275.000.000
2	Ban Kiểm soát	04	120.000.000	420.000.000	540.000.000
	Cộng	11	540.000.000	1.275.000.000	1.815.000.000

2. Đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2019.

STT	Nội dung	Số thành viên	Cộng
1	Hội đồng quản trị	07	1.320.000.000
2	Ban Kiểm soát	05	660.000.000
	Cộng	12	1.980.000.000

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VINACONEX P&C kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



VƯƠNG HOÀNG MINH

Số: 11 /2019/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 1 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công ty
cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP đầu tư XD và PT năng lượng Vinaconex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 do Quốc hội khóa 12 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex được các cổ đông thông qua ngày 16/09/2011 và được sửa đổi bổ sung lần thứ năm ngày 08/11/2018;

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/6/2017: Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex (Có Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ đính kèm).

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế quản trị nội bộ cũng đã được Công ty công bố tại website theo địa chỉ: www.vinaconexpc.com.vn.

Các quy định của Quy chế quản trị nội bộ của Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung bản Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.



TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công ty
cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP đầu tư XD và PT năng lượng Vinaconex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 do Quốc hội khóa 12 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex được các cổ đông thông qua ngày 16/09/2011 và được sửa đổi bổ sung lần thứ năm ngày 08/11/2018;

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/6/2017: Hội đồng quản trị công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng bản Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex (Có Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ đính kèm).

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế quản trị nội bộ cũng đã được Công ty công bố tại website theo địa chỉ: www.vinaconexpc.com.vn.

Các quy định của Quy chế quản trị nội bộ của Công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung bản Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.



1987-1988

1987-1988, 1989-1990, 1991-1992

1993-1994, 1995-1996, 1997-1998, 1999-2000

2001-2002, 2003-2004, 2005-2006, 2007-2008, 2009-2010, 2011-2012

2013-2014, 2015-2016, 2017-2018, 2019-2020, 2021-2022

2023-2024, 2025-2026, 2027-2028, 2029-2030, 2031-2032

2033-2034, 2035-2036, 2037-2038, 2039-2040, 2041-2042

2043-2044, 2045-2046, 2047-2048, 2049-2050, 2051-2052

2053-2054, 2055-2056, 2057-2058, 2059-2060, 2061-2062

2063-2064, 2065-2066, 2067-2068, 2069-2070, 2071-2072

2073-2074, 2075-2076, 2077-2078, 2079-2080, 2081-2082

2083-2084, 2085-2086, 2087-2088, 2089-2090, 2091-2092

2093-2094, 2095-2096, 2097-2098, 2099-2100, 2101-2102

2103-2104, 2105-2106, 2107-2108, 2109-2110, 2111-2112

2113-2114, 2115-2116, 2117-2118, 2119-2120, 2121-2122

2123-2124, 2125-2126, 2127-2128, 2129-2130, 2131-2132

2133-2134, 2135-2136, 2137-2138, 2139-2140, 2141-2142

2143-2144, 2145-2146, 2147-2148, 2149-2150, 2151-2152

2153-2154, 2155-2156, 2157-2158, 2159-2160, 2161-2162

2163-2164, 2165-2166, 2167-2168, 2169-2170, 2171-2172

2173-2174, 2175-2176, 2177-2178, 2179-2180, 2181-2182

2183-2184, 2185-2186, 2187-2188, 2189-2190, 2191-2192

2193-2194, 2195-2196, 2197-2198, 2199-2200, 2201-2202

2203-2204, 2205-2206, 2207-2208, 2209-2210, 2211-2212

2213-2214, 2215-2216, 2217-2218, 2219-2220, 2221-2222

2223-2224, 2225-2226, 2227-2228, 2229-2230, 2231-2232

2233-2234, 2235-2236, 2237-2238, 2239-2240, 2241-2242

2243-2244, 2245-2246, 2247-2248, 2249-2250, 2251-2252

2253-2254, 2255-2256, 2257-2258, 2259-2260, 2261-2262

2263-2264, 2265-2266, 2267-2268, 2269-2270, 2271-2272

2273-2274, 2275-2276, 2277-2278, 2279-2280, 2281-2282

2283-2284, 2285-2286, 2287-2288, 2289-2290, 2291-2292

2293-2294, 2295-2296, 2297-2298, 2299-2300, 2301-2302

2303-2304, 2305-2306, 2307-2308, 2309-2310, 2311-2312

2313-2314, 2315-2316, 2317-2318, 2319-2320, 2321-2322

2323-2324, 2325-2326, 2327-2328, 2329-2330, 2331-2332

2333-2334, 2335-2336, 2337-2338, 2339-2340, 2341-2342

2343-2344, 2345-2346, 2347-2348, 2349-2350, 2351-2352

2353-2354, 2355-2356, 2357-2358, 2359-2360, 2361-2362

2363-2364, 2365-2366, 2367-2368, 2369-2370, 2371-2372

2373-2374, 2375-2376, 2377-2378, 2379-2380, 2381-2382

2383-2384, 2385-2386, 2387-2388, 2389-2390, 2391-2392

2393-2394, 2395-2396, 2397-2398, 2399-2400, 2401-2402

2403-2404, 2405-2406, 2407-2408, 2409-2410, 2411-2412

2413-2414, 2415-2416, 2417-2418, 2419-2420, 2421-2422

2423-2424, 2425-2426, 2427-2428, 2429-2430, 2431-2432

2433-2434, 2435-2436, 2437-2438, 2439-2440, 2441-2442

(DỰ THẢO)

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

THÁNG 3 NĂM 2019

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Cơ sở pháp lý	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	4
Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	5
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	6
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	7
Điều 9. Cách thức phân đối quyết định của ĐHĐCĐ	7
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	7
Điều 11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ	8
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	10
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên của HĐQT	11
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT	11
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	11
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	12
Điều 19. Thông báo họp HĐQT	13
Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	13
Điều 21. Cách thức biểu quyết	13
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	14
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT	14
Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT	14
IV. BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	14
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	14
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	15
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	15
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	15
V. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 30. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị	16
Điều 31. Tiểu ban chính sách phát triển	16
Điều 32. Tiểu ban nhân sự	17
Điều 33. Tiểu ban lương thưởng	17
Điều 34. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	18

VI. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	20
Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	20
Điều 36. Tổng giám đốc	21
Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	22
Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	22
Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	22
VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	22
Điều 40: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành	22
Điều 41: Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát	22
Điều 42. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc điều hành	22
Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị	23
Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.	24
Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành	24
Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	24
Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	25
VIII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	28
Điều 48. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác	28
Điều 49. Khen thưởng	28
Điều 50. Kỷ luật	29
IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
Điều 51. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị Công ty	29
Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty	29
Điều 53. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 54. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	30
Điều 55. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty	30
X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	30
Điều 56. Trách nhiệm cản trở	30
Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	30
Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	32
Điều 59. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty	32
XII. NGÀY HIỆU LỰC	32
Điều 60. Ngày hiệu lực	32

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày/....../2019 của ĐHĐCĐ)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cơ sở pháp lý

Quy chế này được xây dựng theo Quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và hướng dẫn của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC về quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

2.1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) **"Luật Doanh nghiệp"** có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- b) **"Luật Chứng khoán"** có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- c) **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (18/05/2004).
- d) **"Người quản lý doanh nghiệp"**: là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- e) **"Người điều hành doanh nghiệp"** là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- f) **"Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành"**: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- g) **"Thành viên độc lập Hội đồng quản trị"** là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- h) **"Người phụ trách quản trị Công ty"** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị áp dụng đối với Công ty đại chúng;

- i) "**Cán bộ quản lý**" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - j) "**Cổ đông lớn**" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;
 - k) "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - l) "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - m) "**Công ty**" là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex.
 - n) "**Vinaconex P&C**" là tên viết tắt của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex;
 - o) "**ĐHĐCĐ**" là viết tắt của "Đại hội đồng cổ đông";
 - p) "**HDQT**" là viết tắt của "Hội đồng quản trị";
 - q) "**BKS**" là viết tắt của "Ban Kiểm soát".
- 2.2 Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 2.3 Các tiêu đề (*chương, điều của Quy chế này*) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này;
- 2.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

- 3.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3.2 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông. Thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.vinaconexpc.com.vn/> tối thiểu 15 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

- 5.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 5.2. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 5.3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 5.4. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

- 6.1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- 6.2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 7.1. Trừ trường hợp quy định tại Điều 7.2 và Điều 7.3 dưới đây, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- 7.2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
- 7.3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 7.4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

- 9.1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- 9.2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 8.1 với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

- 10.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 10.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 10.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 10.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi được công bố trang thông tin điện tử của Công ty.
- 10.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 12.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

- 12.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 3.2 Quy chế này.
- 12.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp Công ty;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 12.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 12.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 12.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 12.7. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 12.8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 12.9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ những nội dung quy định tại Điều 7.3 của Quy chế này được trình ĐHĐCĐ thông qua bằng văn bản phải được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết chấp thuận.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp năm 2014;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

- d) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên của HĐQT

- 14.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- 14.2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- 16.1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- 16.2. Có đơn từ chức gửi Công ty;
- 16.3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- 16.4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- 16.5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 16.6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- 16.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- 18.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- 18.2. Trình độ học vấn;
- 18.3. Trình độ chuyên môn;
- 18.4. Quá trình công tác;
- 18.5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- 18.6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- 18.7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- 18.8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- 18.9. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

- 19.1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- 19.2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

- 20.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 20.2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

- 21.1. Trừ quy định tại Điều 21.2 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 20 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- 21.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- 21.3. Theo quy định tại Điều 21.4 Quy chế này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- 21.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a) và điểm b) Điều 57.5 Quy chế này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

- 21.5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

- 22.1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 22.2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

- 23.1. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.
- 23.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau, trong trường hợp có sự khác biệt thì ưu tiên sử dụng bản Tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- 25.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 25.2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

- 26.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40%

đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

- 26.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế Công ty quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

- 28.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- 28.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

V. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

- 30.1. Để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc thực theo quy định Điều 30 Điều lệ công ty.
- 30.2. Hội đồng quản trị công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị như tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 30.3. Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
- 30.4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên HĐQT được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 31. Tiểu ban chính sách phát triển

- 31.1. Cơ cấu của tiểu ban chính sách phát triển: Tiểu ban Chính sách phát triển Công ty gồm ba (03) thành viên, Trưởng tiểu ban do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tiểu ban Chính sách phát triển có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Trưởng tiểu ban quyết định.
- 31.2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban chính sách phát triển, trưởng tiểu ban:
 - a) Trưởng tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c) Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
 - d) Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của công ty;
 - e) Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc các ngành có liên quan;
 - f) Có kinh nghiệm làm việc 02 năm tại vị trí giám đốc kinh doanh hoặc vị trí tương đương;
- 31.3. Quy định về việc thành lập tiểu ban chính sách phát triển: Việc thành lập tiểu ban chính sách phát triển phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 31.4. Trách nhiệm của tiểu ban chính sách phát triển và từng thành viên:
 - a) Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b) Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

- d) Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;
- e) Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 32: Tiểu ban nhân sự

- 32.1. Cơ cấu của tiểu ban nhân sự: Tiểu ban nhân sự Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị) do Trưởng tiểu ban quyết định.
- 32.2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban nhân sự, trưởng tiểu ban:
- a) Trưởng tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
 - b) Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c) Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật như luật Lao động, luật Thuế Thu nhập cá nhân, luật Bảo hiểm y tế, luật Bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan;
 - d) Các thành viên của tiểu ban phải có trình độ chuyên môn về nhân sự, hiểu biết về đặc điểm nhân sự của công ty;
- 32.3. Quy định về việc thành lập tiểu ban nhân sự: Việc thành lập tiểu ban nhân sự phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
- 32.4. Trách nhiệm của tiểu ban nhân sự và từng thành viên:
- a) Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty;
 - b) Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô, cơ cấu Hội đồng quản trị, những người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty;
 - c) Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d) Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - e) Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 33. Tiểu ban lương thưởng

- 33.1. Cơ cấu của tiểu ban lương thưởng: Tiểu ban lương thưởng Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là Trưởng Ban.

Tiểu ban lương thưởng có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định.

33.2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban lương thưởng:

- a) Trưởng tiểu ban phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;
- b) Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- c) Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
- d) Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về tình hình tài chính của công ty;

33.3. Quy định về việc thành lập tiểu ban lương thưởng: Việc thành lập các tiểu ban lương thưởng phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

33.4. Trách nhiệm của tiểu ban lương thưởng và từng thành viên:

- a) Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;
- b) Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, những người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến việc lương thưởng của các thành viên này;
- c) Tham mưu cho Hội đồng quản trị các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;
- d) Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban lương thưởng do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 34. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

34.1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị là Trưởng Ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Trưởng tiểu ban quyết định.

34.2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- a) Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;
- b) Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ (Ưu tiên người có chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên);
- c) Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
- d) Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
- e) Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán,

lượt hoặc có chứng chỉ về kiểm toán nội bộ do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kiểm toán nội bộ cấp (Ưu tiên người có chứng chỉ hành nghề kế toán hoặc chứng chỉ kiểm toán viên);

- f) Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm công tác;
- g) Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên Hội đồng quản trị;

34.3. Quyền và trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ

- a) Quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - i. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược;
 - ii. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
 - iii. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
 - iv. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
 - v. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo phòng, ban, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
 - vi. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/phòng, ban được kiểm toán;
 - vii. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - viii. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - ix. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.
- b) Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - i. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;
 - ii. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - iii. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận trong Công ty;
 - iv. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

34.4. Nhiệm vụ của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- a) Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại Công ty trình cấp quản lý trực tiếp xem xét, phê duyệt;
- b) Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;

- c) Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- d) Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- e) Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- f) Lập báo cáo kiểm toán;
- g) Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
- h) Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của Công ty;
- i) Tư vấn cho Công ty trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;
- j) Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;
- k) Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;
- l) Thực hiện các nhiệm vụ khác Hội đồng quản trị giao hoặc theo quy định của pháp luật.

34.5. Cuộc họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ

Tiểu ban kiểm toán nội bộ phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên. Biên bản họp tiểu ban kiểm toán nội bộ được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên.

VI. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

- 35.1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
- 35.2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 36. Tổng giám đốc

- 36.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- 36.2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 36.3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
- 36.4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
- 36.5. Hội đồng quản trị Công ty có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 37. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Công ty ký Hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

VII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 19 đến Điều 24 Quy chế này.

Điều 41: Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc điều hành

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc điều hành) sau khi được ban hành phải được

gửi đến cho Tổng Giám đốc điều hành cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

43.1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

- a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc chưa có giải pháp khắc phục hậu quả;
- b) Tổng Giám đốc điều hành có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định không được thực thi;
 - Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

43.2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- a) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- d) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e) Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f) Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng

- năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 44. Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- 44.1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 44.2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- 44.3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
- 44.4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
- 44.5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
- 44.6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc điều hành.

Điều 46. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

- 46.1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:
 - a) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b) Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để Hội đồng quản trị thông qua;
 - c) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo

hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;

- d) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- e) Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Vinaconex P&C nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
- f) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

46.2 Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

- a) Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
- b) Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 47. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

47.1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

- a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý

Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e) Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Vinaconex P&C nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
- f) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
- g) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

47.2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

- a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
- b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc điều hành để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc điều hành trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc điều hành trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- d) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc điều hành tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

- e) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc điều hành trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- 47.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc điều hành và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a) Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
 - b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc điều hành gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - d) Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e) Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Vinaconex P&C nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Quy chế này phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị.

VIII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 48. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

- 48.1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.
- 48.2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
- 48.3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.
- 48.4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
- 48.5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 49. Khen thưởng

- 49.1. Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 48 của Quy chế này.
- 49.2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.
- 49.3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 49.4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 49.5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Kỷ luật

- 50.1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- 50.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu về sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
- 50.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

IX. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- 51.1. Có hiểu biết về pháp luật;
- 51.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- 51.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị Công ty

- 52.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- 52.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 52.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 52.4. Tham dự các cuộc họp;
- 52.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 52.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- 52.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- 52.8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 52.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 53. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Trong trường hợp Công ty trở thành Công ty niêm yết hoặc xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 54. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 55. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty

Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định về pháp luật chứng khoán.

X. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 56. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 57.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- 57.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 57.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- 57.4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong

cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

57.5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
- b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 58.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 58.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty

với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

- 58.3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 58.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 59. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- 59.1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.
- 59.2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.

XII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

- 60.1. Quy chế này gồm 12 chương, 60 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày .../03/2019.
- 60.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 60.3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ Tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TỜ TRÌNH

**V/v: Đề nghị thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP đầu tư XD và PT năng lượng Vinaconex

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 do Quốc hội khóa 12 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex được các cổ đông thông qua ngày 16/09/2011 và được sửa đổi bổ sung lần thứ năm ngày 08/11/2018;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty với nội dung chính như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

- Theo khoản 1 điều 144 Luật doanh nghiệp quy định: việc thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành. Tuy nhiên, để tận dụng cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh, kịp thời thực hiện các thủ tục đầu tư các dự án phù hợp với năng lực, sở trường của Công ty, tháng 10/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã chủ động thực hiện thủ tục bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau: (có Bảng danh mục ngành nghề kinh doanh bổ sung đính kèm)
- Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh trên của Công ty, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo những nội dung thay đổi trên, cụ thể là Điều 3: ngành nghề kinh doanh.

2. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (có bản dự thảo Điều lệ sửa đổi đính kèm)

- Mục đích của việc sửa đổi Điều lệ: Đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ, Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Những nội dung chính được đề nghị sửa đổi: được trình bày trong bảng so sánh những thay đổi, bổ sung và chi tiết trong Dự thảo Điều lệ sửa đổi so với Điều lệ hiện hành (có Bảng so sánh đính kèm).

Kính đề nghị các quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT, Tài liệu ĐHĐCĐ.



T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Vương Hoàng Minh

DANH MỤC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số /2019/TTr-HĐQT ngày tháng năm 2019 của

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex)

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động	8299
2	Đào tạo sơ cấp	8531
3	Đào tạo trung cấp	8532
4	Đào tạo cao đẳng	8533
5	Giáo dục nhà trẻ	8511
6	Giáo dục mẫu giáo	8512
7	Giáo dục tiểu học	8521
8	Giáo dục trung học cơ sở	8522
9	Giáo dục trung học phổ thông	8523
10	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học	8560
11	Đào tạo đại học	8541
12	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện nguyên tử, điện mặt trời, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác	4299
14	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
15	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.	4620
16	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các	7020

STT	Tên ngành	Mã ngành
	khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.	
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	1104
19	Tái chế phế liệu	3830
20	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
21	Thu gom rác thải không độc hại	3811
22	Thu gom rác thải độc hại	3812
23	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
24	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822

**CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
(VINACONEX P&C)**

(Được sửa đổi, bổ sung lần thứ 6)

Hà Nội, tháng 3 năm 2019

1870-1871

1871-1872

1872-1873

1873-1874

1874-1875

1875-1876

1876-1877

1877-1878

1878-1879

1879-1880

1880-1881

1881-1882

1882-1883

1883-1884

1884-1885

1885-1886

1886-1887

1887-1888

1888-1889

1889-1890

1890-1891

1891-1892

1892-1893

1893-1894

1894-1895

1895-1896

1896-1897

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
1. Tên Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	26

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	29
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	31
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	32
Điều 36. Kiểm soát viên	33
Điều 37. Ban kiểm soát	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	34
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng	34
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	36
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	37
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 45. Năm tài chính	37
Điều 46. Chế độ kế toán	38
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
Điều 48. Báo cáo thường niên	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	38
Điều 49. Kiểm toán	38
XVII. CON DẤU	39
Điều 50. Con dấu	39
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	39
Điều 51. Chấm dứt hoạt động	39
Điều 52. Gia hạn hoạt động	39
Điều 53. Thanh lý	39

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 55. Điều lệ công ty.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	41
Điều 56. Ngày hiệu lực.....	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 16 tháng 03 năm 2019

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. "Công ty" là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**
- Tên tiếng Anh: **VINACONEX POWER DEVELOPMENT AND CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VINACONEX P&C., JSC**
- Mã chứng khoán: **VCP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 046 269 9988

- Fax: 046 269 9977

- E-mail: info@vinaconexpc.com.vn

- Website: http://www.vinaconexpc.com.vn/

Chi nhánh Công ty tại Thanh Hóa:

- Tên chi nhánh: Nhà máy thủy điện Cửa Đạt - Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex tại Thanh Hóa

- Địa chỉ: Nhà điều hành các công trình Thủy điện, Thôn Trung Chính, Xã Xuân Cẩm, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

- Mã số chi nhánh: 2800799804-001

Chi nhánh Công ty tại Phú Yên:

- Tên chi nhánh: Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex Phú yên

- Địa chỉ: Số 02 Lê Duẩn, Phường 6, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

- Mã số chi nhánh: 2800799804-002

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành
1.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt - Chi tiết: Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram
2.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm - Chi tiết: Khai thác quặng kim loại quý hiếm
3.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét - Chi tiết: Khai thác đất, đá, cát sỏi, đất sét;

STT	Tên ngành
4.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (không bao gồm xuất khẩu vàng nguyên liệu);
5.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng - Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
6.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
7.	Sửa chữa thiết bị khác - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị
8.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác - Chi tiết: Tư vấn xây lắp các công trình điện
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác - Chi tiết: Đào tạo vận hành nhà máy thủy điện; Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy thủy điện;
10.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy - Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng xe máy
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: Kinh doanh thiết bị xây dựng
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
13.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê
14.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án; Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)
15.	Cho thuê xe có động cơ - Chi tiết: Dịch vụ cho thuê xe máy
16.	Điều hành tua du lịch
17.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
18.	Sản xuất điện - Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
19.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch - Chi tiết: Kinh doanh du lịch
20.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển

STT	Tên ngành
	- Chi tiết: Dịch vụ cho thuê thiết bị
21.	Xây dựng nhà để ở
22.	Xây dựng nhà không để ở
23.	Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động
24.	Đào tạo sơ cấp
25.	Đào tạo trung cấp
26.	Đào tạo cao đẳng
27.	Giáo dục nhà trẻ
28.	Giáo dục mẫu giáo
29.	Giáo dục tiểu học
30.	Giáo dục trung học cơ sở
31.	Giáo dục trung học phổ thông
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Tư vấn du học
33.	Đào tạo đại học
34.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
35.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, điện gió, điện nguyên tử, điện mặt trời, đường dây và trạm biến thế đến 500KV, các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác
36.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
38.	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

STT	Tên ngành
	Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự
40.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
41.	Tái chế phế liệu
42.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
43.	Thu gom rác thải không độc hại
44.	Thu gom rác thải độc hại
45.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
46.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp lớn mạnh trong lĩnh vực đầu tư và phát triển năng lượng, xây dựng và kinh doanh bất động sản.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 569.999.930.000 VND (Năm trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 56.999.993 (Năm mươi sáu triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi ba) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của ngân hàng thương mại) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 24 và Điều 35 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 13;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- n. Việc Tổng công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị
- o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sổ giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

7. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu

bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11

Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

- a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc).
- c. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 29 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 39, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 29, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Trong trường hợp Công ty trở thành Công ty niêm yết hoặc xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình

để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám

đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi

ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa

chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội

đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của

pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM BẢO LONG

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	15.971.760	28,02
2	Tổng Công ty Sông Đà	Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	4.032.972	7,08
3	Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km10 quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Tp Hà Nội	62.590	0,11
4	Tổng công ty Xây dựng thủy lợi 4 - CTCP	205 Nguyễn Xí, phường 26, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	1.732.800	3,04

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX**

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 1. a Điều 1 "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	Khoản 1.a, Điều 1 "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này	Quy định tại Khoản 29 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
2	Khoản 1.d Điều 1 "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Khoản 1.e, Điều 1 "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;	K5 Điều 2 Nghị định 71/2017
3		Khoản 1.g, Điều 1 g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	K3 Điều 2 Nghị định 71/2017
4		Khoản 1.j, Điều 1 j. "Công ty" là Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex.	Bổ sung để làm rõ hơn về thuật ngữ
5	Khoản 2 Điều 6 Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Khoản 2, Điều 6 <u>Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 120 Luật doanh nghiệp 2014.
6	Khoản 1, Điều 8 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm	Khoản 1, Điều 8 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, <u>đăng</u>	Bổ sung cụm từ "đăng ký giao dịch"

	yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Áp dụng Điều 9 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
7	Khoản 3.c, Điều 13 Khi số thành viên của <u>Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định <u>hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ</u>	Khoản 3.c, Điều 13 Số thành viên <u>Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</u> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật <u>hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này</u>	Thành viên HĐQT giảm 1/3 quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2014
8	Khoản 4.a, Điều 13 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị</u> còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;	Khoản 4.a, Điều 13 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 13	Bổ sung đối tượng quy định Khoản 4 Điều 136 Luật doanh nghiệp
9	Khoản 2.m, Điều 14 Quyết định đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán	Khoản 2.l, Điều 14 <u>Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản</u> có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán	Điểm d khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp
10	Khoản 2.p, Điều 14 Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán	Khoản 2.o, Điều 14 Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất	Khoản 3 điều 162 Luật doanh nghiệp
11	Khoản 2, Điều 15 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy	Khoản 2, Điều 15 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>cá nhân, người đại</u>	Áp dụng Điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017

	quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	<u>diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</u> b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;	
12	Khoản 1, Điều 16 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	Khoản 1, Điều 16 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.	Áp dụng Điều 17 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
13	Khoản 2.a, Điều 17 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội <u>chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông</u>	Khoản 2.a, Điều 17 Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <u>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>	Điều 137 Luật doanh nghiệp 2014 Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Mẫu TT 95/2017
14	Khoản 3, Điều 17 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.	Khoản 3, Điều 17 Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <u>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</u>	Khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014 Khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp 2014 Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Mẫu Thông tư 95/2017 Quy định chi tiết hơn về danh mục tài liệu công bố trước khi tổ chức ĐHĐCĐ

		a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	
15	Khoản 6, Điều 17 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Bỏ	Điều lệ dự thảo đã quy định chung vào khoản 3 Điều 17
16	Khoản 7, Điều 17 Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Bỏ	Điều lệ dự thảo điều chỉnh, chuyển sang Điều 20
17	Khoản 5, Điều 19 <u>Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</u>	Khoản 5, Điều 19 <u>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp</u>	Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014
18	Khoản 7, Điều 19 <u>Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</u>	Khoản 7, Điều 17 <u>Chủ toạ đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự</u>	Khoản 4 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014

19	Khoản 8, 9, 10 Điều 19 8. <u>Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp.</u> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. 9. <u>Hội đồng quản trị</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: <u>Hội đồng quản trị</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể: 	Khoản 8, 9, 10 Điều 19 8. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.</u> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội. 9. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. 10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể: 	Khoản 7 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2014
20	Khoản 1.c, Điều 20 <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</u>	Khoản 1.c, Điều 20 <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</u>	Việc “bầu” TV HĐQT, BKS được dự thảo Điều lệ quy định riêng thành khoản 2 Điều 20
21		Khoản 2, Điều 20 <u>Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</u>	Áp dụng Điều 21 Điều lệ Mẫu Thông tư 95/2017

22		Khoản 4, Điều 20 <u>Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định</u>	Chuyển khoản 7 Điều 17 Điều lệ cũ xuống Áp dụng Khoản 4 Điều 21 Điều lệ Mẫu Thông tư 95/2017
23		Khoản 4, Điều 21 <u>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền</u>	Bổ sung Áp dụng Khoản 4 Điều 22 Thông tư 95/2017
24	Khoản 6, Điều 21 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu	Khoản 7, Điều 21 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu</u>	Khoản 6 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014
25	Khoản 8, Điều 21 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>65%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Khoản 9, Điều 21 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>51%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Áp dụng Khoản 4 Điều 144 Luật Doanh nghiệp
26	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <u>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</u> <u>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</u> <u>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</u> <u>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</u>	Thay đổi toàn bộ nội dung Điều 22 Áp dụng Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014

tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy

		quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
27	Điều 23: Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản <u>kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông</u> quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.	Điều 23 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản <u>kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông</u> quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.	Điều 147 Luật doanh nghiệp 2014
28		Khoản 1, Điều 24 <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u> a. <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> b. <u>Trình độ học vấn;</u> c. <u>Trình độ chuyên môn;</u> d. <u>Quá trình công tác;</u> e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên</u>	Bổ sung quy định chi tiết về các thông tin bắt buộc mà các ứng viên phải công bố Điều 11 Nghị định 71/2007/NĐ-CP

		Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có).	
29		Khoản 4, Điều 24 4. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị: a. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty. b. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc (Tổng giám đốc). c. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.	Điều 12 Nghị định 71/2017
30		Khoản 2, Điều 25 Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.	Bổ sung Khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2007/NĐ-CP
31	Khoản 5, Điều 24 Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết	Bỏ	Tránh việc HĐQT được tự thay thế thành viên, nâng cao quyền lực được lựa chọn TV HĐQT của ĐHĐCĐ

	thúc nhiệm kỳ của họ. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.		
32	Khoản 4 Điều 24: 4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 3 Điều 25: 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. <u>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</u> g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung thêm quy định Điểm f khoản 3 Áp dụng Điều 26 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
33	Khoản 3 Điều 25: 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu	Khoản 2 Điều 26: 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;	Bổ sung thêm quy định này Áp dụng Điểm h khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017

chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó; e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức; m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.	c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; <u>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</u> <u>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u> j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc; p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có). 3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê	
--	--	--

		chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty;	
34	Khoản 4.c, Điều 25 Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ <u>các hợp đồng lớn</u> của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh)	Tiết c, khoản 3, Điều 26 Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ <u>các hợp đồng</u> của Công ty;	Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 Áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
35	Tiết i, khoản 4, Điều 25 i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần	Tiết i, khoản 3, Điều 26 i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% <u>tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng</u>	Khoản 1 Điều 130 Luật doanh nghiệp 2014 Điểm i Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
36	Khoản 8, Điều 25: 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	Khoản 2 Điều 27: 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <u>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</u>	Áp dụng Khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
37	Khoản 3, 4, Điều 27 3. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</u> Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản	Khoản 3, 4, Điều 29 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	Khoản 4, 5 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014

	trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 <u>phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. <u>Các trường hợp khác (nếu có).</u> 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày</u> làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 29 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản	
38	Khoản 7, Điều 27 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và <u>việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố</u>. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.	Khoản 7, Điều 29 Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và <u>các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày</u> làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, <u>việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó</u>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên	Khoản 6, 7 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014
39	Khoản 8, Điều 27 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <u>mười lăm</u>	Khoản 8, Điều 29 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp <u>hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</u>. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <u>bảy (07)</u>	Khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014 Áp dụng Khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017

	(15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp	ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp	
40		Khoản 10, Điều 29 <u>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</u>	Bổ sung Áp dụng Khoản 9 Điều 153 Luật Doanh nghiệp; Khoản 10 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
41		Khoản 11.e, Điều 29 <u>Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết</u>	Bổ sung Áp dụng Khoản 7 Điều 153 Luật doanh nghiệp 2014; Điểm e Khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
42	Khoản 14, Điều 27 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp</u>	Khoản 15, Điều 29 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. <u>Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</u>	Áp dụng Khoản 2 Điều 16 ND 71/2007; Khoản 15 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
43		Khoản 1, Điều 30: <u>Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</u>	Bổ sung Điều 30 được tách ra từ khoản 15, 16 Điều

		<u>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u>	27 của Điều lệ cũ Áp dụng Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
44	Điều 31. Thư ký Công ty Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty 1. Trong trường hợp Công ty trở thành Công ty niêm yết hoặc xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. <u>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</u> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. <u>Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</u>	Điều 18NĐ 71/2017 Áp dụng Điều 32 Điều lệ Mẫu TT 95/2017

	Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	4. <u>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> a. <u>Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</u> b. <u>Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u> c. <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u> d. <u>Tham dự các cuộc họp;</u> e. <u>Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</u> f. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</u> g. <u>Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</u> h. <u>Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</u> i. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	
45	Điều 29. Cán bộ quản lý	Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	Đổi tên Áp dụng Điều 34 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
46		Khoản 1, Điều 35 <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp</u>	Bổ sung quy định chi tiết về các thông tin bắt buộc mà các ứng viên phải công bố
		<u>ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp</u>	Áp dụng Khoản 1 Điều 11 ND 71/2017; Điều 25

		lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> b. <u>Trình độ học vấn;</u> c. <u>Trình độ chuyên môn;</u> d. <u>Quá trình công tác;</u> e. <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;</u> f. <u>Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;</u> g. <u>Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</u> h. <u>Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</u> i. <u>Các thông tin khác (nếu có).</u>	Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
47	Khoản 1 Điều 32 1. <u>Các Kiểm soát viên không phải là người đang giữ các chức vụ quản lý của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u> Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. <u>Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u>	Khoản 2,3 Điều 36 2. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u> a) <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u> b) <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</u> 3. <u>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</u>	Áp dụng Khoản 2 Điều 20 NĐ 71/2017/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017

48	Khoản 5 Điều 32 Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Khoản 4,5 Điều 36 4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	Điều lệ dự thảo tách các trường hợp không còn tư cách thành viên BKS thành trường hợp miễn nhiệm và bãi nhiệm riêng Khoản 1 Điều 107 Luật doanh nghiệp Khoản 4, 5 Điều 37 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017
49	Điều 33. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;	Điều 37. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông; d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi	Điều 165 Luật doanh nghiệp 2014 Điều 38 Thông tư Điều lệ mẫu 95/2017

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý; đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <u>Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</u> 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u> 4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	<u>phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</u> <u>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</u> <u>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</u> 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <u>Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</u> 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ <u>hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên</u> trở lên dự họp. 4. <u>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	
--	---	--

50	Khoản 3, Điều 35: 3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Khoản 4, Điều 39: 4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính <u>trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</u>	Khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017
51	Khoản 2, 3 Điều 42 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	Khoản 2, 3 Điều 46 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và <u>lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.</u> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. 3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	Áp dụng Điều 47 Điều lệ Mẫu, Thông tư 95/2017/TT-BTC
52	Khoản 1, Điều 47: Tòa án tuyên bố công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành	Khoản 1 Điều 51: c. <u>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</u>	Điều 201 Luật doanh nghiệp

Số: 13 /2019/TT-HĐQT

Hà Nội, ngày 1 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v: Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 01/07/2011 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2017 ngày 26/12/2017 và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 ngày 22/03/2018;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 32/GCN-UBCK ngày 02/07/2018 và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 183/2018/TCKH ngày 07/09/2018;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán mục đích sử dụng vốn của Công ty TNHH kiểm toán AVA.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 ngày 26/12/2017 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 22/03/2018, Công ty Cổ phần Vinaconex P&C đã phát hành thành công cổ phiếu trong đợt tăng vốn, cụ thể như sau:

I. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Thời gian thực hiện công tác chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho CBCNV theo chương trình ưu đãi cho CBCNV (ESOP): Từ ngày 23/07/2018 đến ngày 05/09/2018.
2. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 11.399.998 cổ phiếu, đạt 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Trong đó:
 - Phân phát hành cho cổ đông hiện hữu: 9.114.999 cổ phiếu
 - Phân phát hành cho CBCNV (ESOP): 2.284.999 cổ phiếu
3. Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 120.157.755.148 đồng
4. Tổng chi phí công tác phát hành tăng vốn : 217.600.000 đồng
5. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 119.940.155.148 đồng
6. Hoàn thành công tác lưu ký cổ phiếu phát hành thêm và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 10/2018.

II. Tình hình sử dụng vốn góp

TT	Nhu cầu sử dụng vốn	Số vốn thu được (VNĐ)	Tình hình sử dụng
1	Tất toán khoản vay đã dùng để bổ sung vốn góp còn thiếu vào Dự án Thủy điện Xuân Minh	24.000.000.000	Đã thực hiện
2	Bổ sung vốn lưu động	66.157.755.148	Đã thực hiện
3	Đầu tư Dự án Thủy điện Xuân Khao	30.000.000.000	Đang gửi sổ tiết kiệm tiền gửi chờ góp vốn khi Dự án được cấp phép đầu tư
	Tổng cộng	120.157.755.148	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VƯƠNG HOÀNG MINH

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

V/v: Thanh toán cổ tức còn lại của năm 2018 bằng cổ phiếu**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 62/2010/QH12 ngày 01/07/2011 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex;

Căn cứ nhu cầu vốn của Công ty và tối ưu hóa lợi ích của cổ đông, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 phương án thanh toán cổ tức năm 2018 như sau:

+ Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng hai hình thức tiền mặt và cổ phiếu, cụ thể:

Chia cổ tức năm 2018 là 35% tương đương với 3.500 đồng/CP (35% vốn điều lệ 569,99993 tỷ đồng), trong đó số đã tạm ứng bằng tiền mặt ngày 28/12/2018 là 15%, tương đương số tiền 85.499.989.500 đồng; Số còn lại 20% thực hiện thanh toán bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH HĐQT****VƯƠNG HOÀNG MINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ĐỀ CỬ

Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VINACONEX P&C
(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 & Nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

Đồng ý đề cử

Ông/Bà.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ thường trú:.....

Làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VINACONEX P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 & Nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C ngày 16/03/2019.

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2019.

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là pháp nhân)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Ban kiểm soát.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 20/02/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ

Ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VINACONEX P&C

(Nhiệm kỳ 2019 - 2024)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 & Nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C

Tên cổ đông.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:.....

Cấp ngày:.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số cổ phần nắm giữ/đại diện:.....cổ phần

Mã số cổ đông (mã số này được ghi ngoài bì thư hoặc thư mời):.....

ứng cử làm ứng viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần VINACONEX P&C (Nhiệm kỳ 2019 - 2024) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 & Nhiệm kỳ 2019 - 2024 của Công ty cổ phần VINACONEX P&C ngày 16/03/2019.

Tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

....., ngày.....tháng..... năm 2019.

Cổ đông ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của Ứng viên Ban kiểm soát.
2. Tài liệu chứng minh số lượng cổ phần sở hữu và thời hạn nắm giữ liên tục 6 tháng tính đến ngày 20/02/2019.

Ảnh 4x6
(đóng dấu giáp lai)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----◇-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người tự ứng cử/được đề cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát
Công ty cổ phần VINACONEX P&C nhiệm kỳ 2019 - 2024)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Số CMTND/Hộ chiếu:.....ngày cấp.....nơi cấp.....
4. Ngày tháng năm sinh:
5. Nơi sinh:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Nguyên quán:
9. Hộ khẩu thường trú:
10. Nơi ở hiện nay:
11. Số điện thoại liên lạc:
12. Trình độ văn hóa:
13. Trình độ chuyên môn:
14. Trình độ ngoại ngữ:
15. Quá trình công tác (nêu tóm tắt thời gian công tác, đơn vị công tác, chức vụ nghề nghiệp):
+ Từ.....đến.....
+ Từ.....đến.....
16. Chức vụ hiện nay:
17. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác (nếu có):
18. Số cổ phần đang sở hữu hoặc ủy quyền đại diện tại Công ty cổ phần VINACONEX P&C:.....cổ phần, trong đó:
- Số cổ phần được ủy quyền đại diện:cổ phần
- Số cổ phần sở hữu cá nhân:cổ phần
19. Hành vi vi phạm pháp luật:
20. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty cổ phần VINACONEX P&C:.....
Tôi cam kết sẽ không vi phạm các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VINACONEX P&C và xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Xác nhận chính quyền địa phương hoặc
cơ quan cá nhân đang làm việc)

....., ngày.....tháng..... năm 2019.

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

BAO 1000
The above is a copy of the
copy to the
copy to the
copy to the
copy to the

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 38

1. Introduction

2. Methodology

3. Results

4. Discussion

5. Conclusion

6. References

7. Appendix

8. Acknowledgments

9. Author Biographies

10. Contact Information

11. Declaration of Interest

12. Data Availability Statement

13. Ethics Statement

14. Funding

15. Supplementary Materials

16. Correspondence

17. Copyright

18. Publisher's Note

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 0246.2699988
- Fax : 0246.2699977

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Phạm Bảo Long	Ủy viên	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Phạm Huy Hùng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2017	Ngày 02 tháng 10 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bảo Long	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 11 năm 2016
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Bảo Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hon Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Bảo Long
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2019

Head Office

02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3. 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội
Tel: 024. 3. 736 7879 Fax: 024. 3. 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3. 876 555 Fax: 0258. 3. 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ

15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City
Tel: 0292. 3. 764 995 Fax: 0292. 3. 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0043/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		218.265.522.678	108.365.883.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	100.152.226.892	6.277.830.941
1. Tiền	111		20.152.226.892	6.277.830.941
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.519.438.275	91.180.039.914
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.374.474.243	47.038.517.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	350.834.000	3.920.001.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.594.130.032	40.221.521.040
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(23.800.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.166.865.786	10.837.231.136
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.166.865.786	10.837.231.136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		426.991.725	70.781.820
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	426.991.725	70.781.820
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.027.495.832.692	1.087.796.660.626
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		909.116.369.635	969.328.291.378
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	734.507.307.455	791.642.306.126
<i>Nguyên giá</i>	222		1.238.031.148.570	1.234.359.638.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(503.523.841.115)	(442.717.332.583)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	174.609.062.180	177.685.985.252
<i>Nguyên giá</i>	228		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.390.937.820)	(22.314.014.748)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.183.755.134	2.710.925.255
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.183.755.134	2.710.925.255
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		102.000.000.000	102.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	102.000.000.000	102.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.195.707.923	13.757.443.993
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.195.707.923	13.757.443.993
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.245.761.355.370	1.196.162.544.437

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		449.536.787.491	561.311.199.159
I. Nợ ngắn hạn		310		381.482.161.421	345.304.186.805
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.12	63.293.374.708	17.246.487.708
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		-	4.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.13	26.578.317.780	19.061.256.496
4. Phải trả người lao động		314		9.068.301.308	6.103.894.294
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.14	2.084.236.326	2.413.152.322
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.15a	20.128.273.550	8.542.811.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.16a	257.680.010.700	286.833.086.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.17	2.649.647.049	603.497.649
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		68.054.626.070	216.007.012.354
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.15b	204.687.945	204.687.945
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.16b	67.849.938.125	215.802.324.409
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		796.224.567.879	634.851.345.278
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	796.224.567.879	634.851.345.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.940.175.148	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.589.351.149	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.695.111.582	178.851.395.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.700.511.129	178.851.395.278
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		153.994.600.453	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.245.761.355.370	1.196.162.544.437

Người lập biểu



Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	587.877.831.247	427.819.356.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		587.877.831.247	427.819.356.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.779.408.994	218.073.325.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		351.098.422.253	209.746.031.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.533.255.766	1.450.163.017
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33.781.723.430	38.975.439.096
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.674.491.214	38.334.615.332
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	65.783.881.070	28.323.123.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		254.066.073.519	143.897.631.527
11. Thu nhập khác	31	VI.6	182.960.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	233.215	48.127.129
13. Lợi nhuận khác	40		182.726.785	(48.127.129)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		254.248.800.304	143.849.504.398
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	14.754.210.351	7.951.863.805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		239.494.589.953	135.897.640.593
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		254.248.800.304	143.849.504.398
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		64.421.451.461	64.072.294.668
- Các khoản dự phòng	03	V.6	23.800.000.000	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	844.119.180	(104.427.236)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.589.398.630)	(1.149.974.667)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	31.674.491.214	38.334.615.332
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		372.399.463.529	245.002.012.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.609.398.361)	60.563.937
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.329.634.650)	(2.610.549.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49.469.895.080	1.998.780.749
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.205.526.165	5.968.459.015
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.412.298.820)	(39.139.536.579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(12.561.674.786)	(7.032.486.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.195.394.600)	(3.010.385.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		331.966.483.557	201.236.858.452
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.682.359.597)	(7.565.637.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		161.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	438.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(49.083.198.464)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		898.398.630	1.149.974.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.622.960.967)	(55.060.861.436)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	119.940.155.148	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	259.756.443.279	263.869.551.191
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(437.706.024.437)	(365.665.716.120)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(174.459.700.629)	(75.020.135.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(232.469.126.639)	(176.816.300.614)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		93.874.395.951	(30.640.303.598)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.277.830.941	36.918.134.531
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	100.152.226.892	6.277.830.941

Người lập biểu



Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Phạm Bảo Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh điện năng, xây lắp thủy điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty**Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh điện năng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh điện năng	51%	51%	51%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 143 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 138 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản vay có gốc ngoại tệ: tỷ giá do Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thông báo.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Phụ tùng thay thế: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê trụ sở, công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (174 tháng).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7
Cây lâu năm	3

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 65 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc xác nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi lập đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	84.949.533	4.386.602.140
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.067.277.359	1.891.228.801
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	80.000.000.000	
Cộng	100.152.226.892	6.277.830.941

(*) Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long là 30.000.000.000 VND được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 276/2018/HĐCC-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng ⁽ⁱ⁾	25.500.000.000		25.500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ⁽ⁱⁱ⁾	76.500.000.000		76.500.000.000	
Cộng	102.000.000.000		102.000.000.000	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801952893 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng có tổng vốn điều lệ 50.000.000.000 VND, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh có tổng vốn điều lệ 150.000.000.000 VND, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh 76.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã kết thúc giai đoạn xây dựng và đi vào hoạt động.
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng		
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý dự án cung cấp cho Công ty con	1.539.869.380	1.646.781.820
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng và thuê tài sản		209.553.330
Vay tiền từ Công ty con		1.700.000.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	1.530.000.000	1.020.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		49.083.198.464
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng và thuê tài sản	198.000.000	210.000.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát	807.324.236	1.268.847.497
Vay tiền của Công ty con	4.000.000.000	17.000.000.000
Trả tiền vay Công ty con	43.434.000.000	
Doanh thu dịch vụ tư vấn đào tạo, quản lý vận hành cho Công ty con	2.085.300.000	
Doanh thu xây lắp cho Công ty con	112.481.165.711	120.506.224.339

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	48.642.442.334	3.470.707.040
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	2.632.586.320	938.730.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	46.009.856.014	2.531.977.040
Phải thu các khách hàng khác	33.732.031.909	43.567.810.763
Công ty Mua bán điện	33.497.465.587	43.527.810.763
Các khách hàng khác	234.566.322	40.000.000
Cộng	82.374.474.243	47.038.517.803

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh Vinaconex		539.409.223
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp		661.377.805
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Đá hoa cương Khôi Nguyên		814.607.464
Công ty Cổ phần Lilama 10		938.877.148
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECCI	84.084.000	84.084.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Nga	40.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam – Hà Nội	200.000.000	
Các nhà cung cấp khác	26.750.000	881.645.431
Cộng	350.834.000	3.920.001.071

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.748.440.000		999.440.000	
Thù lao HĐQT, BKS	1.218.440.000		999.440.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện				
Bái Thượng - Cổ tức phải thu	1.530.000.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	38.845.690.032	(23.800.000.000)	39.222.081.040	
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại				
BALKAN	1.000.000.000		1.000.000.000	
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712		397.059.712	
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	36.700.511.129	(23.800.000.000)	36.700.511.129	
Tạm ứng	538.350.825		809.910.325	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	209.768.366		314.599.874	
Cộng	41.594.130.032	(23.800.000.000)	40.221.521.040	

6. Nợ xấu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chỉ có khoản nợ phải thu Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được xếp loại là nợ xấu, khoản nợ này đã quá hạn 02 năm, giá gốc là 34 tỷ đồng, số đã dự phòng là 23,8 tỷ đồng

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong năm	23.800.000.000	
Số cuối năm	23.800.000.000	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng thay thế	16.166.865.786		8.801.001.136	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			2.036.230.000	
Cộng	16.166.865.786		10.837.231.136	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	390.339.000	48.863.016
Chi phí bảo hiểm	36.652.725	21.918.804
Cộng	426.991.725	70.781.820

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	8.091.942.944	9.710.331.533
Công cụ dụng cụ	2.722.425.875	4.047.112.460
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	882.301.688	
Chi phí trả trước dài hạn khác	499.037.416	
Cộng	12.195.707.923	13.757.443.993

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	679.755.040.957	539.547.745.367	13.108.659.572	1.918.192.813	30.000.000	1.234.359.638.709
Mua trong năm		3.018.494.400	732.213.636	458.821.682		4.209.529.718
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)			(538.019.857)
Số cuối năm	679.755.040.957	542.566.239.767	13.302.853.351	2.377.014.495	30.000.000	1.238.031.148.570
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	157.267.000	975.278.614	4.620.018.897	957.332.813		6.709.897.324
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	173.069.681.776	261.810.469.603	6.857.478.883	965.535.660	14.166.661	442.717.332.583
Khấu hao trong năm	23.921.831.088	36.008.997.478	1.139.637.043	264.062.784	9.999.996	61.344.528.389
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)			(538.019.857)
Số cuối năm	196.991.512.864	297.819.467.081	7.459.096.069	1.229.598.444	24.166.657	503.523.841.115
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	506.685.359.181	277.737.275.764	6.251.180.689	952.657.153	15.833.339	791.642.306.126
Số cuối năm	482.763.528.093	244.746.772.686	5.843.757.282	1.147.416.051	5.833.343	734.507.307.455
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 728.023.702.961 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sử dụng đất có thời hạn:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	200.000.000.000	22.314.014.748	177.685.985.252
Tăng trong năm		3.076.923.072	
Giảm trong năm			(3.076.923.072)
Số cuối năm	200.000.000.000	25.390.937.820	174.609.062.180

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình thủy điện Xuân Mỹ	91.832.017	800.904.277
Công trình thủy điện Xuân Khao	3.313.416.885	1.910.020.978
Dự án nước sạch Vinaconex Thường Xuân	778.506.232	
Cộng	4.183.755.134	2.710.925.255

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	24.291.865.104	7.754.891.704
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	27.000.904	1.200.000
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	7.488.132.704	5.820.705.245
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	16.776.731.496	1.932.986.459
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	39.001.509.604	9.491.596.004
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	20.954.022.274	83.655.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	9.240.927.033	5.243.127.842
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.806.560.297	4.164.813.162
Cộng	63.293.374.708	17.246.487.708

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.458.061.505	55.040.310.750	(52.292.634.191)	6.205.738.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.061.674.785	14.754.210.351	(12.561.674.786)	8.254.210.350
Thuế thu nhập cá nhân	1.054.316.610	10.815.443.784	(9.405.177.004)	2.464.583.390
Thuế tài nguyên	4.151.943.936	47.756.511.012	(46.652.706.208)	5.255.748.740
Thuế môn bài		4.500.000	(4.500.000)	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.335.259.660	19.983.545.712	(19.920.768.136)	4.398.037.236
Cộng	19.061.256.496	148.354.521.609	(140.837.460.325)	26.578.317.780

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Năm 2018 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.248.800.304	143.849.504.398
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.824.434.192	254.206.370
- Các khoản điều chỉnh giảm	24.824.434.192	254.206.370
Thu nhập chịu thuế	279.073.234.496	144.103.710.768
Thu nhập được miễn thuế	(1.530.000.000)	(1.020.000.000)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	277.543.234.496	143.083.710.768
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính hưởng ưu đãi	271.696.243.655	137.967.115.786
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính không được hưởng ưu đãi	5.664.030.841	5.116.594.982
Thu nhập từ hoạt động khác	182.960.000	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	55.508.646.900	28.616.742.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(27.169.624.366)	(13.796.711.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(13.584.812.183)	(6.898.355.789)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.754.210.351	7.921.674.786
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		30.189.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	14.754.210.351	7.951.863.805

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.720,65 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Phí môi trường rừng

Công ty phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND/KWh x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	369.339.730	745.974.278
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	369.339.730	745.974.278
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.714.896.596	1.667.178.044
Chi phí lãi vay phải trả	1.714.896.596	1.452.704.202
Chi phí thí nghiệm		214.473.842
Cộng	2.084.236.326	2.413.152.322

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	19.898.588.596	8.538.310.725
Kinh phí công đoàn	177.053.409	
Bảo hiểm xã hội	34.507.884	
Bảo hiểm y tế	15.939.281	4.501.217
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.184.380	
Cộng	20.128.273.550	8.542.811.942

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>		39.634.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		39.434.000.000
Bà Đình Thái Hà		200.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	96.394.804.304	49.534.940.475
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱ⁾	8.225.978.719	14.914.564.956
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱⁱ⁾	3.294.340.058	14.620.375.519
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.427.457.410	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long ^(iv)	50.447.028.117	
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ^(v)</i>	10.533.700.000	87.216.755.556
Bà Phan Thị Loan		5.000.000.000
Bà Lê Thị An		15.000.000.000
Bà Đàm Thị Thúy Mùi	10.438.700.000	20.534.755.556
Ông Phạm Minh Hùng		10.000.000.000
Các cá nhân khác	95.000.000	36.682.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	<i>150.751.506.396</i>	<i>110.447.390.363</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Bên liên quan) ^(vi)	40.291.506.396	39.447.390.363
Các ngân hàng	110.460.000.000	71.000.000.000
Cộng	257.680.010.700	286.833.086.394

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền lương với thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền thuê tài nguyên, phí dịch vụ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 13 tháng 2 năm 2018 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị hạn mức là 50 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L – GINTER.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo thông báo số 199/TB-SHBTTL ngày 20/04/2018 về việc chấp thuận việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn, giá trị hạn mức là 25 tỷ đồng, để bổ sung vốn lưu động phục vụ vận hành nhà máy thủy điện Cửa Đạt với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng 1 lần, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi khoản vay được quy định theo từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về tài khoản của Công ty tại ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 650/2018/HDTDNH-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018 để trả cổ tức năm 2018, vay số tiền là 28 tỷ đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 5,1%/năm, khoản vay được cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0110/091018/HDTG/SHB.110600 trị giá 30 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas thông qua Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex). Theo đó, Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty ký hợp đồng vay lại của Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCD là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCD là lãi suất LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	39.634.000.000	5.650.000.000		(45.284.000.000)		
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.534.940.475	190.476.579.279		(143.616.715.450)		96.394.804.304
Vay ngắn hạn các cá nhân	87.216.755.556	61.329.864.000		(138.012.919.556)		10.533.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	39.447.390.363		39.447.386.284	(39.447.389.431)	844.119.180	40.291.506.396
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	71.000.000.000		110.805.000.000	(71.345.000.000)		110.460.000.000
Cộng	286.833.086.394	257.456.443.279	150.252.386.284	(437.706.024.437)	844.119.180	257.680.010.700

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan		39.447.386.284
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		39.447.386.284
Vay dài hạn ngân hàng	67.849.938.125	176.354.938.125
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾	66.354.938.125	176.354.938.125
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam ⁽ⁱⁱ⁾	1.495.000.000	
Cộng	67.849.938.125	215.802.324.409

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Bên vay tại 4 tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa mà bên vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt, thời hạn vay đến ngày 25 tháng 05 năm 2020, thời gian ân hạn là 0 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm và có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong vòng 02 năm tiếp theo sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Các năm còn lại sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,7%/năm. Lãi suất năm 2018 là 7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản tại Dự án Thủy điện Cửa Đạt.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nam để mua xe Toyota Landcruiser VXJ202L - GINTER; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 12/02/2018. Lãi suất 8,6%/năm, cố định 2 năm kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ưu đãi trên, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau tại Ngân hàng cộng 3,3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Nợ gốc được trả đều làm 20 kỳ, 03 tháng/01 kỳ, mỗi kỳ trả 115.000.000 VNĐ. Nợ gốc được trả ngày 26 của tháng cuối kỳ. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L - GINTER.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	40.291.506.396	40.291.506.396		
Vay dài hạn ngân hàng	178.309.938.125	110.460.000.000	67.849.938.125	
Cộng	218.601.444.521	150.751.506.396	67.849.938.125	

Số đầu năm

Vay dài hạn bên liên quan	78.894.776.647	39.447.390.363	39.447.386.284	
Vay dài hạn ngân hàng	247.354.938.125	71.000.000.000	176.354.938.125	
Cộng	326.249.714.772	110.447.390.363	215.802.324.409	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn bên liên quan	39.447.386.284		(39.447.386.284)	
Vay dài hạn ngân hàng	176.354.938.125	2.300.000.000	(110.805.000.000)	67.849.938.125
Cộng	215.802.324.409	2.300.000.000	(150.252.386.284)	67.849.938.125

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	603.497.649	149.882.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.794.882.000	3.464.000.000
Chi quỹ	(4.748.732.600)	(3.010.385.000)
Số cuối năm	2.649.647.049	603.497.649

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	455.999.950.000			115.873.747.185	571.873.697.185
Lợi nhuận trong năm trước				135.897.640.593	135.897.640.593
Chia cổ tức				(68.399.992.500)	(68.399.992.500)
Trích lập các quỹ				(3.464.000.000)	(3.464.000.000)
Thủ lao HĐQT, BKS				(1.056.000.000)	(1.056.000.000)
Số dư cuối năm trước	455.999.950.000			178.851.395.278	634.851.345.278

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	455.999.950.000			178.851.395.278	634.851.345.278
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	113.999.980.000	6.157.775.148			120.157.755.148
Chi phí phát hành cổ phiếu		(217.600.000)			(217.600.000)
Lợi nhuận trong năm nay				239.494.589.953	239.494.589.953
Trích lập các quỹ			29.589.351.149	(36.384.233.149)	(6.794.882.000)
Chia cổ tức				(100.319.989.000)	(100.319.989.000)
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành				(4.390.662.000)	(4.390.662.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(1.056.000.000)	(1.056.000.000)
Tạm ứng cổ tức				(85.499.989.500)	(85.499.989.500)
Số dư cuối năm nay	569.999.930.000	5.940.175.148	29.589.351.149	190.695.111.582	796.224.567.879

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành 11.399.998 cổ phiếu thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán theo chương trình lựa chọn của người lao động. Tổng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu trong năm là 120.157.755.148 đồng được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

18b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	56.999.993	45.599.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 100.319.989.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 29.589.351.149
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.794.882.000
• Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	: 4.390.662.000
• Thù lao HĐQT, BKS	: 1.056.000.000

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 44/2018/QĐ - HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 là 15% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền tạm ứng cổ tức là 85.499.989.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	469.488.090.362	302.882.687.934
Doanh thu hợp đồng xây dựng	112.760.355.505	120.506.224.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.629.385.380	4.430.443.835
Cộng	<u>587.877.831.247</u>	<u>427.819.356.108</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (cổ đông góp vốn) với số tiền là 279.189.794 VND (năm trước là 165.576.149 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	124.671.157.301	98.253.251.866
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	107.256.741.781	115.488.463.205
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.851.509.912	4.331.609.987
Cộng	<u>236.779.408.994</u>	<u>218.073.325.058</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	773.083.764	183.757.843
Lãi tiền cho vay	230.136.986	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.530.000.000	1.020.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	35.016	104.427.236
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		141.977.938
Cộng	<u>2.533.255.766</u>	<u>1.450.163.017</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	31.674.491.214	38.334.615.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	760.191.711	41.845.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	844.119.180	
Chi phí tài chính khác	502.921.325	598.978.445
Cộng	<u>33.781.723.430</u>	<u>38.975.439.096</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.003.401.608	14.333.568.584
Chi phí vật liệu quản lý	2.100.000	108.074.048
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.776.144.764	103.088.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.411.399	706.258.049
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	33.312.532
Chi phí dự phòng	23.800.000.000	
Chi phí thuê văn phòng	981.840.491	939.462.910
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	5.345.288.225	3.102.370.090
Chi phí công tác	1.817.213.140	191.149.907
Chi phí du lịch	1.294.329.883	905.787.562
Các chi phí khác	4.798.151.560	7.900.051.067
Cộng	<u>65.783.881.070</u>	<u>28.323.123.444</u>

6. Thu nhập khác

Là khoản thu từ thanh lý tài sản cố định, vật tư.

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp tiền bảo hiểm	233.215	48.127.129
Thuế bị phạt, bị truy thu		48.127.129
Cộng	<u>233.215</u>	<u>48.127.129</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.276.652.536	6.135.774.053
Chi phí nhân công	54.284.705.474	38.153.344.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.421.451.461	64.072.294.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.121.881.084	118.686.459.327
<i>Trong đó, Chi phí thuê thầu phụ</i>	<i>101.777.605.229</i>	<i>115.621.970.621</i>
Chi phí khác	63.422.369.509	65.261.010.143
Cộng	<u>300.527.060.064</u>	<u>292.308.883.092</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về khoản đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả lãi vay với cá nhân có liên quan – Bà Đinh Thái Hà là vợ của Tổng Giám đốc Công ty với số tiền lần lượt là 1.650.000.000 VND, 1.850.000.000 VND và 24.288.889 VND, lãi suất là 8%/năm (cùng kỳ năm trước số tiền đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả nợ lãi vay cho Bà Đinh Thái Hà lần lượt là 500.000.000 VND, 1.620.000.000 VND và 72.186.667 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	6.715.105.269	1.745.395.238
Phụ cấp	420.000.000	481.305.238
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	4.390.662.000	
Thù lao HĐQT, BKS	1.275.000.000	1.056.000.000
Cộng	12.800.767.269	3.282.700.476

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phải trả phí bảo lãnh khoản vay	405.421.325	
Phải trả chi phí lãi vay	2.339.100.879	38.334.615.332
Trả nợ gốc vay	39.447.389.431	39.491.263.013
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP		
Tạm ứng thực hiện gói thầu xây dựng		4.242.669.900
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	6.744.128.842	19.925.512.225
Chuyển tiền cho vay	50.000.000.000	
Thu tiền cho vay	50.000.000.000	
Phải thu lãi cho vay	230.136.986	
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP		
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	42.241.015.022	41.371.522.600

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.14 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh điện.
- Lĩnh vực khác: Xây lắp, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	469.488.090.362	118.389.740.885	587.877.831.247
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.488.090.362	118.389.740.885	587.877.831.247
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	344.816.933.061	6.281.489.192	351.098.422.253
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			65.783.881.070
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			285.314.541.183
Doanh thu hoạt động tài chính			2.533.255.766
Chi phí tài chính			33.781.723.430
Thu nhập khác			182.960.000
Chi phí khác			233.215
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			14.754.210.351
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			239.494.589.953
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.863.773.426		6.863.773.426
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	65.560.508.167		65.560.508.167
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	302.882.687.934	124.936.668.174	427.819.356.108
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	302.882.687.934	124.936.668.174	427.819.356.108
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	204.629.436.068	5.116.594.982	209.746.031.050
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			28.323.123.444
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			181.422.907.606
Doanh thu hoạt động tài chính			1.450.163.017
Chi phí tài chính			38.975.439.096
Thu nhập khác			
Chi phí khác			48.127.129
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			7.951.863.805
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			135.897.640.593
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.910.234.348		5.910.234.348
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	70.149.766.741		70.149.766.741

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	984.303.911.785	49.966.526.334	1.034.270.438.119
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			211.490.917.251
Tổng tài sản			1.245.761.355.370
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	327.244.845.421	63.293.374.708	390.538.220.129
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			58.998.567.362
Tổng nợ phải trả			449.536.787.491
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.049.556.613.270	9.461.208.680	1.059.017.821.950
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			137.144.722.487
Tổng tài sản			1.196.162.544.437
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	340.870.090.291	12.996.819.546	353.866.909.837
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			207.444.289.322
Tổng nợ phải trả			561.311.199.159

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Giám đốc

Phạm Bảo Long

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

TEL. 773-936-5000

1000 N. EAST AVE. CHICAGO, ILL. 60607

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VINACONEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 0246.2699988
- Fax : 0246.2699977

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thăm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Phạm Bảo Long	Ủy viên	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Phạm Huy Hùng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2017	Ngày 02 tháng 10 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bảo Long	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 11 năm 2016
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Bảo Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



Phạm Bảo Long
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 02 năm 2019

Số: 2.0075/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		214.359.978.710	163.114.856.502
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	105.917.313.669	23.635.808.860
1. Tiền		111		25.917.313.669	23.635.808.860
2. Các khoản tương đương tiền		112		80.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		1.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2	1.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		81.866.522.177	109.335.466.323
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	42.882.286.351	45.427.015.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	666.104.460	13.380.899.116
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5	62.118.131.366	50.527.551.919
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(23.800.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		21.625.695.423	13.304.967.833
1. Hàng tồn kho		141	V.7	21.625.695.423	13.304.967.833
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		3.950.447.441	16.838.613.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.8a	487.658.803	70.781.820
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		3.462.788.638	16.728.198.366
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	39.633.300
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.539.344.983.039	1.367.108.375.421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.491.981.212.280	1.122.721.115.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.317.372.150.100	945.035.130.681
<i>Nguyên giá</i>	222		1.834.424.260.568	1.390.669.791.617
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(517.052.110.468)	(445.634.660.936)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	174.609.062.180	177.685.985.252
<i>Nguyên giá</i>	228		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.390.937.820)	(22.314.014.748)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.183.755.134	229.418.004.574
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.183.755.134	229.418.004.574
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		43.180.015.624	14.969.254.914
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	43.180.015.624	14.969.254.914
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.753.704.961.749	1.530.223.231.923

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		870.527.741.048	804.336.145.552
I. Nợ ngắn hạn	310		430.498.760.630	340.027.794.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	93.074.473.766	34.500.219.450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	28.372.645.706	19.539.063.853
4. Phải trả người lao động	314		9.186.826.566	6.469.788.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.801.409.378	6.490.498.868
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	20.448.084.941	8.836.840.431
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	273.935.213.224	258.999.086.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.680.107.049	692.297.649
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		440.028.980.418	464.308.350.587
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	204.687.945	204.687.945
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	439.824.292.473	464.103.662.642
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

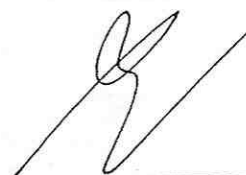
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		883.177.220.701	725.887.086.371
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	883.177.220.701	725.887.086.371
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.940.175.148	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.589.351.149	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		177.882.782.795	170.854.483.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28.452.271.104	170.854.483.253
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		149.430.511.691	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		99.764.981.609	99.032.653.118
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.753.704.961.749	1.530.223.231.923

Người lập biểu

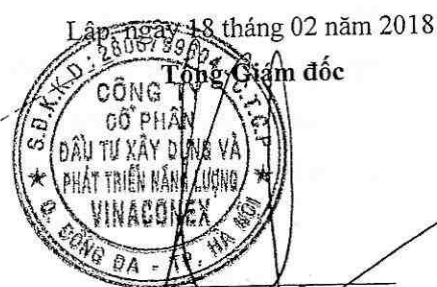


Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

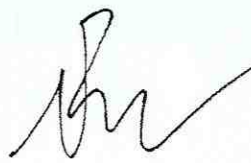
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	512.526.062.332	322.065.191.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		512.526.062.332	322.065.191.754
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	143.039.945.389	107.068.436.519
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		369.486.116.943	214.996.755.235
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.024.670.626	457.130.185
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.232.846.952	44.645.552.236
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.125.614.736	44.004.728.472
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	71.566.259.237	31.832.543.925
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		250.711.681.380	138.975.789.259
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.475.119.240	783.000.000
13. Chi phí khác	32	VI.7	58.288.587	50.553.696
14. Lợi nhuận khác	40		1.416.830.653	732.446.304
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		252.128.512.033	139.708.235.563
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	14.754.210.351	7.951.863.805
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		237.374.301.682	131.756.371.758
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		234.930.501.191	130.784.821.222
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.443.800.491	971.550.536
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4.129	2.621
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	4.129	2.621

Người lập biểu

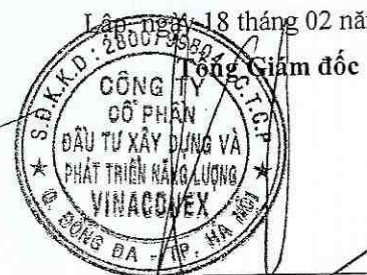


Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Lập ngày 18 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc

Phạm Bảo Long

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		252.128.512.033	139.708.235.563
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		75.032.392.461	66.712.029.932
- Các khoản dự phòng	03	V.7	23.800.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	844.119.180	(104.427.236)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.059.398.630)	(129.974.667)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	46.125.614.736	44.004.728.472
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		396.871.239.780	250.190.592.064
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.973.987.174	(25.359.924.264)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.320.727.590)	(5.078.286.019)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		62.401.032.699	55.942.271.639
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.627.637.693)	4.772.740.476
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(50.317.403.436)	(44.718.441.620)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(12.561.674.786)	(7.032.486.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.505.062.600)	(3.290.509.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		365.913.753.547	225.425.956.433
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(219.058.239.368)	(182.608.585.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	161.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	438.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		898.398.630	129.974.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(218.998.840.738)	(182.040.610.848)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	119.940.155.148	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	418.809.900.138	367.911.669.263
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(428.997.262.657)	(350.350.716.120)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(174.386.200.629)	(76.000.135.685)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.633.408.000)	(58.439.182.542)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		82.281.504.809	(15.053.836.957)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.635.808.860	38.689.645.817
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	105.917.313.669	23.635.808.860

Người lập biểu

Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Lập ngày 18 tháng 02 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh điện năng, xây lắp thủy điện.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh điện năng	51%	51%	51%	51%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 165 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 165 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản vay có gốc ngoại tệ: tỷ giá do Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thông báo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Phụ tùng thay thế: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thuê trụ sở. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước.

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng là chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án và được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê đất còn lại là 47 năm, bắt đầu từ tháng 9 năm 2018.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (174 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7
Cây lâu năm	3

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 65 năm

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.850.036.310	7.177.142.255
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.067.277.359	16.458.666.605
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	80.000.000.000	
Cộng	105.917.313.669	23.635.808.860

(*) Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long là 30.000.000.000 VND được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 276/2018/HĐCC-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>99.238.000</i>	<i>241.120.000</i>
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	99.238.000	241.120.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>42.783.048.351</i>	<i>45.185.895.288</i>
Công ty Mua bán điện	33.497.465.587	43.527.810.763
Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	8.504.902.192	1.477.034.275
Các khách hàng khác	780.680.572	181.050.250
Cộng	42.882.286.351	45.427.015.288

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thiên Phát - Thiên Tân		8.743.702.091
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	200.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động hóa và Thiết bị Cơ khí ATMETCO	273.900.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinacorex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECCI	84.084.000	84.084.000
Các nhà cung cấp khác	108.120.460	4.553.113.025
Cộng	666.104.460	13.380.899.116

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.218.440.000</i>		<i>999.440.000</i>	
Thù lao HĐQT, BKS	1.218.440.000		999.440.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>60.899.691.366</i>	<i>(23.800.000.000)</i>	<i>49.528.111.919</i>	
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại BALKAN	1.000.000.000		1.000.000.000	
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712		397.059.712	
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	36.700.511.129	(23.800.000.000)	36.700.511.129	
Ký cược, ký quỹ	1.224.282.466		4.564.628.465	
Tạm ứng của bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	2.728.600.000		50.000.000	
Tạm ứng của bà Lại Thị Thủy	4.350.000.000		494.007.242	
Tạm ứng của ông Nguyễn Hùng Cường	5.270.000.000		1.215.000.000	
Tạm ứng của ông Đặng Đức Nam	2.439.654.000			
Tạm ứng	2.882.199.857		3.516.505.497	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.907.384.202		1.590.399.874	
Cộng	62.118.131.366	(23.800.000.000)	50.527.551.919	

6. Nợ xấu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tập đoàn chỉ có khoản nợ phải thu Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được xếp loại là nợ xấu, khoản nợ này đã quá hạn 02 năm, giá gốc là 34 tỷ đồng, số đã dự phòng là 23,8 tỷ đồng

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong năm	23.800.000.000	
Số cuối năm	23.800.000.000	

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng thay thế	21.625.695.423		11.268.737.833	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			2.036.230.000	
Cộng	21.625.695.423		13.304.967.833	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	390.339.000	48.863.016
Chi phí bảo hiểm	36.652.725	21.918.804
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.667.078	
Cộng	487.658.803	70.781.820

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	8.091.942.944	9.710.331.533
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	24.874.632.823	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.949.868.287	801.467.773
Công cụ dụng cụ	2.761.172.440	4.286.670.403
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.502.399.130	170.785.205
Cộng	43.180.015.624	14.969.254.914

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cây lâu năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	734.165.097.137	639.119.692.095	15.436.809.572	1.918.192.813	30.000.000	1.390.669.791.617
Mua trong năm		3.435.585.603	732.213.636	458.821.682		4.626.620.921
Đầu tư XDCB hoàn thành	231.588.532.727	208.077.335.160				439.665.867.887
Phân loại lại	(176.923.465)	176.923.465				
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)			(538.019.857)
Số cuối năm	965.576.706.399	850.809.536.323	15.631.003.351	2.377.014.495	30.000.000	1.834.424.260.568
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	157.267.000	975.278.614	4.620.018.897	957.332.813		6.709.897.324
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	173.621.948.852	263.587.887.009	7.445.122.754	965.535.660	14.166.661	445.634.660.936
Khấu hao trong năm	26.907.091.637	43.323.510.413	1.450.804.559	264.062.784	9.999.996	71.955.469.389
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)	-	-	(538.019.857)
Số cuối năm	200.529.040.489	306.911.397.422	8.357.907.456	1.229.598.444	24.166.657	517.052.110.468
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	560.543.148.285	375.531.805.086	7.991.686.818	952.657.153	15.833.339	945.035.130.681
Số cuối năm	765.047.665.910	543.898.138.901	7.273.095.895	1.147.416.051	5.833.343	1.317.372.150.100
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.324.040.942.490 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh ghi tăng tài sản cố định là Dự án nhà máy thủy điện Xuân Minh, giá trị được tạm tính theo chi phí xây dựng cơ bản dở dang tập hợp được tại thời điểm tạm tăng và giá trị tài sản này có thể thay đổi khi quyết toán.

10. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất có thời hạn:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	200.000.000.000	22.314.014.748	177.685.985.252
Tăng trong năm		3.076.923.072	
Giảm trong năm			(3.076.923.072)
Số cuối năm	200.000.000.000	25.390.937.820	174.609.062.180

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Thủy điện Xuân Minh		226.707.079.319
Dự án Thủy điện Xuân Mỹ	91.832.017	800.904.277
Dự án Thủy điện Xuân Khao	3.313.416.885	1.910.020.978
Dự án nước sạch Vinaconex Thường Xuân	778.506.232	
Cộng	4.183.755.134	229.418.004.574

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	24.291.865.104	7.754.891.704
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	27.000.904	1.200.000
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	7.488.132.704	5.820.705.245
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	16.776.731.496	1.932.986.459
Phải trả các nhà cung cấp khác	68.782.608.662	26.745.327.746
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	22.262.083.136	83.655.000
Công ty TNHH Thiên Phát - Thiên Tân	20.431.532.921	-
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co., Ltd	953.432.940	5.454.898.692
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	11.286.288.743	8.050.306.548
Phải trả các nhà cung cấp khác	13.849.270.922	13.156.467.506
Cộng	93.074.473.766	34.500.219.450

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.458.061.505		57.144.198.151	(53.794.775.579)	6.807.484.077
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			9.544.809.791	(9.544.809.791)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt			10.335.330	(10.335.330)	
Thuế xuất, nhập khẩu		39.633.300	39.633.300	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.061.674.785		14.754.210.351	(12.561.674.786)	8.254.210.350
Thuế thu nhập cá nhân	1.375.821.656		11.335.219.588	(9.940.277.094)	2.770.764.150
Thuế tài nguyên	4.244.978.019		50.019.527.528	(49.008.756.807)	5.255.748.740
Thuế môn bài			10.500.000	(10.500.000)	
Các loại thuế khác			1.579.226.935	(1.512.115.510)	67.111.425
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.398.527.888		21.455.390.148	(20.636.591.072)	5.217.326.964
Cộng	19.539.063.853	39.633.300	165.893.051.122	(157.019.835.969)	28.372.645.706

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2018 là năm thứ 5 Công ty mẹ được giảm 50% số thuế phải nộp, là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác của Công ty mẹ và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.720,65 VND /KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Phí môi trường rừng

Tập đoàn phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND /KWh x Sản lượng.

Phí cấp quyền khai thác nước mặt

Tập đoàn phải nộp phí cấp quyền khai thác nước mặt cho hoạt động khai thác thủy điện theo mức phí đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>369.339.730</i>	<i>745.974.278</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	369.339.730	745.974.278
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.432.069.648</i>	<i>5.744.524.590</i>
Chi phí lãi vay phải trả	1.714.896.596	5.530.050.748
Chi phí thuế tài nguyên nước	257.545.860	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	459.627.192	-
Chi phí thí nghiệm	-	214.473.842
Cộng	2.801.409.378	6.490.498.868

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.972.088.596	8.538.310.725
Kinh phí công đoàn	189.354.256	13.667.910
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	50.447.165	24.825.953
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	236.194.924	260.035.843
Cộng	20.448.084.941	8.836.840.431

15b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

16. Vay ngắn hạn/dài hạn**16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>		<i>200.000.000</i>
Bà Đình Thái Hà		200.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>96.394.804.304</i>	<i>49.534.940.475</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ⁽ⁱ⁾	8.225.978.719	14.914.564.956
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱⁱ⁾	3.294.340.058	14.620.375.519
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.427.457.410	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long ^(iv)	50.447.028.117	
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ^(v)</i>	<i>16.736.600.000</i>	<i>89.816.755.556</i>
Bà Phan Thị Loan	-	5.000.000.000
Bà Lê Thị An	-	15.000.000.000
Bà Đàm Thị Thúy Mùi	10.438.700.000	20.534.755.556
Ông Phạm Minh Hùng	-	10.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	6.297.900.000	39.282.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	160.803.808.920	119.447.390.363
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Bên liên quan) ^(vi)	40.291.506.396	39.447.390.363
Các ngân hàng	120.512.302.524	80.000.000.000
Cộng	273.935.213.224	258.999.086.394

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền lương với thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền thuê tài nguyên, phí dịch vụ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 13 tháng 2 năm 2018 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị hạn mức là 50 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L – GINTER.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo thông báo số 199/TB-SHBTLS ngày 20/04/2018 về việc chấp thuận việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn, giá trị hạn mức là 25 tỷ đồng, để bổ sung vốn lưu động phục vụ vận hành nhà máy thủy điện Cửa Đạt với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng 1 lần, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi khoản vay được quy định theo từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về tài khoản của Công ty tại ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 650/2018/HDTDNH-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018 để trả cổ tức năm 2018, vay số tiền là 28 tỷ đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 5,1%/năm, khoản vay được cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0110/091018/HDTG/SHB.110600 trị giá 30 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay từ 03 đến 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas thông qua Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex). Theo đó, Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty ký hợp đồng vay lại của Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	200.000.000	1.650.000.000		(1.850.000.000)		
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.534.940.475	190.476.579.279		(143.616.715.450)		96.394.804.304
Vay ngắn hạn các cá nhân	89.816.755.556	69.652.764.000		(142.732.919.556)		16.736.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	39.447.390.363		39.447.386.284	(39.447.389.431)	844.119.180	40.291.506.396
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	80.000.000.000		120.857.302.524	(80.345.000.000)		120.512.302.524
Cộng	258.999.086.394	261.779.343.279	160.304.688.808	(407.992.024.437)	844.119.180	273.935.213.224

16b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan		39.447.386.284
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		39.447.386.284
Vay dài hạn ngân hàng	439.824.292.473	424.656.276.358
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾	66.354.938.125	176.354.938.125
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam ⁽ⁱⁱ⁾	1.495.000.000	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	371.974.354.348	248.301.338.233
Cộng	439.824.292.473	464.103.662.642

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Bên vay tại 4 tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa mà bên vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt, thời hạn vay đến ngày 25 tháng 05 năm 2020, thời gian ân hạn là 0 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm và có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong vòng 02 năm tiếp theo sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Các năm còn lại sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,7%/năm. Lãi suất năm 2018 là 7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản tại Dự án Thủy điện Cửa Đạt.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam để mua xe Toyota Landcruiser VXJ202L - GINTER; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 12/02/2018. Lãi suất 8,6%/năm, cố định 2 năm kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ưu đãi trên, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau tại Ngân hàng cộng 3,3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Nợ gốc được trả đều làm 20 kỳ, 03 tháng/01 kỳ, mỗi kỳ trả

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

115.000.000 VNĐ. Nợ gốc được trả ngày 26 của tháng cuối kỳ. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L – GINTER.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Thăng Long theo các hợp đồng:

- Hợp đồng vay 373/2014/HĐTDTDH - PN/SHB.110600 ngày 24/12/2014 số tiền vay 90.000.000.000 VNĐ, được giải ngân nhiều lần. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Bái Thượng, thanh toán cho các chi phí xây dựng và đầu tư thiết bị hợp lý. Thời gian vay 150 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tư. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước vay. Thời gian ân hạn gốc là 30 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Hình thức đảm bảo bao gồm: Bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex, toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, toàn bộ dòng tiền Dự án thủy điện Bái Thượng về tài khoản của bên cho vay. Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL02 - 373/2014/HĐTDTDH-PN/SHB.110600 ngày 18/6/2018 về thay đổi hạn mức tín dụng, hạn mức tín dụng mới là 102.000.000.000 VNĐ.
- Hợp đồng vay số 016/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.110600 ngày 18/01/2016, tổng hạn mức vay là 315.000.000.000 VNĐ. Mục đích là tài trợ cho dự án thủy điện Xuân Minh, lãi suất nhận nợ cụ thể theo từng lần nhận nợ. Thời gian vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Thời gian ân hạn gốc là 30 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng đảm bảo kỳ trả gốc đầu tiên là 04 tháng kể từ ngày tổ máy số 1 đi vào hoạt động, tùy theo điều kiện nào đến trước. Tài sản đảm bảo: Bảo lãnh thanh toán không hủy ngang toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tập đoàn chưa có lịch trả nợ của khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn của Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn bên liên quan	40.291.506.396	40.291.506.396		
Vay dài hạn ngân hàng	268.798.952.337	120.512.302.524	98.025.137.193	50.261.512.620
Cộng	309.090.458.733	160.803.808.920	98.025.137.193	50.261.512.620
Số đầu năm				
Vay dài hạn bên liên quan	78.894.776.647	39.447.390.363	39.447.386.284	
Vay dài hạn ngân hàng	346.995.966.522	80.000.000.000	185.995.966.522	81.000.000.000
Cộng	425.890.743.169	119.447.390.363	225.443.352.806	81.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn bên liên quan	39.447.386.284			(39.447.386.284)	
Vay dài hạn ngân hàng	424.656.276.358	157.030.556.859	(21.350.238.220)	(120.512.302.524)	439.824.292.473
Cộng	464.103.662.642	157.030.556.859	(21.350.238.220)	(159.959.688.808)	439.824.292.473

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	692.297.649	238.682.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.794.882.000	3.464.000.000
Chi quỹ	(4.807.072.600)	(3.010.385.000)
Số cuối năm	<u>2.680.107.049</u>	<u>692.297.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	455.999.950.000			113.115.930.531	62.944.421.582	632.060.302.113
Tăng do góp vốn					36.218.005.000	36.218.005.000
Lợi nhuận trong năm nay				130.784.821.222	971.550.536	131.756.371.758
Chia cổ tức, lợi nhuận				(68.278.668.500)	(980.000.000)	(69.258.668.500)
Trích lập các quỹ				(3.711.600.000)	(121.324.000)	(3.832.924.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(1.056.000.000)	-	(1.056.000.000)
Số dư cuối năm trước	455.999.950.000			170.854.483.253	99.032.653.118	725.887.086.371
Số dư đầu năm nay	455.999.950.000			170.854.483.253	99.032.653.118	725.887.086.371
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	113.999.980.000	6.157.775.148				120.157.755.148
Chi phí phát hành cổ phiếu		(217.600.000)				(217.600.000)
Lợi nhuận trong năm nay				234.930.501.191	2.443.800.491	237.374.301.682
Trích lập các quỹ			29.589.351.149	(36.384.233.149)		(6.794.882.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(100.319.989.000)	(735.000.000)	(101.054.989.000)
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành				(4.390.662.000)		(4.390.662.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(1.307.328.000)	(241.472.000)	(1.548.800.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2018				(85.499.989.500)	(735.000.000)	(86.234.989.500)
Số dư cuối năm nay	569.999.930.000	5.940.175.148	29.589.351.149	177.882.782.795	99.764.981.609	883.177.220.701

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành 11.399.998 cổ phiếu thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán theo chương trình lựa chọn của người lao động. Tổng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu trong năm là 120.157.755.148 đồng được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành/bán ra công chúng	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	56.999.993	45.599.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 100.319.989.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 29.589.351.149
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.794.882.000
• Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	: 4.390.662.000
• Thù lao HĐQT, BKS	: 1.056.000.000

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 44/2018/QĐ - HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 là 15% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền tạm ứng cổ tức là 85.499.989.500 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	511.247.980.774	320.969.930.566
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.278.081.558	1.095.261.188
Cộng	512.526.062.332	322.065.191.754

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan ngoài Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP. Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ với Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP là 279.189.794 VND (năm trước là 165.576.149 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	142.327.045.747	105.965.745.282
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	712.899.642	1.102.691.237
Cộng	143.039.945.389	107.068.436.519

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	794.498.624	189.141.456
Lãi tiền cho vay	230.136.986	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	35.016	163.561.493
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		104.427.236
Cộng	<u>1.024.670.626</u>	<u>457.130.185</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	46.125.614.736	44.004.728.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	760.191.711	41.845.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	844.119.180	
Chi phí tài chính khác	502.921.325	598.978.445
Cộng	<u>48.232.846.952</u>	<u>44.645.552.236</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.003.401.608	16.389.325.034
Chi phí vật liệu quản lý	2.100.000	110.446.548
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.776.144.764	103.088.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.411.399	867.448.177
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	36.312.532
Chi phí dự phòng	23.800.000.000	
Chi phí thuê văn phòng	981.840.491	939.462.910
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	5.345.288.225	3.102.370.090
Chi phí công tác	1.817.213.140	191.149.907
Chi phí du lịch	1.294.329.883	905.787.562
Các chi phí khác	10.580.529.727	9.187.152.470
Cộng	<u>71.566.259.237</u>	<u>31.832.543.925</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	161.000.000	
Lãi thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	40.560.000	
Thu nhập từ bán chứng nhận giảm phát thải	1.273.559.240	783.000.000
Cộng	<u>1.475.119.240</u>	<u>783.000.000</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại công cụ dụng cụ thanh lý	58.055.372	
Lãi chậm nộp tiền bảo hiểm	233.215	50.553.696
Thuế bị phạt, bị truy thu		
Cộng	<u>58.288.587</u>	<u>50.553.696</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	234.930.501.191	131.756.371.758
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.746.525.060)	(6.794.882.000)
- Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	(17.936.963.129)	(4.390.662.000)
- Thù lao HĐQT, BKS	(1.860.000.000)	(1.056.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	203.387.013.002	119.514.827.758
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	49.254.241	45.599.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.129	2.621

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	45.599.995	45.599.995
Ảnh hưởng của 11.399.998 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 05 tháng 9 năm 2018	3.654.246	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	49.254.241	45.599.995

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.774 VND xuống còn 2.622 VND.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay tạm tính theo cách tính tại Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2018: trích 5% tổng lợi nhuận sau thuế trong năm.

Thưởng cho Ban Quản lý, điều hành và Thù lao HĐQT, BKS năm nay được tạm tính theo phương án chi trả tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2018.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.276.652.536	65.520.400.953
Chi phí nhân công	54.284.705.474	38.893.921.742
Chi phí khấu hao tài sản cố định	75.032.392.461	66.712.029.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.310.409.156	62.453.706.428
Chi phí khác	70.665.815.000	87.424.294.669
Cộng	212.569.974.626	321.004.353.724

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về khoản đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả lãi vay với cá nhân có liên quan – Bà Đinh Thái Hà là vợ của Tổng Giám đốc Công ty với số tiền lần lượt là 1.650.000.000 VND, 1.850.000.000 VND và 24.288.889 VND, lãi suất là 8%/năm (cùng kỳ năm trước số tiền đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả nợ lãi vay cho Bà Đinh Thái Hà lần lượt là 500.000.000 VND, 1.620.000.000 VND và 72.186.667 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	6.715.105.269	1.745.395.238
Phụ cấp	420.000.000	481.305.238
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	4.390.662.000	
Thù lao HĐQT, BKS	1.275.000.000	1.056.000.000
Cộng	12.800.767.269	3.282.700.476

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	Cổ đông góp vốn
Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 – CTCP	Chi nhánh thuộc Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông góp vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch khác phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		
Phải trả phí bảo lãnh khoản vay	405.421.325	
Phải trả chi phí lãi vay	2.339.100.879	38.334.615.332
Trả nợ gốc vay	39.447.389.431	39.491.263.013
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP		
Tạm ứng thực hiện gói thầu xây dựng		4.242.669.900
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	6.744.128.842	19.925.512.225
Chuyển tiền cho vay	50.000.000.000	
Thu tiền cho vay	50.000.000.000	
Phải thu lãi cho vay	230.136.986	
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP		
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	42.241.015.022	41.371.522.600

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ của các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.14 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

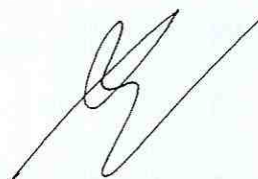
Công ty chủ yếu sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình



Tổng Giám đốc

Phạm Bảo Long

